

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LÊ THỊ HẢI YẾN

**CẢM HỨNG BIÊN ĐẢO TRONG THƠ VIỆT NAM  
TỪ 1986 ĐẾN NAY**  
(Qua các tác giả Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh,  
Nguyễn Việt Chiến)

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

THÁI NGUYÊN - 2017

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**LÊ THỊ HẢI YẾN**

**CẢM HỨNG BIÊN ĐẢO TRONG THƠ VIỆT NAM  
TỪ 1986 ĐẾN NAY**

**(Qua các tác giả Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh,  
Nguyễn Việt Chiến)**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam**

**Mã số: 60.22.01.21**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Lưu Khánh Thơ**

**THÁI NGUYÊN - 2017**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các nội dung của luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào khác.

*Thái Nguyên, tháng 6 năm 2017*

**Tác giả luận văn**

***Lê Thị Hải Yến***

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành bản luận văn này, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới PGS.TS. Lưu Khánh Thơ đã trực tiếp hướng dẫn, tận tâm, nhiệt tình giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài.

Nhân dịp này, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo trong khoa Ngữ văn, khoa Sau Đại học - Trường Đại học Sư phạm (Đại học Thái Nguyên) đã giảng dạy và giúp đỡ tôi hoàn thành khóa học.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè và đồng nghiệp đã quan tâm, động viên giúp đỡ tôi suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Với trình độ và kiến thức hạn chế của người viết, luận văn chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự lượng thứ và góp ý chân thành của các thầy cô giáo cùng bạn bè đồng nghiệp đã quan tâm đến vấn đề được tìm hiểu trong luận văn. Tôi xin chân thành cảm ơn.

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN .....	ii
MỤC LỤC.....	iii
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài .....	1
2. Lịch sử vấn đề.....	3
3. Đối tượng, phạm vi, mục đích nghiên cứu .....	6
4. Đóng góp của luận văn .....	7
5. Phương pháp nghiên cứu .....	7
6. Cấu trúc luận văn.....	7
<b>Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ ĐỀ BIỂN ĐẢO TRONG VĂN HỌC VÀ QUA SÁNG TÁC CỦA MỘT SỐ NHÀ THƠ TIÊU BIỂU.....</b>	<b>8</b>
1.1. Chủ đề biển đảo trong văn học .....	8
1.1.1. Cơ sở hình thành dòng cảm hứng biển đảo trong văn học .....	8
1.1.2. Chủ đề biển đảo trong văn học Việt Nam .....	11
1.2. Chủ đề biển đảo trong thơ Việt Nam hiện đại.....	14
1.2.1. Thơ viết về biển đảo từ đầu thế kỉ XX đến 1945 .....	15
1.2.2. Thơ viết về biển đảo từ 1945 đến 1975 .....	15
1.2.3. Thơ viết về biển đảo sau 1975 .....	17
1.3. Chủ đề biển đảo qua sáng tác của một số nhà thơ tiêu biểu.....	21
Tiểu kết .....	27
<b>Chương 2: CÁC DẠNG CẢM HỨNG BIỂN ĐẢO TRONG THƠ TRẦN ĐĂNG KHOA, HỮU THỈNH, NGUYỄN VIỆT CHIẾN .....</b>	<b>29</b>
2.1. Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên biển đảo đất nước .....	29
2.2. Biển đảo - Thể hiện ý thức kiên định và sâu sắc về chủ quyền lãnh thổ thiên liêng của Tổ quốc .....	34
2.2.1. Ý thức về chủ quyền biển đảo .....	34

2.2.2. Ý thức giữ gìn bảo vệ ranh giới, biên cương hải đảo .....	40
2.3. Lòng yêu nước, tự hào về truyền thống đấu tranh của dân tộc .....	46
2.3.1. Lòng yêu nước hi sinh quên mình của các chiến sĩ.....	46
2.3.2. Lòng tự hào về biển đảo quê hương .....	53
2.4. Tình yêu lúa đôi gắn với tình yêu biển đảo .....	56
Tiểu kết: .....	58
<b>Chương 3: NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN CẢM HỨNG BIỂN ĐẢO TRONG</b>	
<b>THƠ TRẦN ĐĂNG KHOA, HỮU THỈNH, NGUYỄN VIỆT CHIẾN .....</b>	<b>60</b>
3.1. Hình ảnh.....	60
3.2. Thể thơ.....	71
3.3. Ngôn Ngữ .....	82
3.4. Giọng điệu .....	91
Tiểu kết .....	97
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>99</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>102</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Đề tài về biển đảo luôn là chủ đề “nóng” và được sự quan tâm đặc biệt của các nhà văn, nhà thơ qua mọi thời kì lịch sử. Họ luôn lấy đó làm nguồn cảm hứng khi sáng tác thơ văn. Có thể nói, hiếm có một chủ đề nào lại chiếm vị trí đông đảo về số lượng và sâu sắc về chất lượng như chủ đề về biển đảo, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Những vần thơ về biển đảo lúc nào cũng được các tầng lớp độc giả đủ mọi lứa tuổi từ những người lớn tuổi, đến thế hệ trẻ đón nhận và quan tâm. Nó như nguồn năng lượng thôi thúc tinh thần yêu nước, yêu biển đảo của mọi người dân và còn tiếp thêm sức mạnh cho những người lính đảo, giúp các anh luôn vững vàng cây súng trên tay để bảo vệ sự bình yên của Tổ quốc thiêng liêng.

Có lẽ sau những năm tháng bom đạn, chiến tranh khốc liệt chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ - một thời kì, một thời đại hào hùng ấy vẫn luôn trong tâm tưởng mỗi người dân Việt Nam dù hòa bình đã trở lại trên đất nước ta. Hẳn vì thế mà vấn đề chủ quyền biển đảo hiện nay, đặc biệt là tình hình ở biển Đông vẫn luôn là mối quan tâm mà người dân đất Việt hướng về.

Đất nước ta là dải đất hình chữ S với bờ biển trải dài hơn ba nghìn cây số từ Bắc vào Nam. Biển Việt Nam có hàng nghìn hòn đảo, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Từ xa xưa biển đảo là một phần lãnh thổ đất nước Việt Nam, qua nghìn đời nó luôn gắn chặt như một phần máu thịt trong tim mỗi người dân Việt Nam, gắn với đời sống của cư dân nước Việt cả về vật chất và tinh thần. Trong thời đại hôm nay, Việt Nam được đánh giá là một quốc gia ven biển có những ưu thế và vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng đối với khu vực và thế giới. Biển đảo càng có tầm quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bởi vậy, biển đảo trong tâm thức người Việt là máu thịt đất nước, là cuộc sống. Và thực tế, suốt hàng ngàn năm lịch sử, người Việt ta đã ra sức khai

phá, dựng xây và sẵn sàng đổ cả máu xương vì chủ quyền biển đảo. Mỗi người thể hiện tình yêu nước, yêu biển đảo theo cách riêng khác nhau nhưng tất cả đều thể hiện mãnh liệt bằng nhiệt huyết của trái tim và lòng nhân ái.

Và có một bộ phận không nhỏ là giới nghệ sĩ nói chung, các nhà thơ nói riêng vốn là những người rất nhạy cảm trước những biến cố của lịch sử nên họ không thể đứng ngoài. Nhiều khi họ còn tiên phong đón đầu, tiên lượng những điều sẽ xảy ra. Sau ngày đất nước được giải phóng, khắp nơi đã yên bóng quân thù, đề tài biển đảo Tổ quốc lúc này như mạch ngầm tươi mát khiến các nhà thơ bước ra từ năm tháng khốc liệt ấy có cơ hội đi sâu và khai thác. Từ các nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ như: Hữu Thịnh, Thanh Thảo, Nguyễn Khoa Điềm, Xuân Quỳnh... đến các nhà thơ thế hệ sau như: Trần Đăng Khoa, Nguyễn Việt Chiến, Nguyễn Trọng Văn... mỗi người đều đã có những cảm nhận và biểu đạt riêng.

Có thể nói 1986 là năm đánh dấu một bước đổi mới toàn diện trên nhiều lĩnh vực, trong đó có văn học nghệ thuật. Đặc biệt đối với thơ ca, ở thời điểm này đã gia tăng thêm tinh thần phản biện, khuynh hướng đối thoại đa chiều, và ý thức phản tỉnh, tự nhận thức. Cảm hứng về biển đảo, hệ biểu tượng về biển đảo trong thơ ca giai đoạn này tuy vẫn mang tính của loại hình diễn ngôn trữ tình, ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, tình yêu lứa đôi và tình cảm quê hương đất nước nhưng cũng đã được mở rộng và khơi sâu thêm nhiều tầng nghĩa mới, đi sát với tình hình chung của biển đảo nước nhà hiện nay. Đã có rất nhiều cuộc thi thơ viết về biển đảo được tổ chức, và có rất nhiều tác giả với những tác phẩm tiêu biểu dành được giải thưởng lớn như: “*Tổ quốc nhìn từ biển*” của Nguyễn Việt Chiến đã đạt giải nhì trong cuộc thi “*Đáy biển Việt Nam*” năm 2012, được rất nhiều độc giả quan tâm và chia sẻ, ngoài ra ông còn từng đạt Giải nhì cuộc thi thơ báo *Văn nghệ* năm 1989-1990; giải nhì cuộc thi thơ hay về biển năm 1992; giải nhì cuộc thi thơ của tạp chí *Văn nghệ Quân đội* năm 1998 - 1999; giải nhì cuộc thi thơ của tạp chí *Văn nghệ Quân đội* năm 2008 - 2009 và



gần đây nhất là giải thưởng văn học 5 năm 2010-2014 cho trường ca về biển của Bộ Quốc Phòng,... Họ có những sáng tác tuy ít nhưng chất lượng vì thế mà họ nổi lên là những tác giả tiêu biểu và được bạn đọc đón nhận, quan tâm.

Trong những năm gần đây tình hình biển Đông chưa bao giờ lại “nóng” và nhận được sự quan tâm của người dân Việt Nam đến như thế. Vì vậy mà nghiên cứu tìm hiểu về “*Cảm hứng biển đảo trong thơ hiện đại từ năm 1986 đến nay*” cụ thể hơn là khảo sát thơ về biển đảo từ 1986 đến nay qua 3 nhà thơ tiêu biểu là Hữu Thịnh, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Việt Chiến và một số bài thơ nổi bật của các nhà thơ khác như Xuân Diệu, Xuân Quỳnh, Tế Hanh... để thấy được một cái nhìn toàn diện hơn về mảng đề tài này. Trên cơ sở đó, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài “*Cảm hứng biển đảo trong thơ Việt nam từ 1986 đến nay*” với hi vọng là góp tiếng nói nhỏ bé của mình để khẳng định đầy đủ và sâu sắc hơn những đóng góp và vai trò của thơ ca biển đảo trong đời sống thơ ca hiện đại Việt Nam, cũng như trong tình hình thời sự của đất nước hiện nay.

## **2. Lịch sử vấn đề**

Đề tài “thơ ca về biển đảo” tuy không mới nhưng cũng chưa được nghiên cứu tìm hiểu nhiều, và hơn nữa nghiên cứu về “*Cảm hứng về biển đảo trong thơ ca từ 1986 đến nay*” lại càng có ít công trình nghiên cứu hơn. Chúng tôi thấy đây là một đề tài mới, mang tính thời sự, cấp thiết, phù hợp với tình hình quốc gia hiện nay.

Từ năm 1986 đến nay, với việc đề tài đã được mở rộng và khơi sâu hơn vào nhiều tầng nghĩa mới, thơ ca về biển đảo đã đạt được ít nhiều những thành tựu nổi bật. Từ đó đã có một số bài viết, bài nghiên cứu, phê bình về đề tài biển đảo trong thơ xuất hiện trên các số báo, trên báo mạng và thông tin đại chúng. Nổi lên là các bài viết: “*Biển và những biến hình kí hiệu trong thơ*” của tác giả Lý Hoài Thu, tác giả cho biết “*Biển Việt là một không gian vô cùng rộng lớn, nơi hình thành các cơ tầng, trầm tích và nuôi dưỡng các nền văn hoá Việt cổ, là đường dẫn, kênh giao tiếp cực lớn để nối liền với thế giới. Nhưng đồng thời,*

và quan trọng nhất, đó là phần lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc, khẳng định, khắc ghi chủ quyền dân tộc. Đặc biệt là ở thời điểm hiện tại, khi tình hình biển Đông đang “dậy sóng” và “nóng” lên từng ngày, thực thể Việt Nam một lần nữa lại cần phải được nhìn từ biển” [98], ngoài ra tác giả còn nhấn mạnh vai trò của đề tài biển trong thơ ca nói riêng “*Riêng đôi với thơ, biển là cả một “trường tương tư” bao la, rộng mở. Đại dương muôn đời vẫn mênh mang sóng nước, vẫn là bình minh, hoàng hôn, trời xanh, biển biếc..., nhưng thi nhân bao đời đã truyền sức sống và thức dậy rất nhiều mới mẻ cho những điều xưa cũ ấy. Chính vì vậy, trong sinh thể thơ ca Việt, biển là một “cấu trúc động” bởi luôn có những biến hình kí hiệu làm say mê nhiều thế hệ bạn đọc*”[98].

Đến bài viết “Đề tài biển đảo trong thơ ca Việt Nam” của tác giả Đỗ Ngọc Yên đã viết về thơ ca Việt Nam với đề tài biển đảo qua các giai đoạn lịch sử, giai đoạn 1954-1975 và từ 1975 đến nay cho ta thấy được cảm hứng về biển đảo trong sáng tác của các nhà thơ luôn mãnh liệt và còn nhiệt huyết hơn sau ngày đất nước giải phóng. Hay tác giả Trần Luân với bài viết “Biển đảo trong thơ và thơ về biển đảo” cũng khẳng định “*Thơ viết về biển đảo và biển đảo trong thơ ca đã và đang ngày càng hiện hữu, không thể thiếu trong đời sống người dân nước Việt..*” [88], bài viết đã nêu ra những sự kiện, những ngày kỉ niệm và những con số khá cụ thể về hoạt động thơ ca với các chủ đề biển đảo, Tổ quốc được diễn ra đều đặn và sôi nổi, tác giả còn cho biết thêm: thơ viết về biển, đảo tuy chưa được xuất bản tập trung thành tập riêng nhưng có rất nhiều bài của hàng trăm tác giả sống mãi với thời gian và nhiều bài đã được các nhạc sĩ phổ thành ca khúc. Trong đó có những bài được nhiều người ưa thích như: “*Biển*” - thơ Xuân Diệu, “*Thơ viết ở biển*” Hữu Thịnh, “*Thơ tình người lính biển*” (thơ Trần Đăng Khoa), “*Thuyền và biển*” (thơ Xuân Quỳnh), “*Tổ quốc nhìn từ biển*” (thơ Nguyễn Việt Chiến),...”

Trên trang *Nguoilaodong.com* tác giả Hòa Bình viết về “Thơ biển đảo - Tiếng lòng yêu nước”, một bài viết sâu sắc về nét đẹp trong thơ ca biển đảo, về nội dung biển đảo được truyền tải hết sức tinh tế qua các vần thơ “*Những vần*

*thơ tràn đầy xúc cảm gửi gắm những thông điệp ý nghĩa về biển đảo quê hương đã và đang được các thế hệ người đọc Việt Nam, từ già đến trẻ, từ những phương tiện truyền thông chính thống hay trang mạng, diễn đàn cùng nhau chia sẻ, lan truyền, bình luận.”*, “*Rất nhiều vần thơ ghi lại nỗi khát khao những khoảnh khắc lãng mạn và bình yên nơi đảo xa bằng những cảm nhận tinh tế, chất lọc*” [80].

Với sự phát triển lớn mạnh và lợi thế của thơ ca biển đảo hiện nay, nhà phê bình Nguyễn Hòa khẳng định: “Thơ ca về chủ đề biển đảo đang phát huy sức mạnh thực sự của ngôn từ, khi mà *sóng lớp lớp dề lên thêm lục địa* của Tổ quốc. Nhưng không phải bây giờ mà trước đây rất lâu rồi, khi các nhà thơ lên đênh trên những chuyến tàu ra với lính đảo đều đã ghi lại niềm tự hào dân tộc, cảm nhận được nhịp đập chung trong trái tim Việt Nam và chuyển tải cảm xúc chân thành của mình tới công chúng. Bi tráng, trầm hùng, thơ ca biển đảo hôm nay không còn là tiếng lòng riêng của cá nhân thi sĩ mà đã trở thành sự thổn thức chung của hàng triệu trái tim Việt Nam, trở thành thơ ca của lòng yêu nước”.

Bên cạnh những bài viết bàn về đề tài biển đảo trong thơ sau 1986, có không ít bài viết bàn về một số hiện tượng tiêu biểu viết về đề tài biển đảo trong những năm gần đây, như Ngô Minh, Đỗ Quyên, Nguyễn Việt Chiến, Nguyễn Ngọc Phú...

Cũng đã có những đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể hơn như “Đặc điểm thơ viết về biển đảo Việt Nam từ năm 1986 đến nay” của Thạc sĩ Nguyễn Thị Ngọc-trường Đại học Vinh (viết năm 2014), với đề tài này người viết đã đi sâu về vấn đề nghệ thuật và một số phương diện nghệ thuật nổi bật trong thơ ca biển đảo giai đoạn 1986 đến nay. Cùng vào thời điểm 2014 nhưng với đề tài “Thơ Việt Nam hiện đại viết về biển đảo (Khảo sát qua một số tác giả tiêu biểu)” của Thạc sĩ Bùi Thị Thu Huệ - Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, người viết lại đi khai thác ở phương diện cảm hứng chủ đạo trong thơ viết về biển đảo và hệ thống hình tượng - biểu tượng nghệ thuật tiêu biểu; với việc tìm hiểu hình tượng biển đảo gắn liền với Tổ quốc, hình tượng người lính, hình tượng những con người lao động,

tác giả đã hệ thống hóa cụ thể về những hình tượng tiêu biểu, nổi bật nhất trong thơ ca biển đảo. Bên cạnh đó, tác giả còn đi vào một số biểu tượng nghệ thuật tiêu biểu trong thơ ca biển đảo như biểu tượng thuyền và biển, cánh buồm, cánh chim hải âu...đây là những biểu tượng xuất hiện khá nhiều trong các bài thơ, vần thơ giai đoạn này qua việc khảo sát một số nhà thơ tiêu biểu như: Ngô Minh, Hữu Thịnh, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Việt Chiến, Nguyễn Ngọc Phú.

Như vậy ở trên là một số bài viết, bài nghiên cứu, phê bình của giới sáng tác, phê bình và nghiên cứu về thơ ca biển đảo trong một vài năm trở lại đây. Mỗi một người viết đều có cảm nhận, cái nhìn riêng về mảng đề tài này trong thơ ca hiện đại nhưng vẫn chưa có những tìm hiểu cụ thể về nội dung và nghệ thuật được thể hiện trong thơ ca viết về biển đảo từ năm 1986 đến nay một cách hệ thống và đầy đủ. Trên cơ sở gợi ý và tiếp thu từ những bài viết kể trên, chúng tôi tìm thấy khoảng trống để tiếp cận và triển khai đề tài: “Cảm hứng biển đảo trong thơ Việt Nam từ 1986 đến nay”.

### **3. Đối tượng, phạm vi, mục đích nghiên cứu**

#### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của luận văn này là cảm hứng biển đảo trong thơ Việt Nam từ năm 1986 đến nay qua việc tập trung khảo sát một số gương mặt tiêu biểu của thơ Việt Nam hiện đại viết về biển đảo là Trần Đăng Khoa, Hữu Thịnh, Nguyễn Việt Chiến xét về phương diện nội dung và nghệ thuật thể hiện.

#### ***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

Trong phạm vi luận văn, chúng tôi chọn một số tập thơ và một số bài thơ tiêu biểu viết về biển đảo như:

- Tập thơ *Trường Sa* - Trần Đăng Khoa
- Trường ca *Biển*, tập thơ *Thương lượng với thời gian* - Hữu Thịnh
- Tập thơ và trường ca *Tổ quốc nhìn từ biển* - Nguyễn Việt Chiến
- Ngoài ra còn khảo sát một số bài thơ của các tác giả khác như Xuân Diệu, Tế Hanh, Xuân Quỳnh, Thanh Thảo...

### **3.3. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của đề tài chỉ ra cảm hứng biển đảo trong thơ viết từ năm 1986 đến nay qua việc khảo sát một số tác giả tiêu biểu của thơ Việt Nam hiện đại viết về biển đảo xét về phương diện nội dung và nghệ thuật thể hiện.

### **4. Đóng góp của luận văn**

Tìm hiểu về phương diện nội dung và nghệ thuật thể hiện trong thơ ca viết về biển đảo để thấy được Cảm hứng về biển đảo của các nhà thơ giai đoạn từ 1986 đến nay.

Ghi nhận những đóng góp và thành tựu của các nhà thơ hiện đại trong giai đoạn 1986 đến nay đối với nền thơ ca hiện đại Việt Nam nói riêng và đối với tình hình thời sự của nước nhà hiện nay nói chung.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình thực hiện đề tài chúng tôi thực hiện những phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- Phương pháp thống kê, phân loại.
- Phương pháp hệ thống.
- Phương pháp so sánh đối chiếu.
- Phương pháp phân tích, tổng hợp.

### **6. Cấu trúc luận văn**

Phần mở đầu

Phần nội dung: Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Khái quát về chủ đề biển đảo trong văn học và qua sáng tác của một số nhà thơ tiêu biểu.

Chương 2: Các dạng cảm hứng biển đảo trong thơ Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, Nguyễn Việt Chiến.

Chương 3: Nghệ thuật thể hiện cảm hứng biển đảo trong thơ Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, Nguyễn Việt Chiến.

## Chương 1

# KHÁI QUÁT VỀ CHỦ ĐỀ BIỂN ĐẢO TRONG VĂN HỌC VÀ QUA SÁNG TÁC CỦA MỘT SỐ NHÀ THƠ TIÊU BIỂU

### 1.1. Chủ đề biển đảo trong văn học

#### 1.1.1. Cơ sở hình thành dòng cảm hứng biển đảo trong văn học

Từ thuở hồng hoang, các vua Hùng đã mở mang bờ cõi, nói rộng ranh giới từ đất liền đến hải đảo để tạo vị thế, thế lực chắc chắn, vững vàng cho một nước Nam khởi sắc. Xuyên suốt qua nghìn năm lịch sử ấy, hải đảo luôn là phen dậu che chắn giữ yên miền đất Mẹ, là nơi để các đội hùng binh trấn thủ và từ đó khẳng định chủ quyền thiêng liêng của dân tộc Việt Nam. Tuy cách xa đất liền nhưng hải đảo vẫn luôn gắn kết bằng tình thương ruột thịt, bao bọc bởi mặt nước biển khơi mà như kẻ sát. Những đảo xa của Tổ quốc ấy luôn là nơi tâm thức người dân Việt đau đáu hướng về.

Vẻ đẹp của biển đảo, một vẻ đẹp hùng vĩ và thơ mộng khiến cho tâm hồn của người thi sĩ không khỏi xao động. Đó là vẻ đẹp của những đảo xanh mướt rừng dương liễu ven biển, bờ cát trắng mịn màng tinh khôi không một dấu chân, gợi nên ý niệm về những vườn địa đàng nơi trần gian, ở đó không có ưu phiền và nỗi giận. Đó là vẻ xanh trong dịu mát của những làn sóng trên biển khơi bao la hay ngắm bầu trời cao rộng phía trên và thả hồn phiêu dao tới những miền mộng ảo xa xăm nhất. Tất cả tình yêu với biển đảo đã được họ, những người thi sĩ tài hoa đưa biển đảo vào trong các tác phẩm văn học bằng chính những hình tượng văn học vừa cảm tính, cụ thể, vừa trừu tượng, khái quát về thực tại. Nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật về biển đảo ra đời đã góp phần nâng cao nhận thức cho người dân và bè bạn quốc tế về chủ quyền Tổ quốc ở biển Đông.

Cảm hứng là: *“trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm nghệ thuật, gắn liền với một tư tưởng xác định, một sự đánh giá nhất định, gây tác động đến cảm xúc của những người tiếp nhận tác phẩm”* [18; 45].

Đối với văn chương Việt Nam, từ bấy lâu nay, biển đảo vẫn luôn là niềm cảm hứng rất quen thuộc và ấn tượng của những người cầm bút. Nó đã trở thành một đề tài lớn thu hút sự quan tâm của văn học từ xưa đến nay, bao gồm cả văn học cổ đại, trung đại và hiện đại bởi phần lãnh thổ thiêng liêng này đã gắn liền với số mệnh của dân tộc. Bởi vậy mà từ thời kì thơ văn trung đại đã có những bài viết về biển đảo khẳng định một cách đầy tự hào phần chủ quyền thiêng liêng của dân tộc:

*Liền trời sóng vỗ, biếc muôn trùng.  
Dấu xưa sự nghiệp bao triều đại,  
Đất cũ nhà Nam vạch núi sóng  
Lượng biển bao dung ngàn lớp cũ,  
Sông nào không hướng chảy về Đông?*

(*Tư Dung hải môn lữ thứ* - Lê Thánh Tông do Ngô Linh Ngọc dịch)

Hay bài thơ rất nổi tiếng và quen thuộc của Nguyễn Trãi:

*Khi biển hơi mây thổi lạnh rừng,  
Bạch Đằng qua cửa nhẹ buồm dong.  
Chòm chòm núi đá kinh rời đoạn,  
Lốp lốp bờ lau kiếm nát chông.*

(*Bạch Đằng hải khẩu* - Nguyễn Trãi do Đào Anh Duy dịch) [48, tr.27]

Biển đảo, từ một thực thể có tính vật chất, để chỉ cương vực, lãnh thổ của Tổ quốc mà khi đi vào văn học đã trở thành một biểu tượng mang ý nghĩa và vẻ đẹp tinh thần. Có nhiều cách lên tiếng và biểu đạt về biển đảo. Những người cầm bút đã dùng văn học, một loại hình nghệ thuật ngôn từ, trong suốt trường kỳ lịch sử để lên tiếng về biển đảo bằng hình tượng nghệ thuật, thông qua những áng thơ văn. Cảm hứng ấy còn được thể hiện rõ nét hơn trong thơ văn hiện đại:

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa  
Sóng đã cài then, đêm sập cửa  
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi  
Câu hát căng buồm cùng gió khơi...”*

(*Đoàn thuyền đánh cá* - Huy Cận) [48, tr.84]

Hay bài “Đập đá ở Côn Lôn” của Phan Châu Trinh đã thể hiện mạch chảy dào dạt của chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng trong truyền thống dân tộc Việt Nam xuất phát từ nơi Côn đảo xa xôi. Từ đó bùng lên thành những đợt sóng yêu nước mãnh liệt được thể hiện trong văn học kháng chiến chống Mỹ, chống Pháp: *“Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn/ Lùng lẫ làm cho lở núi non/ Xách búa đánh tan năm bảy đống/ Ra tay đập bể mấy trăm hòn.”* (Đập đá ở Côn Lôn - Phan Châu Trinh).

Bản thân văn học có những giá trị chuyên môn của riêng nó nhưng văn học còn là biểu hiện sống động và kết tinh của văn hóa. Nó chính là một tầng vĩa quan trọng của nền văn hóa dân tộc. Cảm hứng biển đảo trong văn học chính là cách cảm nhận và cắt nghĩa về biển đảo của nhà văn được kết tinh trong hình tượng văn học ở mỗi tác phẩm cụ thể. Không chỉ trong thơ ca mà cảm hứng biển đảo cũng được đề cập nhiều trong văn xuôi:

*“Đảo Côn Lôn và cửa Cần Hải đối nhau. Đảo ấy là nơi làm tiêu chí cho các thuyền đi lại ở biển nam định hướng. Nghe nói nơi ấy xóm làng trù mật, dân cư đông đúc. Núi có nhiều yến sào. Phong cảnh thật là đẹp. Xưa nay đã đặt thủ ngự ở đó để tuần phòng mặt biển...”* (Trích một đoạn miêu tả cảnh Côn Đảo từ xa trong bài *Hải trình chí lược* - Phan Huy Chú), *“Đến với Trường Sa hôm nay, giữa mùa biển lặng này, dường như cái khái niệm về sự gian khổ thiếu thốn không còn nhiều lắm nữa..”* (*Hoàng hôn màu lá mạ* - Chu Lai) [48, tr.440].

Số lượng các tác phẩm cả thơ và văn xuôi viết về biển đảo ngày một nhiều hơn. Mỗi một giai đoạn lịch sử văn học lại ghi dấu những sáng tác hay viết về đề tài này. Từng hải lý, từng tác đảo, Hoàng Sa, Trường Sa... là máu, mồ hôi của ông cha để lại nên các nhà thơ viết về biển đảo cũng chính là viết về Tổ quốc thân yêu. Đặt vào tình hình hiện nay, vấn đề biển đảo vẫn đang nóng bỏng từng giờ càng thôi thúc nhiều nhà thơ hướng trái tim của mình ra biển để sáng tác. Cảm hứng về biển đảo trong các tác phẩm văn học hiện đại càng trở nên hết sức phổ biến, tập trung, cao trào về ý thức chủ quyền và lòng yêu nước. Với



họ, viết về biển đảo chính là một cách để thể hiện tình yêu cháy bỏng đối với đất nước. Văn học nói chung và thơ ca nói riêng không thể thờ ơ hay đứng ngoài những vấn đề lớn của dân tộc. Hành trình lịch sử và hành trình của thơ ca chân chính không tách rời nhau bởi hạt nhân của nó là lòng yêu nước nồng nàn.

### **1.1.2. Chủ đề biển đảo trong văn học Việt Nam**

#### **1.1.2.1. Chủ đề biển đảo trong văn học Việt Nam trước thế kỉ XX**

Biển đảo Việt Nam là phần lãnh thổ đất nước Việt Nam, qua nghìn đời nó luôn gắn chặt với đời sống của cư dân nước Việt cả về vật chất và tinh thần. Biển đảo đi vào trong tâm thức người Việt là đất nước, là cuộc sống; và thực tế hàng ngàn năm lịch sử người Việt đã ra sức khai phá dựng xây sẵn sàng đổ cả máu xương cho chủ quyền biển đảo.

Tìm hiểu về ngọn nguồn của cảm hứng biển đảo trong văn học Việt Nam, trước tiên ta trở lại với những sáng tác văn học dân gian, đó là những huyền thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, ca dao, tục ngữ, hò vè, cổ tích... Ngay từ trong những tác phẩm dân gian xa xưa ấy đã có không ít lần hình ảnh biển, đảo xuất hiện với những ý nghĩa riêng.

Trong truyền thuyết Lạc Long Quân - Âu Cơ có chi tiết chia năm mươi người con lên rừng, năm mươi người con xuống biển, rồi câu chuyện Mai An Tiêm trôi dạt, sinh sống trên hòn đảo lạ, truyền thuyết An Dương Vương rẽ nước xuống thủy cung... những tác phẩm văn học, nghệ thuật có tính truyền thuyết sử thi ấy lan truyền đời này qua đời khác, sống trong tâm thức bao người con đất Việt. Nó cho ta ít nhiều những chỉ dấu để khẳng định rằng người Việt ta xưa đã có quan tâm tới biển, biển là nơi sinh tụ của giống nòi và là khát vọng chinh phục của người dân Việt từ ngàn đời.

Ngoài truyền thuyết, cổ tích... trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam ta còn bắt gặp không ít những câu ca dao, thành ngữ lấy hình ảnh biển để ví von hay bộc lộ cảm thức của con người trước biển:

*“Rủ nhau xuống bể mò cua  
Dem về nấu quả mơ chua trên rừng  
Em ơi chua ngọt đã từng  
Non xanh nước bạc xin đừng quên nhau”*

*(Ca dao)*

“Góc bể chân trời”, “Bây nổi ba chìm chín lênh đênh”, “Bãi biển nương dâu”, “Đầu ghềnh cuối bãi”... là những thành ngữ vẫn được người Việt sử dụng trong lời nói hằng ngày... thể hiện nỗi bất an, bé nhỏ của con người trước không gian biển, sự đổi thay của thời cuộc...

Sang đến thời kì văn học trung đại Việt Nam, từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX, thơ văn viết về biển đảo khá phong phú, có tính tiếp nối và mở rộng về tư tưởng, cảm hứng, biểu tượng, hình ảnh... Tiêu biểu là những tác phẩm viết trực tiếp hoặc gián tiếp về biển đảo của những nhà Nho, vua quan, những tên tuổi lớn như: Lê Thánh Tông (“*Di Luân hải môn lữ thứ*”, “*Tư Dung hải môn lữ thứ*”), Nguyễn Trãi (“*Bạch Đằng hải khẩu*”, “*Hải khẩu dạ bạc hữu cảm*”), Nguyễn Bình Khiêm (“*Cự Ngao đới sơn*”), Đào Duy Từ (“*Tư Dung văn*”), Cao Bá Quát (“*Hồng mao hảo thuyền ca*”, “*Dương phụ hành*”), Phan Huy Chú (“*Hải trình chí lược*”)... “*Cự ngao đới sơn*” (Con ngao lớn đội núi) là bài thơ nói về ý thức chủ quyền biển đảo của đất nước, mang màu sắc như một lời sấm kí của Trạng Trình, Nguyễn Bình Khiêm (Thế kỉ XVI):

*“Núi tiên biển biếc nước trong xanh  
Rùa lớn đội lên non nước thành  
Đầu ngẩng trời dư sức vá đá  
Dầm chân đất sóng vỗ an lành.  
Biển đông vạn dặm dang tay giữ  
Đất Việt muôn năm vững trị bình  
Chí lớn phù nguy xin gắng sức,  
Cõi bờ xưa cũ Tổ tiên mình”*

*(Nguyễn Khắc Mai dịch)*

Trong các triều đại phong kiến của Việt Nam. từ Ngô, Đinh, Lý, Trần, Lê, Trịnh- Mạc đến triều đại nhà Nguyễn đều có những nhận thức nhất định, những áng văn, thơ viết về biển đảo, tuy nhiên triều Nguyễn là triều đại có nhận thức, cảm hứng về biển đảo bài bản, quy mô, sâu sắc nhất, đặc biệt nhận thức ấy gắn với mục tiêu mang tính chiến lược trong công cuộc bảo vệ và xây dựng quốc gia phong kiến độc lập. Căn nguyên nằm ở chủ trương, ý thức mở rộng, “đi ra biển”, xác lập chủ quyền trên vùng biển rộng lớn phương Nam từ đầu thế kỉ XVIII... Do vậy, sáng tác thơ văn về biển đảo ở thời Nguyễn phong phú về số lượng, đa dạng về thể loại hơn các triều đại trước, bên cạnh các sáng tác thơ truyền thống xuất hiện những tác phẩm văn xuôi phản ánh bức tranh đời sống và chuyển biến tư tưởng của các nhà Nho Việt Nam trên hành trình “đi ra biển”, tiêu biểu là tác phẩm “*Hải trình chí lược*” của Phan Huy Chú.

Như vậy, đề tài biển đảo đã xuất hiện từ lâu trong văn học Việt Nam, có mầm mống từ trong văn học dân gian, phát triển phong phú và đa dạng hơn ở thời kì văn học Trung đại. Đây là tiền đề, khơi dòng truyền chảy cho sự hình thành, phát triển và làm đa dạng cảm thức biển đảo ở thời kì văn học Việt Nam hiện đại.

#### *1.1.2.2. Chủ đề biển đảo trong văn học Việt Nam từ thế kỉ XX đến nay*

Hiện nay, vấn đề về biển đảo đang là một vấn đề rất cấp thiết mà toàn xã hội quan tâm để bảo vệ chủ quyền biển, đảo quê hương. Đặc biệt đối với Việt Nam: Quốc hội Việt Nam đã thông qua Luật Biển, tăng cường tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, nhân dân và đặc biệt là lớp trẻ về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Gần đây, nhiều tác phẩm mới của các tác giả đã khơi dậy lòng tự hào dân tộc, ý chí cách mạng, yêu nước nồng nàn hướng về biển đảo. Về thơ và trường ca có: “*Tổ quốc nhìn từ biển*” (Thơ của Nguyễn Việt Chiến), “*Thơ tình người lính biển*” (Trần Đăng Khoa), “*Tổ quốc gọi tên mình*” (Nguyễn Phan Quế Mai), “*Làng đảo*”, “*Hạ thủy những giấc mơ*” (Nguyễn Hữu Quý); về ca khúc:

“*Tổ quốc gọi tên mình*” (Nguyễn Phan Quế Mai - Đinh Trung Cẩn), “*Nơi đảo xa*” (Thế Song), “*Biển hát chiều nay*” (Hồng Đăng), “*Gần lắm Trường Sa*” (Huỳnh Phước Long), về tiểu thuyết có “*Lời thề*” (Nguyễn Quang Vinh), “*Biển xanh màu lá*” (Nguyễn Xuân Thủy), “*Mắt biển*” (nhiều tác giả); về phim phóng sự có “*Liệt sỹ Trường Sa*”... Và rất nhiều, nhiều nữa những tác phẩm hay về biển đảo đã ám ảnh, để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng người.

## **1.2. Chủ đề biển đảo trong thơ Việt Nam hiện đại**

Có thể nói bất cứ lúc nào và với bất kỳ ai, biển đảo luôn là tiếng gọi thiêng liêng của non sông Việt Nam. Mỗi khi biển đảo “dậy sóng” làm cho lòng ta nhói đau, là một lần hun đúc thêm sức mạnh đoàn kết quyết giữ cho bằng được chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Thơ Việt Nam hiện đại đã dành không ít sự quan tâm đến đề tài biển đảo. Số lượng các tác phẩm thơ viết về biển đảo ngày một nhiều hơn, đội ngũ sáng tác cũng ngày một đông đảo hơn. Trong đó có nhiều các cây bút tiêu biểu với các tác phẩm có giá trị, thu hút người đọc. Hiện nay, biển đảo Việt Nam đang xảy ra những tranh chấp đe dọa về chủ quyền dân tộc nên viết về biển đảo đối với các nhà thơ vừa là nhu cầu xúc cảm, vừa là cách để thể hiện lòng yêu nước và thái độ chính trị của họ.

Thơ viết về biển đảo đã có từ thời văn học trung đại nhưng mới chỉ là ngọn lửa âm ỉ cháy, đến thời văn học hiện đại ngọn lửa ấy mới thực sự bùng cháy. Từ đầu thế kỉ XX đến nay các sáng tác thơ ca về đề tài biển đảo ra đời với số lượng ngày càng lớn và phong phú về chủ đề, có các tác giả, tác phẩm tiêu biểu như: Văn Cao với “*Người coi đèn biển*”, “*Những người trên cửa biển*”; Hải Bằng với “*Cồn Cỏ*”; Tô Thùy Yên với “*Trường Sa hành*”; Trần Đăng Khoa có “*Đợi mưa trên đảo sinh tồn*”, “*Hát về hòn đảo Chìm*” “*Thơ tình người lính biển*”... Nguyễn Việt Chiến với “*Tổ quốc nhìn từ biển*”, “*Tổ quốc trên bờ biển cả*”,... Lưu Thị Bạch Liễu với “*Đảo quê hương*”, “*Trường Sa ơi Trường Sa*”, Nguyễn Phan Quế Mai với “*Tổ quốc gọi tên*”...

### **1.2.1. Thơ viết về biển đảo từ đầu thế kỉ XX đến 1945**

Trong giai đoạn văn học từ đầu thế kỉ XX đến 1945, các tác phẩm trực tiếp viết về biển đảo không nhiều. Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh ở những năm đầu thế kỉ có sáng tác một vài bài, trong đó có một vài hình ảnh về biển đảo hoặc liên quan tới biển đảo: “*Cưỡi gió biển Đông xuôi thẳng nèo/ Côn kinh vỗ sóng cuộn trào sôi*” (Xuất dương lưu biệt) hay hình ảnh “đất Côn Lôn” trong “*Đập đá ở Côn Lôn*” của Phan Chu Trinh... Tuy hình ảnh biển đảo đã xuất hiện trong các sáng tác này lại chủ yếu được tác giả sử dụng với dụng ý khẳng định chí khí của những tấm lòng yêu nước kiên trung.

Nhà thơ Tố Hữu năm 1938 xuất bản tập thơ “*Từ ấy*” trong đó có bài “*Như những con tàu*”. Hình ảnh “tàu”, “biển” được nhắc đến trong bài thơ nhằm khẳng định niềm tin vững chắc vào cách mạng, tương lai, vào con đường mà người thanh niên yêu nước đã chọn:

*“Ta bước tới. Chỉ một đường: Cách mạng  
Vững lòng tin sẽ nắm chắc thành công  
Như những con tàu giữa biển mênh mông  
Còn xa đất, vẫn tin ngày cập bến”* [23]

Như vậy, hầu hết các bài thơ trên đều mượn hình ảnh biển đảo để thể hiện ý niệm tỏ chí của người làm cách mạng. Để biển đảo và cảm hứng biển đảo trở thành chủ đạo trong các tác phẩm, thì phải đến các giai đoạn sau này.

### **1.2.2. Thơ viết về biển đảo từ 1945 đến 1975**

Thời kì từ 1945 đến 1954 chủ đề biển đảo trở thành một chủ đề lớn trong văn học với ba ý nghĩa. Thứ nhất, biển đảo là nơi anh dũng chiến đấu chống kẻ thù xâm lược (“*Người coi đèn biển*” (1957)- Văn Cao, “*Tiếng sóng*” (1960)- Tế Hanh, “*Còn cỏ*”(1965)- Hải Bằng, “*Cô gái Bạch Long Vỹ*”- Xuân Thiêm...). Thứ hai, biển là nơi nhân dân ta hăng say sản xuất làm giàu cho đất nước (“*Đoàn thuyền đánh cá*”- Huy Cận, “*Biển*”- Văn Cao...), và biển còn gắn với vẻ đẹp của tình yêu lứa đôi (“*Biển*”- Xuân Diệu, “*Biển*”- Hoàng Trung Thông, “*Sóng*”- Xuân Quỳnh...).

Sau chiến thắng Điện Biên hùng lầy địa cầu, trong quãng 10 năm từ 1954-1964, các nhà thơ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), đã lấy biển đảo quê hương làm nguồn cảm hứng cho các sáng tạo thi ca của mình. Hàng loạt các nhà thơ tên tuổi đều đã có những vần thơ hay về biển đảo quê hương. Nhà thơ Huy Cận có bài “*Đoàn thuyền đánh cá*”, Xuân Diệu có “*Biển*”, Văn Cao có “*Đảo*”, Hoàng Trung Thông có “*Biển*”...

Ở bài thơ “*Biển*”, nhà thơ Xuân Diệu đã thực sự thăng hoa khi ngợi ca biển Việt Nam trong vẻ đẹp lung linh huyền ảo. Biển và bờ như một cặp tình nhân đắm say trong tình yêu đầu đời:

*Anh không xứng là biển xanh  
Nhưng anh muốn em là bờ cát trắng  
Bờ cát dài phẳng lặng  
Soi ánh nắng pha lê  
Bờ đẹp để cát vàng  
Thoai thoải hàng thông đứng  
Như lặng lẽ mơ màng  
Suốt ngàn năm bên sóng...  
Anh xin làm biển biếc  
Hôn mãi cát vàng em  
Hôn thật khẽ thật êm  
Hôn êm đêm mãi mãi  
Đã hôn rồi hôn lại  
Cho đến mãi muôn đời  
Đến tan cả đất trời  
Anh mới thôi dào dạt... [48, tr.103]*

Những vần thơ trên đã mang đến cho người đọc, nhất là thế hệ trẻ một tình yêu nồng nàn, đắm thắm đối với biển đảo quê hương. Biển và bờ như hình với bóng, luôn gắn quyện vào như cặp tình nhân, đem đến cho bài thơ một sức sống mới, sức sống của tuổi thanh xuân.

“*Đoàn thuyền đánh cá*” của Huy Cận đã khắc họa sống động và tài tình cảnh lao động của ngư dân ngày đêm bám biển đánh bắt cá tôm, làm giàu cho quê hương trong thời kỳ dựng xây đất nước:

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa  
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.  
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,  
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.* [48, tr.84]

Không khí lao động hăng say và sáng tạo của ngư dân đã mang lại nguồn thi hứng để Huy Cận viết nên những vần thơ này.

### **1.2.3. Thơ viết về biển đảo sau 1975**

Sau ngày đất nước sạch bóng quân xâm lược, đề tài biển đảo Tổ quốc như mạch ngầm trong mát, khiến các nhà thơ vừa bước ra từ cuộc chiến khốc liệt nhất trong lịch sử dân tộc không thể không bị choáng ngợp. Hàng loạt nhà thơ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống Mỹ như: Hữu Thịnh, Bằng Việt, Thanh Thảo, Nguyễn Khoa Điềm, Xuân Quỳnh... đến các nhà thơ hậu chiến như: Trần Đăng Khoa, Nguyễn Hữu Quý, Nguyễn Việt Chiến, Nguyễn Trọng Văn, Nguyễn Phan Quế Mai, Nguyễn Ngọc Phú, Ngô Minh... đều có những vần thơ hay về biển đảo.

Nếu ở thời kỳ 1954-1964 chỉ có những bài thơ lẻ, thì đến thời kỳ sau 1975 đã xuất hiện thêm nhiều trường ca, một thể loại anh hùng ca thiên về miêu tả cuộc sống và những người anh hùng trong chiến đấu. Tiêu biểu cho thể loại này có: *Những người đi tới biển* (1977) của Thanh Thảo, *Trường ca Biển* (1994) của Hữu Thịnh, *Hạ Thủy những giấc mơ* (2013) của Nguyễn Hữu Quý... Những bài thơ tiêu biểu giai đoạn này như: *Biển nỗi nhớ và em* của Hữu Thịnh, *Tháng tư, Trường Sa* của Nguyễn Khoa Điềm, *Thuyền và biển* của Xuân Quỳnh, *Thơ tình người lính biển* của Trần Đăng Khoa, *Tổ quốc nhìn từ biển* của Nguyễn Việt Chiến, *Tổ quốc gọi tên* của Nguyễn Phan Quế Mai, trong đó nhiều bài đã được phổ nhạc.

Hình ảnh “những người đi tới biển” trong trường ca cùng tên của nhà thơ Thanh Thảo là một sự khái quát về hành trình cuộc chiến tranh chống Mỹ đến ngày toàn thắng. Người lính sống với rừng, thấm thía nỗi khổ bao đời của đất và người Tây Nguyên:

*“Anh đã đi qua heo hút những cánh rừng  
Trẻ em khát muối hơn chúng mình khát nước...  
Với những người đói muối biển chỉ là muối trắng  
Họ liếm vành môi khô nhạt đắng  
Lưỡi khát thèm tưởng uống cạn một đại dương”* [66]

Chính vì vậy, *khát vọng biển*, hướng về biển là đồng nghĩa với giấc mơ chiến thắng. Nếu “ám ảnh muối” đối với đồng bào Thượng là một khía cạnh của vô thức tộc người thì “ám ảnh biển” đối với người lính là ý thức thể hệ về truyền thống lịch sử, về sức mạnh lấn biển mở mang bờ cõi của cha ông:

*“Nơi trộn lẫn mặt trời muối mặn đời ta  
Tổ quốc kiên trì nhòai ra phía biển  
Ôm những quần đảo trong vòng tay thương mến  
Mắt dõi nhìn hút cánh hải âu bay”* [66]

Trong niềm vui trời bể ngày dân tộc đoàn tụ, gương mặt và hình bóng người mẹ báo hiệu sự yên bình sau những sóng gió chiến tranh. Đó là một hình tượng lòng ghép giữa mẹ, biển và đất nước:

*“Con sẽ chạy về rớt bóng bàn chân  
Vàng trán mẹ giờ này lạng sóng  
Sau mưa bão mía ngọt dần lên ngọn  
Vẫn chỗ ướt mẹ nằm đất nước mình ơi...”* [66]

Cùng với sự thay đổi của thời cuộc, thơ thời kì Đổi mới lại soi vào biển để nhận diện và thấm thía hơn những mặt trái, những khổ đau mà tình yêu mang đến ngoài sự mong đợi của con người: Nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ đã rất cô đơn *khi một mình chạm li với biển*, Hữu Thỉnh trong giấc mơ tìm kiếm tri âm,



tri kỉ lại phải đón nhận sự “phản bội ngọt ngào”: “*Vừa dào dạt cùng tôi/ Biển đã thành sương khói*” (Vừa trong mơ cùng tôi) [70, tr.24]. Không chỉ có tình yêu, biển còn như một tấm gương tự vấn cho bao nỗi niềm nhân thế: “*Bao nước mắt trăm sông dồn góp lại/ Mặn đến triệu năm không gạn lấy chút ngọt lành/ Vậy mà biển chiếm đến ba phần tư trái đất/ Để làm chi hay chỉ để mênh mông?/ Nếu không có con người tặng cho tư cách biển/ Thì dù đại dương vẫn mãi mãi thiếu linh hồn*” (Phản biện biển - Hồ Thế Hà)...

Vào những ngày đầu tháng 5.2014, khi mà cả nước đang tung bừng kỷ niệm 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ thì Trung Quốc đã bất ngờ hạ giàn khoan 981 xuống lãnh hải Việt Nam. Tình hình trên biển xung quanh khu vực Trung Quốc hạ đặt giàn khoan HD-981 vẫn liên tục gia tăng những diễn biến phức tạp. Ngày 9-5, Trung Quốc vẫn sử dụng 79 tàu thuộc 6 lực lượng hoạt động tại khu vực. Đến nay Trung Quốc sử dụng hàng trăm tàu trong đó có nhiều tàu quân sự có tàu hộ vệ tên lửa 534, hai tàu tuần tiểu tấn công nhanh 752 và 753, và các máy bay chiến đấu... Tất cả những hành động ngang nước này đều nằm trên hải phận, không phận Việt Nam. Điều này đã gây phẫn nộ sâu sắc trong lòng triệu con dân đất Việt. Nữ nhà thơ trẻ Nguyễn Phan Quế Mai cảm thấy quặn lòng đau khi xương thịt của Tổ quốc mình bị kẻ thù cắn xé. Trong bài thơ *Tổ quốc gọi tên* chị đã thực sự xúc động khi viết những dòng thơ trĩu nặng, ám ảnh bao người:

*Đêm qua tôi nghe Tổ quốc gọi tên mình  
Bằng tiếng sóng Trường Sa, Hoàng Sa dội vào ghềnh đá  
Tiếng Tổ quốc vọng về từ biển cả  
Nơi bão tố dập dồn, chằng lưới, bủa vây  
Tổ quốc của tôi, Tổ quốc của tôi  
Bốn nghìn năm chưa bao giờ ngơi nghỉ  
Thấp lên ngọn đuốc Hòa bình, bao người đã ngã*

*Máu của người nhuộm mặn sóng biển Đông*

*Ngày hôm nay kẻ lạ mặt rập rình...*

*(Tổ quốc gọi tên - Nguyễn Phan Quế Mai) [38]*

Trước đây, Nguyễn Việt Chiến cũng đã có một bài thơ khá hay về biển đảo. Tác giả nhìn biển đảo Việt Nam từ thăm sâu lịch sử anh hùng chống giặc ngoại xâm của ông cha qua bài thơ “*Tổ quốc nhìn từ biển*”:

*Nếu Tổ quốc đang bão giông từ biển*

*Có một phần máu thịt ở Hoàng Sa*

*Ngàn năm trước con theo cha xuống biển*

*Mẹ lên rừng thương nhớ mãi Trường Sa... [12, tr.5]*

Nhà thơ ý thức rất rõ ràng là Tổ quốc Việt Nam có thể được nhìn sáng rõ từ nhiều góc độ khác nhau, nhưng dù ở góc độ nào thì Hoàng Sa, Trường Sa vẫn là của Việt Nam:

*Nếu Tổ quốc nhìn từ bao quần đảo*

*Lạc Long cha nay chưa thấy trở về*

*Lời cha dặn phải giữ từng thước đất*

*Máu xương này con cháu vẫn nhớ ghi*

*Đêm trần trọc nổi mưa nguồn chớp bể*

*Thương Lý Sơn đảo khuất giữa mây mù*

*Thương Côn Cỏ gói đầu lên sóng dữ*

*Thương Hòn Mê bão tố phía âm u*

...

*Thương đất nước trên ba ngàn hòn đảo*

*Suốt ngàn năm bóng giặc vẫn chập chờn*

*Máu đã đổ ở Trường Sa ngày ấy*

*Bạn tôi nằm dưới sóng mặn vùi than*

*Nếu Tổ quốc neo mình đầu sóng cả*

*Những chàng trai ra đảo đã quên mình... [12, tr.6]*

Thời kì văn học hiện đại Việt Nam là thời kì có bối cảnh xã hội diễn ra hết sức phức tạp, đặc biệt, vấn đề biển đảo và gìn giữ chủ quyền biển đảo của đất nước có tính thời sự nóng bỏng. Chưa bao giờ vấn đề biển Đông lại “dậy sóng” như trong thời gian qua. Ra đời trong bối cảnh lịch sử đó, các tác phẩm thơ ca hiện đại viết về chủ đề biển đảo đã kịp thời phản ánh hiện thực cũng như tâm tư, tình cảm của những người con Việt Nam đối với biển đảo quê hương. Từ khối lượng lớn các tác phẩm viết về biển đảo tính từ đầu thế kỉ XX đến nay, tựu trung lại chúng tôi nhận thấy những nội dung cơ bản sau:

Trước tiên, khi viết về biển đảo hầu hết các nhà thơ đều ngợi ca, tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên đất nước Việt Nam, thổ lộ nỗi lòng, tình yêu với Tổ quốc với biển đảo quê hương, khẳng định sự gắn bó máu thịt giữa biển đảo và lãnh thổ Việt Nam như bộ phận và cơ thể không thể tách rời.

Qua những sáng tác về chủ đề biển đảo các nhà thơ còn bộc lộ nỗi đau khôn nguôi khi biển đảo bị xâm lăng cùng lòng căm thù đối với quân xâm lược.

Ngợi ca những người con đất Việt anh hùng lấy ngực mình che chắn gió biển Đông.

Nhắc nhở về công lao khai phá, gìn giữ biển đảo của cha ông để cháu con tự hào bước tiếp.

Về nghệ thuật, hệ thống các hình tượng và biểu tượng nghệ thuật tiêu biểu mà các nhà thơ sử dụng khi viết về biển đảo đó là các hình tượng *biển đảo gắn liền với Tổ quốc, Hình tượng người lính, Hình tượng những con người lao động* và các biểu tượng *thuyền và biển, cánh buồm, cánh chim hải âu*. Điều đó tạo nên những nét đặc sắc của thơ viết về biển đảo.

### **1.3. Chủ đề biển đảo qua sáng tác của một số nhà thơ tiêu biểu**

Thơ viết về biển đảo là tiếng thơ khẳng định chủ quyền lãnh thổ đất nước, ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên đất nước con người Việt Nam, thể hiện tình yêu đôi lứa. Những nguồn cảm hứng đó là một dòng chảy xuyên thấm qua thời gian, được khúc xạ qua tâm hồn nhiều thế hệ những người yêu thơ, yêu đất nước

Việt Nam. Thơ Việt Nam hiện đại viết về biển đảo thật phong phú, đa dạng. Mỗi một nhà thơ có một phong cách riêng, không trộn lẫn. Từ đó họ đã tạo nên một diện mạo đa phong cách. Ta gặp ở đây nhiều cảnh ngộ, nhiều tấm lòng yêu thương gắn bó với biển đảo. Có cái nhìn sâu sắc, thâm hậu của ông cha. Có cảm xúc dào dạt ngổ ngàng của người mới nhìn thấy biển đảo lần đầu. Có cả tấm lòng từ xa ngưỡng vọng. Nhưng sự đa phong cách ấy vẫn có sự thống nhất trong việc khẳng định chủ quyền, lãnh thổ của quốc gia dân tộc. Bằng những con chữ mỏng manh và đầy giông gió, các nhà thơ nhà văn của chúng ta đã cùng với ông cha cắm thêm những cột mốc chủ quyền bằng văn chương cho một vùng lãnh hải thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Dựa vào số lượng và chất lượng tác phẩm sáng tác về chủ đề biển đảo, ta có thể kể đến một số nhà thơ tiêu biểu sau:

Trần Đăng Khoa từng nhập ngũ vào ngày 26 tháng 2 năm 1975 và được bổ sung về quân chủng hải quân. Đã trải qua cuộc sống của một người lính hải quân nên nhà thơ Trần Đăng Khoa hiểu rõ về biển đảo, về câu chuyện của những người lính bên sóng nước. Ông đã sáng tác những bài thơ về biển đảo dào dạt cảm xúc của người lính (*“Đồng đội tôi trên đảo Thuyền Chài”*- 1978, *“Thơ tình người lính biển”*- 1981, *“Đoạn văn xuôi chép ở đảo Chìm”*- 1982, *“Hát về hòn đảo Chìm”*- 1982, *“Đội mưa trên đảo sinh tồn”*- 1982, *“Lính đảo hát tình ca trên đảo”* - 1982). Những bài thơ về biển đảo của Trần Đăng Khoa đã tiếp tục truyền thống thơ ca trong những năm tháng chống Mỹ, những trang thơ của Trần Đăng Khoa khắc họa chân thực cuộc sống gian khổ của những người lính trên biển và tâm tình của họ:

*“Lều bạt chung chiêng giữa nước, giữa trời  
Đến một cái gai cũng không sống được  
Sớm mở mắt. nắng lừa ngun ngút  
Đêm trong lều như trôi trong mây”*

*(Đồng đội tôi trên đảo Thuyền Chài) [28, tr.21]*

*“Đảo vẫn còn chìm dưới ba mét nước  
Măng khô hết rồi. Chỉ thăm thăm biển xanh  
Lưới chẳng có mà cá vòn trước mặt  
Biết tìm đâu ra một bát canh?”*

*(Chuyện ở đảo Chìm) [28, tr.25]*

Những người lính trên đảo ngày ngày đối mặt với nắng, với gió với sự trần trụi của biển đảo, với sự đợi chờ từng giọt mưa từ cuối chân trời nhưng trên hết trong trái tim họ vẫn là tình yêu, niềm tin, niềm tự hào sâu sắc về biển đảo quê hương:

*“Đảo à, đảo ơi  
Đảo à, đảo ơi  
Biển vẫn chao như đưa nôi  
Biển vẫn âm thầm như người mẹ sáng tạo  
Cho Tổ quốc ta có thêm một hòn đảo  
Ngày mai đảo sẽ nhô lên  
Cuộc đời sẽ có tên  
...  
Hát lên đảo ơi, những niềm tin giản dị  
Những niềm tin biến chúng ta thành đồng chí  
Đã ánh lên trong sắc nước xanh ngời”*

*(Hát về một hòn đảo) [28, tr.48]*

Những năm tháng tẩm mình vào cảnh sắc biển đảo, mang theo tâm tư và nhịp sống đồng đội, tiếng nói tình yêu trong thơ Trần Đăng Khoa là sự cộng hưởng cảm xúc giữa “biển” và “em”, giữa tâm sự riêng và lí tưởng chung:

*“Ngày mai, ngày mai, khi thành phố lên đèn  
Tàu anh buông neo dưới chòm sao xa lắc  
Thăm thăm nước trời nhưng anh không cô độc  
Biển một bên và em một bên”*

*(Thơ tình người lính biển) [28, tr.32]*

Biển đảo quê hương, từ bao đời nay luôn là một phần máu thịt không thể tách rời trong tim mỗi người dân đất Việt. Biển đảo chính là một món quà vô giá mà thiên nhiên ưu đãi, lịch sử hào hùng trao tặng chúng ta. Lốp lốp nhà thơ đi trước có nhiều câu thơ, bài thơ hay khi viết về đề tài biển đảo. Tuy nhiên, nhà thơ Nguyễn Việt Chiến với những sáng tác của mình như: *“Tổ quốc nhìn từ biển”*, *“Tổ quốc trên bờ biển cả”*... đã tìm được giọng điệu riêng, bút pháp riêng để thành công trong đề tài không mới.

Trong bài *“Tổ quốc nhìn từ biển”* Nguyễn Việt Chiến đã chọn điểm nhìn *“từ biển”* để đưa ra những giả định: *“Nếu Tổ quốc đang bão giông từ biển”*, *“Nếu Tổ quốc hôm nay nhìn từ biển”*, *“Nếu Tổ quốc nhìn từ bao quần đảo”*, *“Nếu Tổ quốc nhìn từ bao thương tích”*, *“Nếu Tổ quốc nhìn từ bao hiểm họa”*, *“Nếu Tổ quốc neo mình đầu sóng cả”*... ở mỗi chiều kích khác nhau, anh gợi mở cho người đọc nhiều suy ngẫm về vấn đề chủ quyền của đất nước, về vai trò quan trọng của biển đảo đối với một quốc gia và trách nhiệm của một người công dân trong việc giữ gìn đất đai Tổ quốc. Nhìn từ phía biển là cái nhìn chất chứa nỗi lo thế sự về an ninh của biển đảo, để thấy khát vọng của dân tộc, để thấy *“trong hồn người có ngọn sóng nào không?”*. *“Tổ quốc nhìn từ biển”* và *“Tổ quốc trên bờ biển cả”*... là những thi phẩm tiêu biểu mà nhà thơ đã hình tượng hóa Tổ quốc như ngôi nhà, như con tàu, biển như tình mẹ... từ đó kết nối thời gian, không gian và các sự kiện thành một thể thống nhất.

Nhà thơ Hữu Thịnh vốn là anh lính xe tăng vừa thoát ra khỏi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của toàn dân tộc, rất nhạy cảm và giàu suy tư khi ông bỏ ra tới 13 năm liền (1981-1994) vắt kiệt sức để viết nên những vần thơ hay đến cháy lòng trong *Trường ca Biển*, tác phẩm được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật, 2012. Ở phần *Lời của sóng 4*, ông viết:

*Trên bãi cát những người lính đảo  
Ngôi ghép nhau bao nỗi nhớ nhà  
Chiều áo rộng vạt mây hờ hững  
Họ cứ ngồi như chum vại hứng mưa*

...

*Đảo tái cát*

*Khóc oan hồn trôi dạt*

*Tao loạn thời bình*

*Gió thổi ngang cây.*

...

*Đất hãy nhận những đứa con về cội*

*Trong bao dung bóng mát của người*

*Cây hãy gọi bàn tay về hái quả*

*Võng gọi về nghe lại tiếng à ơi...*

*À ơi tình cũ nghẹn lời*

*Tham vàng bỏ ngãi kiếp người mong manh.* [69, tr.47]

Biển không chỉ có vẻ đẹp nên thơ ngày lặng sóng cho ngư dân dong buồm, buông chài, thả lưới đánh bắt cá tôm và những lúa đôi hồ hẹn chốn bãi bờ, mà biển còn có cả “*Tao loạn thời bình/ Gió thổi ngang cây*”. Để cuối cùng là “*À ơi tình cũ nghẹn lời/ Tham vàng bỏ ngãi kiếp người mong manh*” [69, tr.47], biển gắn bó, hòa nhịp cùng tâm trạng con người trong niềm vui chiến thắng: “*Biển đang lắc những hồi chuông đoàn tụ/ Phù sa nào mát rượi súng và xe.../ Chiến sĩ vừa đi vừa hát/ Cành nguyệt trang qua gió thổi ba miền*” (Đường tới thành phố). “*Trường ca biển*” của Hữu Thịnh ra đời là sự tiếp nối, đi xa, đi sâu hơn vào *cảm hứng sử thi - thể sự biển*.

Nguyễn Hữu Quý trong trường ca “*Hạ thủy những giấc mơ*” viết về biển đảo, lại có một cái nhìn khác đối với những người lính canh chừng biển đảo như giữ làng. Bởi trong cái làng - biển ấy, luôn có mẹ ở bên. Mẹ dõi theo từng bước chân ta. Mẹ lần khuất vào từng cọng mồng toi, rau dền, bông muống, quả ớt chín ngoài ô cửa sô, vào từng câu dân ca ngọt ngào từ thuở ấu thơ, nên các anh nào đâu quản ngại:

*dẫu biết đi không về  
lòng không nao núng  
hồn thiêng  
vằng vặc biển Đông...  
Trường Sa  
đồng đội tôi  
những người lính  
mặt trẻ  
tóc già  
những chàng trai tuổi mười tám, đôi mươi  
tóc lấm tấm bạc... [48, tr.280]*

Và để có thể đứng vững ngoài đảo xa canh giữ đất trời Tổ quốc, các anh buộc phải thích nghi, tìm ra một phương cách riêng để sống và chiến đấu chống lại kẻ thù:

*Tồn tại ở Trường Sa  
phải bằng những tâm kích hợp lý  
phải biết cắm sâu  
cũng phải biết dẻo dai  
biết dồn tụ chất chiu  
biết gồng mình chống đỡ  
thuộc biển  
thuộc trời  
nghe mây  
nhìn gió  
để không phải trả giá đắt hơn!  
Sức bền người có tính được không  
mà Trường Sa muôn lớp người trụ vững  
bão  
ta sống chung với bão*



*hạn*  
*ta sống chung với hạn*  
*bạn*  
*còn gì hạnh phúc hơn khi sống có bạn bè*  
*thù*  
*không phải điều ta muốn... [48, tr.280]*

Bởi các anh ý thức rất rõ ràng, hơn ai hết nơi đảo xa, biển rộng, mẹ hiền Tổ quốc đang cần các anh làm lá chắn, cột mốc và chốt chặn cuối cùng để khẳng định ranh giới, địa phận của làng và cũng là chủ quyền của quốc gia:

*...vì Tổ quốc*  
*chúng tôi là cột mốc*  
*chúng tôi là trận địa tiền duyên*  
*chúng tôi là lá chắn*  
*chúng tôi là bộ phóng*  
*chúng tôi là chốt chặn xâm lăng... [48, tr.280]*

### **Tiểu kết:**

Chương 1 với nội dung khái quát về đề tài biển đảo trong văn học Việt Nam và qua sáng tác của một số nhà thơ tiêu biểu đã cung cấp một nền cảnh chung để từ đó chúng tôi đi sâu nghiên cứu cảm hứng biển đảo trong sáng tác của ba nhà thơ tiêu biểu: Hữu Thịnh, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Việt Chiến ở những chương tiếp theo của luận văn.

Qua việc tìm hiểu về chủ đề biển đảo trong văn học Việt Nam qua các thời kì (văn học dân gian, văn học trung đại, văn học hiện đại) chúng tôi nhận thấy biển đảo luôn là đề tài thiêng liêng, nóng bỏng, mang tính thời sự trong văn học Việt Nam. Trong sự phát triển của văn học, số lượng tác phẩm viết về đề tài biển đảo ngày càng tăng, đặc biệt là trong thời kì văn học Việt Nam hiện đại. Sáng tác về biển đảo quê hương, mỗi nhà văn, nhà thơ, ở mỗi tác phẩm đều có cách thể hiện riêng, phản ánh một khía cạnh nào đó về chủ đề biển đảo

(vẻ đẹp của biển đảo, sự anh dũng, hi sinh, cuộc sống gian nan của những người lính biển, tình yêu của người lính đảo, tố cáo, căm thù tội ác quân giặc giày xéo biển đảo Việt Nam...) nhưng hầu hết đều chung ở giọng điệu sử thi hào hùng, ngợi ca, khẳng định; thể hiện tình yêu, niềm tự hào về biển đảo quê hương, về đất nước, con người Việt Nam.

Viết về biển đảo, thơ ca chiếm số lượng phong phú và đồ sộ hơn cả. Thơ hiện đại Việt Nam với rất nhiều gương mặt như: Văn Cao, Tế Hanh, Hải Bằng, Xuân Thiêm, Tô Thùy Yên, Xuân Quỳnh, Thanh Thảo, Nguyễn Hữu Quý, Hữu Thịnh, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Việt Chiến, Nguyễn Phan Quế Mai... đã góp tiếng nói riêng của họ, thể hiện tình yêu, khẳng định chủ quyền biển đảo, làm phong phú và dày dặn hơn mảng đề tài thiêng liêng trong văn học. Đây là điều cần thiết, đáng trân trọng và ngợi ca trong bối cảnh xã hội hôm nay.

## Chương 2

### CÁC DẠNG CẢM HỨNG BIỂN ĐẢO TRONG THƠ TRẦN ĐĂNG KHOA, HỮU THỈNH, NGUYỄN VIỆT CHIẾN

#### 2.1. Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên biển đảo đất nước

*“Bạn ơi hãy đến quê hương chúng tôi. Ngắm mặt biển xanh xa tít chân trời . Nghe sóng vỗ dập dào biển cả. Vút phi lao gió thổi trên bờ. Buồm vươn cánh vượt sóng ra ngoài khơi. Trong nắng hồng bừng lên sáng ngời”*... Việt Nam luôn tự hào với bạn bè quốc tế về vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước, con người. Là một đất nước nằm bên biển Đông, Việt Nam được sở hữu một bờ biển dài và đẹp. Thời gian chính là người thợ xây tài giỏi nhất kiến tạo nên vẻ đẹp của biển và các hải đảo của nước ta.

Nói đến biển là nói đến: Sóng, gió, biển xanh mênh mông, cát trắng chạy dài, san hô ngũ sắc, cây phong ba... Tất cả những điều đó tạo nên vẻ đẹp muôn thuở của biển. Trong thơ Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, Nguyễn Việt Chiến về đẹp thiên nhiên biển đảo không phải lúc nào cũng được miêu tả một cách trực tiếp nhưng dường như qua những vần thơ bất hủ viết về người lính, về Tổ quốc chúng ta thấy phảng phất vẻ đẹp của biển đảo, của non nước Việt Nam.

Nguyễn Việt Chiến trong bài phát biểu và đọc *“Hịch tướng sĩ”* trên biển Đông đã miêu tả hình tượng những con sóng, những dải cát, những ghềnh đá. Nó đẹp trong con mắt trữ tình của nhà thơ:

*“Sóng lớp lớp ù ù lên thêm lục địa  
Trong hồn người có ngọn sóng nào không?”* [12, tr.6]

Hay:

...

*“Đêm trần trọc nổi mưa nguồn chớp bể  
Thương Lý Sơn đảo khuất giữa mây mù  
Thương Cồn Cỏ gói đầu lên sóng dữ  
Thương Hòn Mê bão tố phía âm u”*

*(Tổ quốc nhìn từ biển)* [12, tr.6]

Biển là một khoảng không gian bao la rộng lớn. Đứng trước biển người ta thường cảm thấy mình nhỏ bé vô cùng. Tác giả đã đứng trước biển, tác giả thấy từng lớp sóng xô vào ghềnh đá, hết đợt sóng này nối tiếp đợt sóng kia tạo nên một không gian chuyển động. Sóng xô đá làm bọt tung trắng xóa, chúng ta có thể hình dung ra những bờ cát trắng trải dài, những hàng dừa, hàng phi lao rì rào trong gió. Tất cả những điều đó làm nên biển. Xa xa ở phía tím chân trời có những hòn đảo lớn nhỏ mà theo thống kê chúng ta có trên dưới 3000 hòn đảo. Đó chính là hai quần đảo lớn Hoàng Sa và Trường Sa cùng những đảo nhỏ mà Nguyễn Việt Chiến đã kể tên: “*Lý Sơn, Côn Cỏ, Hòn Mê*”. Giữa một không gian toàn nước với từng lớp sóng nối đuôi nhau, đuổi nhau chạy dài đến tím chân trời có những hòn đảo nằm sừng sững nơi đó tạo nên bức tranh đa màu sắc. Đó là màu xanh của nước biển, màu trắng của dải cát, màu tím ngắt của những hòn đảo trong sương sớm và của đất liền... Đây chính là thế mạnh để đất nước chúng ta phát triển tiềm năng du lịch biển. Biển đẹp là thế nên các nhà thơ đã không khỏi thốt lên:

*“Anh phải nói vòng vo anh yêu biển  
Anh yêu trời để thú nhận yêu em”*

(*Tạm biệt Sầm Sơn* - Hữu Thịnh) [68, tr.43]

Nhà thơ yêu vẻ đẹp của biển và cũng yêu người con gái vùng biển. Biển đẹp và em cũng đẹp.

Cảnh thiên nhiên trên biển còn mang hơi ấm của sự sống, mang hơi ấm của xóm làng:

*“Sớm mai này nắng ấm ở Trường Sa  
Tiếng gà gáy bình yên trên ngực đảo  
Tiếng trẻ thơ đến trường nơi sóng bão  
Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra”*

(*Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra* - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.14]

Sự sống đã nảy mầm trên nơi đảo xa. Còn gì hạnh phúc hơn khi nghe thấy hơi thở của sự sống với tiếng gà gáy trên đảo, nắng tỏa muôn ánh sáng sưởi ấm

vạn vật cỏ cây và tiếng đàn em thơ ríu rít tới trường. Cuộc sống thật bình yên trên đảo nhỏ. Hữu Thịnh cũng giống như Nguyễn Việt Chiến đã lắng nghe tiếng gà trên đảo bằng con tim thỏn thức:

*“Ai mang quê ra đảo  
Ló một tiếng gà trưa  
Bao nhiêu là pháo súng  
Ngây thơ như cây bừa”*

*(Tiếng gà trên đảo - Hữu Thịnh) [70, tr.49]*

Như vậy qua những sáng tác về biển đảo cả ba tác giả không trực tiếp nói đến vẻ đẹp thiên nhiên biển đảo nhưng chúng ta vẫn luôn tưởng tượng ra vẻ đẹp của biển. Biển - một không gian rộng với nước xanh, trời xanh, cánh buồm trắng, hàng dừa nghiêng nghiêng soi bóng, hàng phi lao rì rào hát khúc tình ca, xa xa về phía chân trời từng đàn hải âu bay chập chờn trên sóng. Trong số ba nhà thơ chúng ta nghiên cứu thì Trần Đăng Khoa là nhà thơ nói nhiều hơn đến vẻ đẹp của biển và hải đảo. Với những bài thơ như *Đợi mưa trên đảo sinh tồn*, *Thơ tình người lính biển*, *Lính đảo hát tình ca trên đảo...* ông đã vẽ nên một bức tranh muôn màu muôn vẻ về thiên nhiên trên biển. Trong văn đàn văn học Việt nam, với tập thơ *Trường Sa*, nhà thơ thần đồng đã chứng minh rằng “Trường Sa” chính là mảnh đất màu mỡ cho cây bút ông khai phá. Dường như Trần Đăng Khoa đã “*sở hữu độc quyền*” “*lãnh thổ*” này cho riêng mình. Tập thơ gồm 16 bài thơ viết về Trường Sa yêu dấu thì trong đó có 9/16 bài ít nhiều nói đến vẻ đẹp của thiên nhiên biển và hải đảo. Đây là một số lượng khá lớn, chiếm 56% tổng số bài. Đối với Trần Đăng Khoa nói riêng thì đây là một thành công không hề nhỏ vì ngoài ông ra ít có nhà thơ nào khám phá vấn đề này:

*“Vành trăng non vừa lặn  
Vòm đêm lung linh sao sáng  
Sương buông  
Sương buông*

*Mờ muôn dặm biển  
Đêm nay tàu ta lại ra khơi  
Cho dải đất liền tím sẫm  
Bình yên  
Bình yên  
Nằm dưới sao trời”*

(*Ra khơi* - Trần Đăng Khoa) [28, tr.17]

*Ra khơi* là một bài ca lao động và chiến đấu. Bên cạnh hình ảnh đoàn tàu ra khơi thì khung cảnh thiên nhiên trên biển là nét nổi bật của bài thơ. Biển vốn dài và rộng là thế nhưng trong khung cảnh ban đêm thì biển càng rộng hơn. Nhìn xa xa chúng ta thấy một khoảng không thăm thẳm, bao la, vô tận. Điểm trên nền trời là những vì sao lấp lánh soi mình dưới biển, dẫn lối cho đoàn tàu. Tác giả vẽ ra một khung cảnh thiên nhiên hiền hòa, đầy chất lãng mạn. Thành phố đang ngủ yên trong đêm. Chỉ có đoàn tàu của người lính biển hay đoàn tàu đánh bắt cá của ngư dân ra khơi, mang theo tình yêu đất nước, mang theo trách nhiệm canh giữ đất trời.

Biển còn đẹp trong hơi thở của cuộc sống. Biển nhẹ nhàng đón những con thuyền ra khơi mang theo niềm tin và hi vọng về một chuyến đi đầy thành công:

*“ Anh ra khơi  
Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng  
Phút chia tay anh dạo trên bến cảng  
Biển một bên và em một bên”*

(*Thơ tình người lính biển* - Trần Đăng Khoa) [28, tr.32]

Nếu như lúc trước Nguyễn Việt Chiến chỉ cho chúng ta hình dung ra một bức tranh biển với những ghenh đá, những lớp sóng và xa xa là những hòn đảo thì Hữu Thịnh đã bổ sung thêm những nét chấm phá cho bức tranh này. Biển đẹp hơn, thơ mộng hơn nhờ có bến cảng, có mây trôi lững lờ trên nền trời xanh thẳm, có những cánh buồm trắng no gió đang lướt nhẹ nhàng trên mặt biển.

Nước cũng xanh, mây trời cũng xanh, xen giữa là những cánh buồm trắng. Bức tranh sáng màu tạo ra không gian yên bình. Đó là vẻ đẹp của biển vào lúc bình minh và khi ông mặt trời chưa đi ngủ còn khi hoàng hôn buông xuống, bóng tối ngự trị thì biển, thiên nhiên trên biển đẹp, đẹp trong cái lãng mạn:

*“ Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn  
Tàu anh buồm neo dưới chùm sao xa lắc  
Thăm thăm nước trời nhưng anh không cô độc  
Biển một bên và em một bên ”*

*(Thơ tình người lính biển - Trần Đăng Khoa) [28, tr.32]*

Cảnh thiên nhiên trên biển về đêm mới thật hùng vĩ biết bao. Trong cái không gian rộng lớn với tiếng sóng biển rì rào và hàng phi lao, hàng dừa đang ngân vang bản tình ca bất hủ của biển thì “tàu anh buồm neo”. Hình ảnh con người ra đi để chế ngự bóng đêm, chế ngự sự hùng vĩ của biển đã làm cho không gian biển mang hơi thở của sự sống. Nước biển thăm thăm, những chòm sao xa lắc tô điểm cho một bức tranh thủy mặc và rồi thành phố với muôn ngàn ánh điện kê bên bờ biển làm cho biển về đêm lung linh mờ ảo hơn.

Ngoài những bài thơ kể trên, Trần Đăng Khoa còn có những bài thơ gián tiếp hoặc xen một chút miêu tả biển như: *Chim sơn ca trên đảo Sơn Ca, Những đám mây trắng ngời từ đảo, Cô tổng đài hải đảo, Chiều cát bà,...* với những câu thơ như: *“Lúc nào biển cũng là biển động, Sóng ngả nghiêng âm vờ quanh nhà” (Chim sơn ca trên đảo Sơn Ca) [28, tr.18]* - phương diện vẻ đẹp mạnh mẽ, dữ dội của biển; *“Tổ quốc thì gần, làng quê thì xa. Phía cuối biển trời ngổn ngang mây trắng” (Cô tổng đài hải đảo) [28, tr.28]*... Tất cả đã góp những mảnh ghép nhỏ để tạo nên một bức tranh thiên nhiên về biển đa chiều, hoàn mỹ.

## **2.2. Biển đảo - Thể hiện ý thức kiên định và sâu sắc về chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc**

Biển đảo trong tâm thức của mỗi con người đó là một phần của cuộc sống. Trên dải đất hình chữ S, biển đảo là một phần của Tổ quốc. Đất nước Việt Nam mang dáng hình người mẹ tảo tần, suốt đời gánh nặng thì hơn ba nghìn cây số biển chính là tấm lưng còng của mẹ. Có lẽ vì thế mà mỗi người dân Việt ý thức sâu sắc và kiên định về chủ quyền lãnh thổ tựa như lòng biết ơn và trách nhiệm trước tình mẫu tử thiêng liêng? Trần Đăng Khoa, Hữu Thịnh, Nguyễn Việt Chiến đã thay lời toàn dân tộc khẳng định điều này qua mảng thơ viết về biển đảo.

### **2.2.1. Ý thức về chủ quyền biển đảo**

Đi suốt chiều dài lịch sử, cả dân tộc Việt Nam hi sinh xương máu và nước mắt để hướng về hai chữ chủ quyền. Chủ quyền - hai chữ mới thiêng liêng làm sao! Gói trọn trong hai từ này là sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, là máu, là bùn, là những giọt nước mắt cạn khô trên đôi gò má nhăn nheo đen sạm vì sương, gió của những bà mẹ già ngày đêm ngóng chờ con. Vậy chủ quyền là gì mà giàu hình ảnh kì lạ thế?

*“Chủ quyền là tính có quyền lực độc lập đối với một khu vực địa lý, ví dụ như lãnh thổ. Nó được thể hiện trong quyền lực lãnh đạo và thiết lập pháp luật. Các quốc gia có thể có chủ quyền toàn phần hoặc hạn chế hoặc không có chủ quyền đối với những khu vực được pháp luật quốc tế quy định là di sản chung của nhân loại”* [84]. Việt Nam là đất nước có chủ quyền trên cả ba địa phận: Vùng đất, vùng trời và vùng biển. *“Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn bao gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời. Nước ta có đường bờ biển dài 3260 km, cong hình chữ S, chạy từ thị xã Móng Cái (Quảng Ninh) ở phía Bắc đến thị xã Hà Tiên (Kiên Giang) ở phía Tây Nam... Nước ta có hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ, phần lớn là các đảo ven bờ và có hai quần đảo ở ngoài khơi xa trên biển Đông là quần đảo Hoàng Sa (thuộc thành phố Đà Nẵng) và quần đảo Trường Sa (thuộc tỉnh Khánh Hòa). Theo quan niệm mới về chủ quyền quốc gia thì vùng biển Việt Nam có diện tích khoảng 1 triệu km<sup>2</sup> ở biển*



*Đông. Biển Đông đối với nước ta là một hướng chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước. Các đảo và quần đảo tạo thành hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền, hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển và đại dương trong thời đại mới, khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo, thêm lục địa. Việc khẳng định chủ quyền của nước ta đối với các đảo và quần đảo có ý nghĩa là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta với vùng biển và thêm lục địa quanh đảo”[47].* Nếu như cả dân tộc đã trải qua những cuộc kháng chiến trường kì để bảo vệ vùng đất, vùng trời thì con cháu Lạc Hồng với máu đỏ da vàng cũng đã vùi không biết bao xương máu, giáo gươm xuống đáy sông đáy biển để bảo vệ chủ quyền biển đảo của mình. Biển đảo có vai trò vị trí quan trọng trong mạch máu kinh tế cũng như quân sự của nước nhà. Các cửa sông, các bờ biển, các hải đảo đều là tiền tiêu, là nơi chống lại quân thù. Dưới con mắt của các thi sĩ, biển đảo mang tầm vóc lớn lao và có chiều sâu lịch sử. Điều này được thể hiện sâu sắc, thấm thía qua thơ ca hiện đại Việt Nam mà tiêu biểu là trong thơ của Trần Đăng Khoa, Hữu Thịnh, Nguyễn Việt Chiến.

Nguyễn Việt Chiến cây bút thơ hiện đại nhìn biển đảo trong tư thế của hàng ngàn năm trước. Biển gắn liền với cuộc chia li của Lạc Long Quân và Âu Cơ. Biển cũng là nơi chứng kiến và chào đón vị anh hùng mở mang bờ cõi đất nước:

*“Nếu Tổ quốc đang bão giông từ biển  
Có một phần máu thịt ở Hoàng Sa  
Ngàn năm trước con theo cha xuống biển  
Mẹ lên rừng, thương nhớ mãi Trường Sa”  
Nếu Tổ quốc nhìn từ bao quần đảo  
Lạc Long cha nay chưa thấy trở về  
Lời cha dặn phải giữ từng thước đất  
Máu xương này con cháu vẫn nhớ ghi”*

*(Tổ quốc nhìn từ biển - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.5]*

Thời kì mở mang bờ cõi, mở mang đất nước, nòi giống Lạc Hồng của chúng ta đã biết chung sức, đồng lòng bảo vệ biên đảo, đã coi biên đảo là chủ quyền của mình và luôn ghi nhớ và nghe theo lời cha Lạc Long Quân gìn giữ. Khép lại một thời dựng nước, một thời kì giữ nước được mở ra. Trong văn học trung đại Việt Nam, các nhà thơ Trương Hán Siêu, Nguyễn Bình Khiêm cũng đã khẳng định tầm quan trọng về chủ quyền biên đảo. Hai lần dân tộc ta chiến thắng vang dội trên sông Bạch Đằng lịch sử với bãi cọc ngầm đầy khéo léo và linh hoạt của Ngô Quyền (938) và Trần Quốc Tuấn (1288) chứng tỏ rằng cửa sông, cửa biển chính là tuyến đầu, là tiền tiêu chống lại kẻ thù. Bạch Đằng giang đã trở thành nguồn đề tài, nguồn cảm hứng vô tận của không biết bao nhiêu nhà thơ nhà văn. Nơi đây in dấu nỗi buồn man mác vì:

*“Sông chìm giáo gãy, gò đầy xương khô  
Buồn vì cảnh thảm, đứng lặng giờ lâu”*

*(Phú sông Bạch Đằng - Trương Hán Siêu) [48, tr.12]*

Máu và nước mắt của dân tộc đổ xuống, mộ phần của những người vô danh chìm sâu dưới đáy sông làm cho cảnh sông hùng vĩ thơ mộng bỗng âm đạm tiêu sầu. Hòa lẫn với máu của kẻ thù bỏ xác nơi xứ người đỏ cả dòng nước để rồi hàng bao thế kỉ người ta vẫn thấy màu nước loang loáng ánh đỏ hòa vào sắc trời chiều tựa như máu giặc vẫn còn chưa khô.

Nói tiếp dòng lịch sử, thế kỉ XVI, trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm bằng tài năng và dự cảm kiệt xuất của mình đã viết hai câu thơ đầy khẳng khái và tầm vóc:

*“Vạn lý Đông Minh quy bá ác  
Ức niên Nam cực điện long bình”  
(Biển Đông vạn dặm dang tay giữ  
Đất Việt muôn năm vững trị bình)*

*(Cự ngao đời sơn - Con ngao lớn đội núi)*

Khép lại trang sách của lịch sử với niềm tự hào vô cùng lớn chúng ta lại trở về với thời kì hiện đại. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trường kì của dân tộc, quân dân ta - chiến sĩ bộ đội, quân dân và nhân dân

vùng biển đảo đã chung tay dựng nên một làn sóng của tinh thần đoàn kết. Nếu như hình ảnh biển dậy sóng gầm gào đáng sợ bao nhiêu thì tinh thần đoàn kết của nhân dân ta cũng mạnh mẽ bấy nhiêu. Giống như chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: *“Nhân dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước, đó chính là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ xưa đến nay mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành làn sóng vô cùng mạnh mẽ to lớn, nó lướt qua mọi khó khăn nguy hiểm nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”*. Dần dần chủ đề biển đảo - nơi đầu sóng ngọn gió, nơi tuyến đầu Tổ quốc đã trở thành đề tài được đông đảo các nhà thơ nhà văn lựa chọn làm chủ đề chính.

Trong thơ Trần Đăng Khoa - thần đồng thơ thì chủ đề biển đảo đã thực sự lay động lòng người. Ông gieo vào lòng người đọc ý thức về chủ quyền biển đảo. Ông thổi vào lòng người đọc một cái nhìn mới mẻ, độc đáo hơn đồng thời tinh nghịch và trẻ trung đầy chất lính:

*“Chúng tôi ngồi trên đảo Sinh Tồn  
Bóng đen sẫm như gốc cây khô cháy  
Mắt đăm đăm nhìn về nơi ấy  
Nơi cơn mưa thăm thẳm xa khơi  
Ánh chớp xanh lấp loáng phía chân trời...  
Đá san hô sẽ nảy cỏ xanh lên  
Đảo xa khơi sẽ hóa đất liền  
Chúng tôi không cạo đầu, để tóc lên như cỏ  
Rồi kháo nhau  
Bữa tiệc linh đình bày toàn nước ngọt  
Ôi ước gì được thấy mưa rơi  
Cơn mưa lớn vẫn rập rình ngoài biển  
Ánh chớp xanh vẫn lấp loáng phía chân trời”*

(*Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn* - Trần Đăng Khoa) [28, tr.37]

Người lính Trường Sa - người lính trên đảo Sinh Tồn với những ngày nắng nóng, những cơn khát khô cháy cả cổ họng, họ ôm súng đợi chờ khắc khoải một cơn mưa. Hình tượng đó đẹp một cách kì lạ. Đảo Sinh Tồn cách đất liền 320 hải lí - hòn đảo chạy dài theo hướng đông tây, chiều dài chỉ khoảng 400m, chiều rộng 140m. Đất ở trên đảo chỉ toàn cát và san hô nên việc đào giếng lấy nước là vô cùng khó khăn. Thiếu thốn, khó khăn chồng chất khó khăn nhưng người lính đảo vẫn luôn chắc tay súng hoàn thành nhiệm vụ canh giữ đất trời. Hình tượng họ tỏa sáng với khí phách anh hùng bất chấp hi sinh gian khổ và luôn trẻ trung, lạc quan, yêu đời:

*“Ôi đảo Sinh Tồn, hòn đảo thân yêu  
Đầu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt đảo  
Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương gió bão  
Chúng tôi như hòn đá ngàn năm trong nhịp đập trái tim người  
Như đá vững bền, như đá tốt tươi.”*

(*Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn* - Trần Đăng Khoa) [28, tr.37]

Trần Đăng Khoa đã nhân hóa đá Trường Sa, so sánh người lính đảo với hòn đá ngàn năm, đá vững bền, đá tốt tươi. Những hòn đá vô tri vô giác trở nên có linh hồn, biểu trưng cho sự sống Trường Sa kiên cường, vững chãi.

Những năm gần đây nhất, khi biển Đông bị xâm phạm, hòa chung với hào khí của dân tộc, các nhà thơ nhà văn đã trực tiếp ra hải đảo, đến tận Trường Sa để viết nên những trang viết sống động, vang vọng lòng người. Trong tâm thế cả nước đang hướng về biển Đông thì *Tổ quốc nhìn từ biển* của Nguyễn Việt Chiến ra đời đã góp phần làm cho ý thức chủ quyền biển đảo hiện lên một cách dung dị, sâu lắng hơn:

*“Nếu Tổ quốc hôm nay nhìn từ biển  
Mẹ Âu Cơ hẳn không thể yên lòng  
Sóng lớp lớp ò ò ò lên thêm lục địa  
Trong hồn người có ngọn sóng nào không”*

*“ Nếu Tổ quốc neo mình đầu sóng cả  
Những chàng trai ra đảo đã quên mình  
Một sắc chỉ về Hoàng Sa thuở trước  
Còn truyền đời con cháu mãi đình ninh ”*

*(Tổ quốc nhìn từ biển - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.6]*

Trong dòng chảy của thơ Việt hôm nay, giữa những bộn bề những “*nổi loạn*” “*phá cách*” của bao nhà thơ trẻ thì Nguyễn Việt Chiến lại là một hồn thơ thấm đẫm tình yêu đất nước yêu biển đảo. Bài thơ “*Tổ quốc nhìn từ biển*” trở thành một hiện tượng trong suốt vài năm gần đây. Tác giả gợi nhắc về truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ - buổi bình minh của Tổ quốc, người mở mang bờ cõi, người xây nên hình hài đất nước. Nguyễn Việt Chiến đã hình tượng hóa Tổ quốc bằng truyền thuyết, với điểm nhìn xuyên suốt “*từ biển*” và những “*bão giông*”, những “*hiểm họa*” những “*mát mát*” từ đó hiện hiện trong những chiều kích khác nhau. Ta bắt gặp sự đồng điệu giữa hai tâm hồn thơ Trần Đăng Khoa và Nguyễn Việt Chiến:

*“Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên  
Bão thổi chưa ngừng trong những vành khăn trắng”*

*(Thơ tình người lính biển - Trần Đăng Khoa) [28, tr.33]*

Tổ quốc trong con mắt của Nguyễn Việt Chiến rộng lớn trong cả không gian và thời gian. Nguyễn Việt Chiến cảm nhận được những giông bão đang rình rập, những mát mát đau thương, những hiểm họa khôn lường đến với Tổ quốc từ biển. Nguyễn Việt Chiến nhắc đến một câu chuyện thời sự về việc người dân đảo Lí Sơn - Quảng Ngãi vừa tìm thấy sắc chỉ của vua Nguyễn năm 1835 cử binh ra canh đảo Hoàng Sa để lay động trong nhận thức của chúng ta về ý nghĩa sống còn của biển đảo đối với Tổ quốc và nhiệm vụ thiêng liêng trong bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ mà cha ông chúng ta đã để lại. Và trong thơ Nguyễn Việt Chiến hồn dân tộc ngàn năm không chịu khuất đã căng buồm vĩ đại cho tàu Việt Nam vươn ra biển lớn.

Như vậy có thể nói, ý thức chủ quyền biển đảo không chỉ được hiện lên như một nhận thức thuộc về chủ trương lớn của đất nước mà còn trở thành tình cảm lớn - tình cảm thâm mĩ cho các nhà văn nhà thơ thắp lên những trang viết hào hùng, mạnh mẽ.

### ***2.2.2. Ý thức giữ gìn bảo vệ ranh giới, biên cương hải đảo***

Bác Hồ đã từng căn dặn: “Ngày xưa ta có đê, có rừng. Ngày nay ta có ngày, có trời, có biển. Bờ biển nước ta dài, tươi đẹp. Ta phải biết giữ gìn và phát huy nó”. Có thể nói, từ bao đời nay biển đảo quê hương luôn là một phần máu thịt không thể tách rời trong tim mỗi người dân đất Việt. Biển đảo chính là một món quà vô giá mà thiên nhiên ưu đãi, lịch sử hào hùng trao tặng chúng ta. Biển là ngôi nhà to lớn, là sự sống của những người dân thán ngày lên đênh trên những con sóng, ngọn gió. Chính trên vùng mênh mông đại dương bao la, nơi cột mốc chủ quyền sừng sững như chứng nhân của lịch sử đầy “máu và hoa”, luôn có những con người vẫn ngày đêm canh giữ cho quê hương giấc ngủ yên bình. Chính tại nơi đầu sóng ngọn gió luôn có lá cờ Tổ quốc tung bay đó là nơi những trái tim đầy nhiệt huyết của tuổi trẻ, của đông đảo các thế hệ Việt Nam hướng về với lòng thành kính, yêu thương và biết ơn vô hạn. Vì một lý do rất đơn giản: Đây là quê hương chúng ta. Và đây cũng chính là lý do để khẳng định ý thức bảo vệ ranh giới, biên cương hải đảo của dân tộc.

Biển Việt Nam tiếp giáp với vùng biển của các nước như Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia. Chính vì sự tiếp giáp này nên đã từng xảy ra không ít tranh chấp, xung đột nơi vùng biển. Và bên cạnh đó không ít các thế lực bên ngoài đang âm mưu thôn tính vùng biển nước ta. Trước tình hình vô cùng căng thẳng của vấn đề tranh chấp vùng biển, cả nước đang hướng về biển Đông với một tâm thế và ý chí quyết giữ gìn chủ quyền biển đảo của dân tộc. Nếu như ranh giới phần đất liền của nước ta với các nước ngoài được coi trọng và được canh giữ nghiêm ngặt thì ranh giới và biên cương hải đảo cũng được quan tâm không kém. Biển đảo chính là tiên tiêu, là tuyến đầu của

Tổ quốc. Đảng, chính phủ và nhân dân ta luôn có ý thức bảo vệ nó. Đặc biệt hình tượng những người lính đảo chắc tay súng ngày đêm canh giữ đất trời, vững vàng trước ngọn gió ngọn sóng đã đi vào thơ văn như một minh chứng cho tình yêu quê hương yêu đất nước và yêu biển đảo:

*Nào hát lên cho đêm tối biết  
Rằng tình yêu sáng trong ngực ta đây  
Ta đứng vững trên đảo xa sóng gió  
Tổ quốc Việt Nam bắt đầu ở nơi này”*

*(Lính đảo hát tình ca trên đảo – Trần Đăng Khoa) [28]*

*“Tổ quốc ơi! Tiếng chúng tôi kêu lên mà mắt chúng tôi nhìn xuống  
Bóng chúng tôi trùm khắp đảo Thuyền Chài”*

*(Đảo Sơn Ca – Trần Đăng Khoa) [28]*

hay:

*“Đất nước Việt Nam một lần nữa nổi lên  
Những quần đảo long lanh như ngọc dát”*

*“Các anh đứng như tượng đài quyết tử  
Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra*

...

*Phút cuối cùng đảo đá hóa biên cương  
Anh đã lấy thân mình làm cột mốc  
Chặn quân thù trên biển đảo quê hương  
Các anh hy sinh vì sự bình yên của Tổ quốc”*

*(Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.12]*

Nếu như trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, nhà thơ Lê Anh Xuân đã xây dựng nên một “*dáng - đứng - Việt - Nam tạc vào thế kỷ*” của anh Giải phóng

quân thì ở đây nhà thơ Nguyễn Việt Chiến đã có một sáng tạo mới khi xây dựng một tượng đài bất tử trong lòng Tổ quốc, sự hy sinh của các anh cho đất nước trường tồn. Các anh - những con người vô danh đang âm thầm lặng lẽ hi sinh cả tuổi thanh xuân, hi sinh mạng sống, hi sinh thân mình để bảo vệ từng hạt cát, từng ngọn sóng ngọn gió của đất nước. Các anh được nhà thơ Nguyễn Việt Chiến ca ngợi hết lời. Dáng các anh cầm chắc cây súng trường, bộ quần áo hải quân giản dị trở thành tượng đài quyết tử. Tượng đài đó trầm lặng, đứng trong nắng, trong sương, trong cái gió, trong cái sóng của nơi biên cương biển đảo xa xôi. Tượng đài đó đứng hiên ngang in tạc trên nền trời xanh như một thách thức. Như một cung đàn muôn điệu, hình tượng người lính đảo chính là đại diện cho toàn thể dân tộc Việt. Ở họ là ý chí, là tinh thần quyết chiến quyết thắng quyết tâm bảo vệ chủ quyền của dân tộc:

*“Nghẹn ngào hai tiếng Trường Sa  
Máu Việt Nam chảy trên da thịt mình  
Sáu tư người lính hy sinh  
Vòng tròn bất tử mang hình Gạc Ma  
Đau thương hai tiếng Hoàng Sa  
Máu Việt Nam đổ thấm qua bao đời  
Các anh nằm lại cuối trời  
Bảy tư người lính xương vùi biển sâu”*

*(Máu Việt Nam chảy trên da thịt mình - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr. 20]*

Là một cây bút trẻ, quê ở Hà Nội, với tình yêu đất nước, tình yêu biển đảo sâu sắc, chàng trai trẻ Nguyễn Việt Chiến đã tìm ra đảo để trải nghiệm, để thấu hiểu ý thức của mỗi người lính. Ông có hẳn một chùm thơ viết về Trường Sa và trận hải chiến Gạc Ma. Có người từng nói rằng *“Lịch sử như tiếng thở dài của dân tộc, chiến tranh là vết thương sâu thẳm, đau nhói trong lòng mỗi con người ở lại”*, trận chiến ác liệt xảy ra tại Gạc Ma là vết thương sâu thẳm còn đau nhói trong lòng mỗi người con đất Việt. Ngược dòng lịch sử trở về với mốc thời gian năm



1988, đây là một năm đau thương, là một năm mà vết thương chiến tranh hằn lên biển cả. Hải quân Trung Quốc đã tấn công vào biển Đông của Việt Nam. Chúng mở đầu cuộc chiến bằng tiếng súng trên ba bãi đá Cô Lin, Len Đao và Gạc Ma hòng chiếm đóng những khu vực này và dùng nó làm bước đệm nhằm tấn công và chiếm giữ quần đảo Trường Sa. Do ba bãi đá vốn không có quân đội canh giữ nên Hải quân Việt Nam phải đưa quân ra bảo vệ. Ý thức trong mỗi người lính dâng cao, lòng yêu nước đau đáu nơi thẳm sâu tâm hồn mỗi người lính đảo. Đau thương bắt đầu từ đây, ngày 14/3/1988, Trung Quốc đã nổ súng, giạt cờ trên các bãi đá và nã pháo vào tàu của Hải quân Việt Nam, thiệt hại 2 tàu thủy và 64 chiến sĩ mãi mãi ra đi. Sáu mươi tư con người bằng da bằng thịt đã quên mình vì Tổ quốc. Họ đã mãi mãi nằm lại trong lòng biển. Họ trở về với cội nguồn, với cha Lạc Long. Dù cuối cùng vẫn không giữ trọn được bãi đá Gạc Ma, nhưng sự hy sinh anh dũng của 64 con người ấy mãi mãi được lưu giữ trong trái tim của mỗi người dân Việt Nam, trong dòng nước biển hiền hòa từng nhuộm màu đau thương kia.

Sáu mươi tư con người, sáu mươi tư tấm gương sáng chói của lòng yêu nước, họ ngã xuống không phải để vĩnh viễn ra đi mà là để ôm trọn lấy vị mặn chát của nước biển trong ve, ôm trọn sự bình yên của mặt nước hiền hòa. Họ ra đi nhưng tên tuổi họ luôn được nhắc đến. Họ ra đi khẳng định sự kiên định, đồng lòng cứu nước cứu biển trong lòng người con đất Việt. Thân xác họ mất đi, nhưng tâm hồn họ vẫn còn sống mãi cùng mặt nước mênh mông, cùng những quả tim nóng bỏng đang sục sôi trào dâng một lòng yêu nước tha thiết, nồng nàn. Có thể với kẻ thù, họ đã chết nhưng với chúng ta, với những người dân Việt Nam - họ mãi mãi là bất tử. Sự hy sinh của họ cũng giống như tấm thảm trải dài nâng đỡ cho nền hòa bình dân tộc mãi mãi được vẹn nguyên, để Tổ quốc thân yêu sẽ yên bình mà phát triển:

*“Khi hy sinh ở đảo đá Gạc Ma  
Anh đã lấy ngực mình làm lá chắn  
Để một lần Tổ quốc được sinh ra*

*Máu các anh thấm vào lòng biển thẳm  
Cờ Tổ quốc phát lên trong mưa đạn  
Phút cuối cùng đảo đá hóa biên cương  
Anh đã lấy thân mình làm cột mốc  
Chặn quân thù trên biển đảo quê hương  
Anh đã hóa cánh chim muôn dặm sóng  
Hương về nơi đất mẹ vẫn mong chờ  
Nếu mẹ gặp cánh chim về từ biển  
Con đây mà, mẹ đã nhận ra chưa!”*

*(Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra - Nguyễn Việt chiến) [12,tr.12]*

Các anh đã ngã xuống để Tổ quốc được sinh ra. Các anh hi sinh bản thân mình để cứu lấy cái to lớn hơn đó chính là Tổ quốc. Máu các anh hòa vào nước biển mặn chát, các anh hóa thành những cánh chim hải âu bay trên sóng để canh giữ đất trời. Sự cống hiến lớn lao của các anh sẽ là bài học, là động lực cho dân tộc. Dường như hào khí Đông A thời Trần đang dần trở về trong lòng mỗi người dân máu đỏ da vàng. Thân mình có là gì khi Tổ quốc lâm nguy, thân mình có là gì khi Tổ quốc sắp mất. Ý thức giữ gìn ranh giới, biên cương bùng cháy. Khát vọng, ước mơ hòa bình thôi thúc con người:

*“Cầm lên hạt muối thương đau  
Mẹ Việt Nam tóc bạc màu héo hon  
Muối này thấm máu các con  
Thấm hồn tử sĩ trong hồn biển xa  
Hoàng Sa vọng tới Trường Sa:  
Máu Việt Nam chảy trên da thịt mình”*

*(Máu Việt Nam chảy trên da thịt mình - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr. 20]*

Nếu như Nguyễn Việt Chiến đã viết nên một “*Hịch tướng sĩ*” trên biển Đông bằng một chùm thơ lay động lòng người: đó là “*thêm một lần Tổ quốc được sinh ra*”, “*Máu Việt Nam chảy trên da thịt mình*”, “*Tổ quốc nhìn từ biển*”,

*Tổ quốc bên bờ biển cả*”, “*Tổ quốc là tiếng mẹ*”... thì Hữu Thỉnh góp vào kho tàng thơ văn viết về biển đảo một “*Trường ca biển*”. Khác với Nguyễn Việt Chiến, Hữu Thỉnh đã từng là người lính, chính vì thế có lẽ chất lính trong thơ ông đậm đà hơn. Ông viết về người lính thời bình với tình cảm yêu mến chân thành nhất. Trong *Trường ca biển* hình tượng người lính hiện lên là một hình tượng vô cùng đẹp. Họ - những người lính nơi đảo xa luôn phải chịu bao khó khăn gian khổ. Họ phải đối mặt với cái chết, đối mặt với giông bão, đối mặt với cuộc sống khó khăn thường ngày. Trong thơ Nguyễn Việt Chiến người lính hi sinh thân mình để bảo vệ biển trước sự xâm lược của giặc Mĩ thì với Hữu Thỉnh người lính hi sinh thầm lặng để xây dựng đảo, để bảo vệ biên cương hải đảo:

*“Biển có đảo biển đỡ lặn lại mình  
Đảo có lính cát non thành Tổ quốc  
Đảo nhỏ quá nói một câu là hết  
Có gì đâu chỉ cát với chim thôi  
Cát và chim và thêm nữa chúng tôi  
Chúng tôi lên với áo quần ướt át  
Với nắng nôi muối xát thân tàu”* [68, tr.13]

Biển và các anh, các anh và biển dường như là hai người bạn vô cùng thân thiện. Các anh nói chuyện với biển, tâm sự với biển. Các anh đến với biển chính là vì ý thức bảo vệ biên cương. Các anh, bạn bè các anh - những người lính biển đã ngã xuống để tạo nên hình hài Tổ quốc:

*“Chưa kịp đặt ba lô  
Chúng tôi cùng nhau bới cát  
Dọn một chỗ nằm cho đồng chí hi sinh  
Chúng tôi đặt anh cạnh mốc chủ quyền  
Cát và cát  
Àm ào sóng biển*

*Gió và gió*

*Ngày ngày lại đến*

*Xóa đi một phần của anh năm” [68, tr.14]*

Cứ như thế sự hi sinh của những con người vô danh được biển ghi nhận, được biển chở che vỗ về. Biển chào đón các anh, biển giữ xác và nuôi lớn hồn anh. Không chỉ đối mặt với tử thần, những người lính biển còn đối mặt với bão giông trên biển. Dường như tất cả mọi khó khăn gian khổ người lính biển trong trường ca đều đã trải qua. Tất cả những điều đó đều chứng tỏ một điều trong họ luôn có hình bóng Tổ quốc, trong họ khắc sâu một điều đó là ý thức phải bảo vệ ranh giới, chủ quyền biển đảo. Chính vì thế họ không ngần ngại ra nơi đảo xa, gác lại đằng sau cuộc sống nơi phồn hoa đô hộ với ánh sáng thị thành để làm bạn với biển. Phải là người yêu nước phải có ý thức bảo vệ chủ quyền dân tộc họ mới hi sinh thân mình cống hiến cho đất nước.

### **2.3. Lòng yêu nước, tự hào về truyền thống đấu tranh của dân tộc**

Lòng yêu nước, tự hào về truyền thống đấu tranh của dân tộc là đề tài muôn thuở của thi ca. Các nhà thơ, nhà văn đã dành bao công sức, tâm huyết để khai phá mảnh đất màu mỡ này. Trong các dạng cảm hứng về biển đảo của thơ ca Nguyễn Việt Chiến, Hữu Thịnh, Trần Đăng Khoa thì lòng yêu nước, tự hào về truyền thống đấu tranh của dân tộc nổi bật hơn cả. Cả ba nhà thơ đã khơi gợi lại một truyền thống hào hùng của dân tộc và định hướng hành động của mỗi con người trong tương lai.

#### **2.3.1. Lòng yêu nước hi sinh quên mình của các chiến sĩ**

Ngược dòng văn học Việt Nam, lật lại những trang văn, trang thơ chúng ta thấy rằng lòng yêu nước là một truyền thống lâu đời của dân tộc. Lòng yêu nước là một phạm trù mang nghĩa rộng, có từ xa xưa, có rất nhiều biểu hiện để chứng tỏ lòng yêu nước. Khi có giặc ngoại xâm thì biểu hiện của tinh thần yêu nước chính là việc cầm chắc tay súng, hi sinh thân mình để đánh đuổi giặc. Trong thời bình, yêu nước chính là việc chung tay góp sức xây dựng đất nước

giàu đẹp. Viết một tác phẩm, chữa một người bệnh, giúp đỡ một con người đó cũng chính là những biểu hiện nhỏ bé nhưng mang đậm tinh thần yêu nước. Jules Simon đã từng nói rằng: *“Nếu người ta muốn đập phá bàn thờ Tổ quốc, phải đi vào tận gia đình và phân tán tro tàn của nó. Nói đúng hơn là phải lục soát đáy lòng người và đánh bật những nguyên lí sơ khởi của tình yêu.”* Tình yêu nước đã ăn sâu và từng tế bào con người, không ai có thể “đập phá bàn thờ Tổ quốc” vì “bàn thờ” ấy được dựng nên bằng tình yêu nước từ sâu đáy lòng mỗi con người.

Yêu nước trong văn học biển đảo là một mảng văn học rộng lớn. Hơn ai hết cây bút Nguyễn Việt Chiến đã đưa chủ đề này làm mưa làm gió trong văn đàn văn học những năm gần đây. Nguyễn Việt Chiến khẳng định: Trong tình hình biển Đông diễn biến phức tạp thì yêu nước chính là sự hi sinh quên mình của những người lính.

Người lính nói chung và người lính đảo nói riêng là những con người thâm lặng, vô danh. Trong thời chiến, họ hăng hái rời ghế nhà trường mang sức trai, mang tuổi thanh xuân ném và chiến trường khói lửa để bảo vệ từng tấc đất cho dân tộc. Trong thời bình họ xung phong tình nguyện ra những miền hải đảo xa xôi, bóc từng nắm cát, gói từng ngọn sóng, ngọn gió để gieo sự sống lên những hải đảo khô cằn. Họ bỏ lại sau lưng ánh sáng của thị thành, họ bỏ lại chôn phồn hoa đô hội, họ không nghĩ cho riêng mình mà họ nghĩ về toàn đất nước. Nguyễn Việt Chiến đã tự thân mình ra đảo để trải nghiệm cuộc sống nơi đảo xa. Nếu như nhạc sĩ Thế Song cho ra đời bài hát *Nơi đảo xa* - một đỉnh cao khó vượt với những lời hát ca ngợi người lính đảo *“Nơi anh đến là biển xa, nơi anh tới ngoài đảo xa. Từ mảnh đất quê ta giữa đại dương mang tình thương quê nhà. Đây Trường Sa, kia Hoàng Sa. Ngàn bão tố phong ba ta vượt qua, vượt qua”* thì nhà thơ Nguyễn Việt Chiến cho ra đời một *“hịch tướng sĩ”* trên biển Đông. *“Hịch tướng sĩ”* ca ngợi sự hi sinh anh dũng của người lính để bảo vệ từng tấc đất nơi hải đảo:

*“Người nghe biển động phía Trường Sa  
Ngực trần chắn đạn lính đảo ta  
Những hồn lính trận chưa yên ngủ  
Mộ gió cồn cào với Gạc Ma”*

*(Nghe hịch tướng sĩ trên biển Đông - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.25]*

Người lính đảo, mới chỉ nhắc đến thôi đã khiến lòng người nhói đau. Năm 1988 Trung Quốc nổ súng xâm chiếm biển Đông nhằm chiếm quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của chúng ta. Trong kế hoạch quân sự của chúng, chúng âm mưu đánh vào ba đảo nhỏ là Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao. Nói đúng hơn đây là ba bãi đá không có người ở, nhằm làm bàn đạp để chiếm Hoàng sa và Trường Sa. Trước âm mưu vô cùng thâm độc của giặc phương Bắc, quân đội ta chống trả anh dũng. Sáu mươi tư người con đất đảo đã ngã xuống, mười một người bị thương trong trận Gạc Ma. Nhắc lại lịch sử, Nguyễn Việt Chiến quặn thắt trong lòng. Với ông, sự hi sinh thầm lặng của sáu mươi tư người lính kia là một sự hi sinh cao cả. Họ hi sinh, họ ngã xuống để cho Tổ quốc thêm một lần nữa được sinh ra:

*“Các anh đứng như tượng đài quyết tử  
Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra  
Dòng máu Việt chảy trong hồn người Việt  
Đang bồn chồn thao thức với Trường Sa  
Khi hy sinh ở đảo đá Gạc Ma  
Anh đã lấy ngực mình làm lá chắn  
Để một lần Tổ quốc được sinh ra  
Máu các anh thấm vào lòng biển thẳm”*

*(Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.12]*

Tổ quốc được sinh ra từ đâu? Đây là một câu hỏi mang tính thời đại. Tổ quốc được sinh ra từ chính tình yêu nước của dân tộc. Tổ quốc được sinh ra từ chính những giọt máu thấm, hòa trong lòng biển bao la. Một phần của những con người

yêu nước nằm sâu trong lòng biển, lạnh lẽo, đau thương. Họ sinh ra để gắn bó cuộc đời mình với biển và chết đi họ lại trở về với mẹ Biển. Máu hồng của họ chan hòa trong sóng, hồn họ hóa thành những loài chim bay vượt trùng dương để ngày đêm bên biển. Tâm ngực trần của những người lính trở thành tấm lá chắn, hứng chịu những hòn tên mũi đạn để bản đồ Việt Nam còn nguyên vẹn:

*“Mưa gió quay cuồng suốt đêm trên biển*

*Tổ quốc như con tàu*

*vượt bão giữa trùng khơi*

*Ai có thể ngủ yên ngày tháng ấy*

*Trên con tàu*

*quê hương tôi*

*Người đội mưa trên đồng ngập nước*

*Người trắng đêm cứu lúa, cứu nhà*

*Người vượt lũ, dầm mình trên sóng*

*Người đội trời neo giữ đảo xa”*

*(Tổ quốc bên bờ biển cả - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.22]*

Hình tượng người chiến sĩ quên mình vì nước mới đẹp làm sao! Họ là bức tượng đài bất tử đặt giữa biển khơi mà chỉ khi nhìn vào đó giấc đã khiếp sợ tột cùng. Hào khí Đông A một thời lại ùa về trong mỗi người lính. Họ hi sinh nơi chiến trường, họ hi sinh thầm lặng “*cứu lúa, cứu nhà, neo giữ đảo xa*”. Họ bất tử trong lòng mỗi con người. Thân xác họ không còn nữa nhưng tiếng thom nghìn thuở mãi còn. Để mỗi lần nhắc đến họ lòng chúng ta chột nhói lên một niềm đau và chúng ta cũng chột hiểu ra trách nhiệm với Tổ quốc của những người ở lại.

Trang thơ của Nguyễn Việt Chiến khép lại mà hình tượng anh dũng kiên cường ngã xuống của người lính còn ám ảnh mãi trong lòng chúng ta. Tổ quốc

được sinh ra từ sự hi sinh thầm lặng đó và Tổ quốc còn được sinh ra từ hình tượng người lính biển, người chiến sĩ đảo trong *Trường ca biển* của Hữu Thịnh.

*Trường ca biển* ra đời năm 1994, đây là một bản trường ca đậm tình yêu quê hương đất nước. Trường ca được chia ra thành sáu chương: *Chương 1 Đối thoại biển*, *chương 2: Cát*, *chương 3: Tự thuật của người lính*, *chương 4: Đất này*, *chương 5: Hóa thạch những dòng sông*, *chương 6: Bão biển*. Toàn bộ trường ca, hình tượng người lính biển hiện lên với vẻ đẹp của sự hi sinh. Họ thầm lặng ngoài biển, họ làm bạn với sóng với gió với cánh chim trời. Họ đối thoại với biển để vui đi nỗi buồn, để hiểu hơn về nơi họ đang sống:

“ *Người lính nói:*

- *Tôi đã đi suốt hai đầu đất nước*

*Biển hiu hiu thán phục*

- *hững vết thương của tôi nhiều hơn cả tuổi đời”*

(*Trường ca biển* - Hữu Thịnh) [68, tr.7]

Cứ như thế người lính biển hi sinh tuổi xuân thầm lặng để tìm về với biển, để xây dựng hải đảo xa xôi:

“*Tôi đang ở Trường Sa*

*Trong đội hình Song Tử Đông, Song Tử Tây, An Bang, Nam Yết*

*Kết bạn với vô cùng*

*Đảo rập rờn chìm nổi những quả cân*

*Cân đời lính và hiểm nguy đời lính”*

(*Trường ca biển* - Hữu Thịnh) [68, tr.17]

Trên đảo người lính gặp vô vàn khó khăn thử thách. Đó là sự chết chóc hi sinh trong chiến trận, đó là những bão giông trên biển. Nguyễn Việt Chiến thiên về viết người lính trong chiến tranh thì Hữu Thịnh lại viết về người lính biển thời bình:

“*Chúng tôi là lính đảo thời bình*

*Phải gồng mình cả khi yên tĩnh nhất*



*Để chống lại cái khoảng trống kia  
Cái khoảng trống chực len vào đồng đội  
Chực len vào giữa bạn và tôi  
Cái khoảng trống lạnh tanh vô nghĩa  
Có ngay trong chính bản thân mình”*

*(Trường ca biển) [68]*

Cái mà người lính trong trường ca của hữu Thịnh phải đối mặt không phải là kẻ thù, là giặc xâm lược mà là chính nỗi sợ trong bản thân mình. Đó là một khoảng trống- khoảng trống của sự cô đơn, của nỗi sợ hãi, khoảng trống do chính mình tạo ra. Nếu không chiến thắng nỗi sợ hãi, không chiến thắng chính bản thân mình thì người lính sẽ gục ngã. Có lẽ Phật dạy rằng “*kẻ thù lớn nhất của đời người là chính mình*” thật chính xác. Vừa phải canh giữ từng tấc đất trên biển, canh giữ từng hạt cát, từng bụi san hô, từng ngọn gió cánh sóng, người lính đảo còn phải canh giữ chính niềm tin trong bản thân mình. Canh giữ niềm tin về tình yêu Tổ quốc, canh giữ nỗi sợ hãi để không cho nó vượt lên trên tình yêu quê hương, yêu biển.

Lòng yêu nước, hi sinh quên mình của người lính trong thơ Trần Đăng Khoa lại đẹp theo một màu sắc khác. Họ ở trên đảo Sinh Tồn - một hòn đảo khắc nghiệt với cái nắng nóng, với cái gió với sự thiếu nước ngọt. Như chúng ta đã biết, nước chính là sự sống, sự sống bắt đầu từ nguồn nước. Vậy mà những người lính trên đảo Sinh Tồn đang phải chịu cái khó khăn lớn nhất đe dọa đến chính sự sống của họ đó là thiếu nước. Thiếu đến nỗi họ ngóng chờ những cơn mưa, họ mơ về một bữa tiệc mà bữa tiệc này rất đặc biệt, không cần cao lương mỹ vị, không cần sơn hào hải vị mà chỉ cần bữa tiệc đó tràn trề nước ngọt. Họ sống khó khăn là thế nhưng họ hết mực lạc quan. Nếu như hình tượng người lính Tây Tiến trong thơ Quang Dũng đâu không mọc tóc vì sự khắc nghiệt của thời tiết, núi rừng thì trong thơ Trần Đăng Khoa chúng ta cũng bắt gặp hình tượng tương tự thế:

*“Ôi ước gì được thấy mưa rơi  
Mặt chúng tôi ngửa lên như đất  
Những màu mây sẽ thôi không héo quắt  
Đá san hô sẽ nảy cỏ xanh lên  
Đảo xa khơi sẽ hoá đất liền  
Chúng tôi không cạo đầu để tóc lên như cỏ  
Rồi khao nhau  
Bữa tiệc linh đình bày toàn nước ngọt”*

*(Đợi mưa trên đảo sinh tồn) [28, tr.37]*

Người lính mơ có mưa, mơ có nước ngọt. Cỏ cây sẽ xanh tươi, họ sẽ để tóc lên như cỏ vì thực tế bây giờ do thời tiết khắc nghiệt, cái nắng, cái gió đã đốt cháy tóc, da họ:

*“Sân khấu lô nhô mấy chàng đầu trọc  
Người xem ngón ngang cũng rất lính trọc đầu  
Nước ngọt hiếm không lẽ dành gội tóc  
Lính trẻ lính già đều trọc tếu như nhau”*

*(Lính Đảo hát tình ca trên biển - Trần Đăng Khoa) [28, tr.42]*

Họ đã quên mình hi sinh tuổi trẻ để bảo vệ nước nhà. Hình tượng họ đẹp trong cái lạc quan, trẻ trung. Hình tượng họ tỏa sáng trong dòng chảy của thơ Việt.

Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, Nguyễn Việt Chiến - cả ba cây bút thời hiện đại mặc dù có những cách viết về người lính biển rất riêng, mỗi người một vẻ, không ai giống ai nhưng tất cả cùng hướng tới một mục đích duy nhất đó là làm bật lên hình tượng người lính- người chiến sĩ anh dũng, quả cảm, hi sinh bản thân mình một cách thầm lặng để cho Tổ quốc được sinh ra, để đàn em thơ cấp sách tới trường. Dòng máu Lạc Hồng của họ chan hòa trong nước biển mặn chát. Thân xác họ vùi vào lòng biển để biển chở che vỗ về và linh hồn họ luôn sống cùng với biển. Họ xứng đáng được tôn vinh và hơn ai hết các nhà thơ nhà văn đã

huy động đội quân ngôn ngữ để viết về họ. Khép lại trang thơ của họ, trong lòng mỗi con người có một cảm xúc dạt dào dâng lên, đó là tình yêu quê hương đất nước, yêu biển đảo và niềm cảm phục những con người vô danh, bất khuất.

### ***2.3.2. Lòng tự hào về biển đảo quê hương***

Nhân dân Việt Nam từ bao đời nay luôn mang trong mình truyền thống yêu nước, đấu tranh bất khuất bảo vệ độc lập dân tộc. Hệ quả tất yếu của lòng yêu nước chính là niềm tự hào dân tộc. Lòng tự hào được hiểu một cách đơn giản đó chính là sự hài lòng, sự hãnh diện về quê hương, đất nước. Con người Việt Nam cũng luôn tự hào về biển đảo quê hương mình.

Việt Nam là một quốc gia có bờ biển trải dài từ Bắc vào Nam. Biển Việt Nam có hàng ngàn hòn đảo, trong đó có hai quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa. Trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, biển đảo Việt Nam luôn là nguồn đề tài vô tận cho sáng tác thơ ca, nhạc họa. Thơ viết về biển đảo và biển đảo trong thơ ca đã và đang ngày càng hiện hữu, không thể thiếu trong đời sống người dân nước Việt. Cảm hứng trong thơ viết về biển là cảm hứng tự hào. Nổi bật lên trong số đó phải kể đến thơ của Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, Nguyễn Việt Chiến, mỗi người một vẻ: Nguyễn Việt Chiến, Hữu Thỉnh tự hào vì biển là tuyến đầu của Tổ quốc, tự hào vì những người lính anh dũng kiên cường; Trần Đăng Khoa lại tự hào về vẻ đẹp của biển, tự hào về tình yêu vĩnh hằng, tình yêu vượt không gian thời gian của người lính đảo.

Nguyễn Việt Chiến đã tự hào về biển của đất nước mình và ông cho rằng Tổ quốc được sinh ra từ sự hi sinh thầm lặng của những người lính biển vô danh. Ông nhìn Tổ quốc qua lăng kính của biển và phát hiện ra rằng:

*“ Nếu Tổ quốc đang bão giông từ biển  
Có một phần máu thịt ở Hoàng Sa  
Ngàn năm trước con theo cha xuống biển  
Mẹ lên rùng thương nhớ mãi Trường Sa”*

*(Tổ quốc nhìn từ biển - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.5]*

Tổ quốc được xây dựng nên là nhờ một phần của “*máu thịt*” ở Hoàng Sa và Trường Sa. Theo nghĩa đen thì Hoàng Sa và Trường Sa chính là hai hòn đảo, là hai mảnh ghép cuối cùng để làm nên tấm bản đồ Việt Nam hoàn chỉnh. Nói như thế có nghĩa là Nguyễn Việt Chiến tự hào rằng nước chúng ta có hai quần đảo “ngọc”, ranh giới đã định sẵn như thế, các sắc chỉ của thời đại trước cũng khẳng định điều đó. Về mặt nghĩa bóng, tác giả đang nói đến vị trí quan trọng của biển đảo Việt nam trong việc giữ gìn độc lập của đất nước. Với vai trò là tiền tiêu, là tuyến đầu, là cửa ngõ vô cùng quan trọng, biết bao người lính đã thầm lặng ngã xuống để ngăn cản bước chân kẻ thù đặt vào đất liền. Tác giả tự hào về biển và hải đảo của chúng ta lắm chứ. Biển, hải đảo là tấm lá chắn lớn, chắn bom đạn kẻ thù dội vào đất liền. Muốn tiến đến Thủ đô của Việt Nam, giặc ngoại xâm một phần phải đi qua biển. Chính biển, đảo là nơi hứng chịu những vết thương chiến tranh không bao giờ lành. Không chỉ có thế, Nguyễn Việt Chiến còn tự hào về bề dày lịch sử của biển. Biển, đảo có từ thuở hồng hoang dựng nước, trải qua bao triều đại và cho tới tận bây giờ biển vẫn đẹp, vẫn hiền hòa như câu hát “*ơi biển Việt Nam ơi sóng Việt Nam, qua bao nhiêu thăng trầm mà chiều nay vẫn dịu dàng*”. Biển đảo còn giống như một người mẹ trong tâm thức của nhà thơ:

*“Đất Tổ quốc khi chập chờn bóng giặc  
Các con nằm thao thức phía Trường Sơn  
Biển Tổ quốc chưa một ngày yên ả  
Biển cần lao như áo mẹ bạc sờn”*

*(Tổ quốc nhìn từ biển)* [12, tr.5]

Biển đảo cũng “*cần lao như áo mẹ bạc sờn*”. Mẹ một đời lam lũ, một đời gió sương để nuôi con nên người. Mẹ sinh ra những người con anh hùng cho đất nước, mẹ là Mẹ Việt Nam anh hùng thì biển cũng sinh ra những người chiến sĩ kiên cường, biển cũng cần lao, cũng lam lũ, cũng bạc sờn tấm áo xanh theo năm tháng. Biển chính là một phần của Tổ quốc. Tổ quốc lại được nhìn trong cái đa chiều “*Nếu*

*Tổ quốc đang bão giông từ biển”, “nếu Tổ quốc hôm nay nhìn từ biển”, “nếu Tổ quốc nhìn từ bao quần đảo”, “nếu Tổ quốc nhìn từ bao thương tích”, “nếu Tổ quốc neo mình đầu sóng cả”, “nếu Tổ quốc nhìn từ bao mát mát”... , dù nhìn Tổ quốc trên phương diện nào đi chăng nữa thì biển đảo vẫn luôn đóng một vai trò quan trọng đối với Tổ quốc và cũng thật đáng tự hào!*

Hữu Thịnh trên cơ sở viết về người lính biển trong thời bình, họ cũng mang trong mình phẩm chất của anh bộ đội Cụ Hồ. Người lính trong thời bình là người đi xây dựng đảo, họ đối mặt với biết bao khó khăn thử thách: hi sinh, mát mát, thiếu thốn, bão giông... (Trong *Trường ca biển*) nhưng tất cả đều không ngăn nổi ý chí quyết tâm và lòng yêu nước trong họ. Họ dần thích nghi, họ dần quen với cuộc sống trên đảo, quen với bão giông, quen với vị mặn chát của biển. Và rồi họ có thể trò chuyện với biển, làm bạn với biển để vui bớt nỗi cô đơn.

Dù không nói ra nhưng chắc hẳn trong tâm thức của cả ba nhà thơ đều quá thấu hiểu về nguồn lợi mà biển đảo mang lại cho đất nước. Biển đem lại cho ta những gì? Theo một trang web đáng tin cậy thống kê thì: *“Biển và đại dương chiếm 71% diện tích hành tinh với độ sâu trung bình 3.710m và tổng khối nước 1,37 tỷ km<sup>3</sup>. Tài nguyên biển và đại dương rất đa dạng được chia ra thành các loại: Nguồn lợi hoá chất và khoáng chất chứa trong khối nước và đáy biển; nguồn lợi nhiên liệu hoá thạch, chủ yếu là dầu và khí tự nhiên, nguồn năng lượng "sạch" khai thác từ gió, nhiệt độ nước biển, các dòng hải lưu và thủy triều. Mặt biển và vùng thềm lục địa là đường giao thông thủy, biển là nơi chứa đựng tiềm năng cho phát triển du lịch, tham quan, nghỉ ngơi, giải trí, nguồn lợi sinh vật biển. Sinh vật biển là nguồn lợi quan trọng nhất của con người, gồm hàng loạt nhóm động vật, thực vật và vi sinh vật... Biển Đông của Việt nam có diện tích 3.447.000 km<sup>2</sup>, với độ sâu trung bình 1.140m, nơi sâu nhất 5.416m. Vùng có độ sâu trên 2.000m chiếm 1/4 diện tích thuộc phần phía Đông của biển. Thềm lục địa có độ sâu < 200m chiếm trên 50% diện tích. Tài nguyên của Biển Đông rất đa dạng, gồm dầu khí, tài nguyên sinh vật (thủy sản, rong biển). Riêng trữ lượng hải sản ở phần Biển Đông thuộc Việt Nam cho phép khai thác*

với mức độ trên 1 triệu tấn/năm. Sản lượng dầu khí khai thác ở vùng biển Việt Nam đạt 10 triệu tấn hiện nay và 20 triệu tấn vào năm 2.000” [83]. Với những nguồn lợi biển mang lại tất cả chúng ta nói chung, các nhà thơ, nhà văn nói riêng đều có quyền tự hào về nó. Dù thật sự chưa có thơ, văn đề cập trực tiếp về nguồn lợi mà biển mang lại nhưng chúng ta tin rằng cả ba nhà thơ Nguyễn Việt Chiến, Trần Đăng Khoa và Hữu Thịnh đều ý thức và tự hào về điều này.

Tóm lại, nhắc đến biển và hải đảo trong lòng mỗi người con đất Việt cũng như trong lòng các nhà thơ, nhà văn mà cụ thể hơn là ba nhà thơ nói trên đều dấy lên niềm tự hào vô bờ bến. Họ tự hào về vẻ đẹp của biển, tự hào về nguồn lợi mà biển mang lại và cao hơn nữa đó là niềm tự hào về những người con của biển - những chiến sĩ bất khuất kiên cường đã, đang và sẽ được thử thách qua “*Mẹ biển*”.

#### **2.4. Tình yêu lứa đôi gắn với tình yêu biển đảo**

Trong mạch nguồn cảm hứng dạt dào về biển đảo, ta không thể không nhắc tới tình yêu lứa đôi gắn với tình yêu biển đảo trong sáng tác của các nhà thơ hiện đại. Ta say lòng trước những vần thơ của các tác giả nữ như Xuân Quỳnh, Lê Thị Mây, Bạch Liễn... với giọng điệu tha thiết, đầy nữ tính... hình ảnh em và sóng biển trong khát vọng bất tử hóa tình yêu: “*Làm sao được tan ra/ Thành trăm con sóng nhỏ/ Trong biển lớn tình yêu/ Để ngàn năm còn vỗ*” (Sóng- Xuân Quỳnh) , em yêu anh vì yêu biển, yêu biển như yêu anh: “*Những ngày không gặp nhau/ Biển bạc đầu thương nhớ/ Những ngày không gặp nhau/ Lòng thuyền đau rạn vỡ... Nếu từ già thuyền rồi/ Biển chỉ còn bão tố...*” (Thuyền và biển- Xuân Quỳnh); “*Em không thể học cách đợi/ Bằng những mắt lưới dôi theo hướng mặt trời/ Làng bắt chước những người đàn bà/ Mỗi ngày một nhô ra biển*” (Hai mươi phút- Lưu Thị Bạch Liễn)... đến thơ của Trần Đăng Khoa, Hữu Thịnh ta lại thêm tự hào về tình yêu của người lính. Tình yêu của người lính đẹp lắm. Họ ra đảo mang theo hình bóng của người thương. Tình yêu của người lính mộc mạc và bình dị vô cùng. Họ yêu nhau, ngày đêm mong chờ cánh thư từ đất liền. Nhận được một cánh thư thôi là mọi nguồn sống trong họ trào dâng, họ quên đi bao khó khăn vất vả, mệt nhọc, quên đi bao mất

mát thiếu thôn, thiết thòi. Giống như cánh chim báo bão trên biển, cánh thư của người thương nơi đất liền là động lực để họ sống và cống hiến. Tự hào về tình yêu nơi hải đảo:

*"Anh ra khơi  
Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng  
Phút chia tay anh dạo trên bến cảng  
Biển một bên và em một bên  
Biển ôn ào, em lại dịu êm  
Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ"*

(*Thơ tình người lính biển* – Trần Đăng Khoa) [28,32]

Cuộc chia tay của người lính đảo là một cuộc chia tay đầy lưu luyến. Họ ra đi mang nặng trên đôi vai “*biển một bên và em một bên*”. Nhà thơ không chỉ nói lên tâm cảm họ mà còn thu nhỏ cả biển trời bao la quanh họ đặt vào cái nơi ấm áp nhất của trái tim, bên cạnh hình ảnh dấu yêu của người yêu dấu để đi đâu, về đâu, bất cứ lúc nào những chàng trai trẻ xa nhà, xa quê ấy cũng không cảm thấy cô độc, bởi vì đã có niềm tin rằng: *Biển một bên và em một bên*. Tự hào lắm chứ! Đáng yêu lắm chứ!:

*“Người yêu chúng anh ơi, các em ở phương nào  
Tóc em ngắn hay dài có trời mà biết được  
Những bóng dáng nào sẽ đến với chúng anh  
Trong bốn phía chỉ âm u mây nước  
Nào hát lên cho mây nước biết  
Rằng chúng ta là những con người  
Yêu em thủy chung hơn muối mặn  
Dù thư tình chưa biết gửi cho ai”*

(*Lính đảo hát tình ca trên đảo* – Trần Đăng Khoa) [28,43]

Những người lính biển, họ còn là những con người hi sinh tình yêu lứa đôi để gắn bó với biển. Ai đi ra hải đảo xa xôi mà không mang theo một mối tình.

Ai ra hải đảo xa xôi mà không vấn vương một bóng hồng. Có thể những mối tình đó tồn tại được qua sự thử thách của thời gian nhưng cũng có không ít người lính đành chia tay với mối tình đó để cống hiến trọn cho đất nước. Người lính đảo đã mang trọn mối tình đó ra đảo để thử thách mối tình trong không gian và thời gian:

*“Anh xa em*

*Trăng cũng lẻ*

*Mặt trời cũng lẻ*

*Biển vẫn cày mình dài rộng thế*

*Vắng cánh bướm một chút đã cô đơn”*

*(Thơ viết ở biển - Hữu Thịnh) [68, tr.35]*

Tình yêu lứa đôi của người lính là tình yêu chín trong sắc nắng biển trời và trong ý niệm. Những bản tình ca nơi hải đảo là những trang thơ đẹp hài hào và trang trọng giữa tình yêu lứa đôi và tình yêu Tổ quốc, giữa ham muốn cá nhân và trách nhiệm công dân lồng vào nhau, hòa làm một. Cảm hứng về tình yêu lứa đôi nơi hải đảo- tình yêu của những người lính đảo đã làm mềm mại, thi vị đi cái gan góc, khắc nghiệt nơi đầu sóng ngọn gió mà vẫn làm tỏa sáng lấp lánh hào khí, chất anh hùng cuộn cuộn chảy trong hình tượng những người lính biển. Trần Đăng Khoa, Hữu Thịnh, Nguyễn Việt Chiến... đã mang tình yêu lứa đôi vào trong tình yêu đất nước.

### ***Tiểu kết:***

Cảm hứng biển đảo trong thơ Nguyễn Việt Chiến, Hữu Thịnh và Trần Đăng Khoa là một cảm hứng mới mẻ. Chúng ta bắt gặp sự đồng điệu trong tâm hồn thơ cũng như trong cách cảm, cách nghĩ của cả ba tác giả. Dù có người đã từng là lính đi khắp chiến trường Nam Bắc, làm bạn với rừng với gió bẻ, có người không phải là người lính, không trực tiếp ra chiến trận nhưng bằng tấm lòng yêu nước, yêu biển đảo, tự hào hãnh diện về biển đảo nước mình, họ đã



viết nên những trang thơ bất hủ. Họ đã thổi vào lòng người đọc một tình yêu vô bờ bến đối với dải đất hình chữ S nói chung và với biển đảo - tuyến đầu Tổ quốc, nơi được coi là tiền tiêu quan trọng nói riêng.

Biển đảo trong con mắt của ba nhà thơ đều mang một vẻ đẹp hùng vĩ, đẹp trong nhiều cung bậc: Lúc thì biển hiền hòa, thơ mộng, lúc thì ồn ào của cuộc sống thường nhật, lúc thì gập gù chứa đầy bão tố... Không chỉ có thế, biển sinh ra những người con anh hùng. Đó là những chàng trai trẻ từ đất liền ra đảo. Họ ra đi mang theo tình yêu Tổ quốc, mang theo khát khao xây dựng cuộc sống mới, mang theo khát vọng gieo trồng sự sống trên những hòn đảo khô cằn tro đá và cát. Hình tượng họ đẹp giống như những con người hùng mở mang bờ cõi vậy. Và rồi cũng chính họ đã đặt nền móng, đặt những viên gạch đầu tiên cho công trình xây dựng cuộc sống mới, con người mới trên đảo.

Lòng yêu nước, niềm tự hào về truyền thống đấu tranh chống giặc và tự hào về biển đảo cũng là vấn đề trọng tâm trong cảm hứng về biển đảo của ba nhà thơ. Họ đã dành nhiều tâm huyết cũng như giấy mực cho nội dung này. Dường như trái tim và cảm hứng của cả ba cây bút đã hội tụ tại một điểm chung đó chính là yêu nước và tự hào dân tộc. Trong tâm thế cả nước hướng về biển Đông, cả nước lại chuẩn bị ra trận thì những vần thơ có sức lay động lòng người của họ giống như một bản “*Hịch tướng sĩ*” thời đại mới thôi thúc và đánh thức ý thức bảo vệ chủ quyền, ranh giới biển đảo trong lòng mỗi người dân Việt Nam.

### Chương 3

## NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN CẢM HỨNG BIỂN ĐẢO TRONG THƠ TRẦN ĐĂNG KHOA, HỮU THỈNH, NGUYỄN VIỆT CHIẾN

### 3.1. Hình ảnh

Quy luật và xu hướng vận động chung của quá trình sáng tạo thơ ca là chuyển hóa sự rung động và cảm xúc thành thực thể hữu hình, cấp cho chúng cái vỏ vật chất là ngôn ngữ, nhưng ngôn ngữ thơ ca là ngôn ngữ có tính chất tạo hình nên một trong những hình thức phổ biến nhất là chọn lọc những hình ảnh cụ thể để nói lên cảm xúc. Hình ảnh nghệ thuật chính là đời sống được đưa vào trong thơ thông qua cảm xúc và cái nhìn của mỗi người cầm bút. Nó chính là sự khách thể hóa những rung cảm nội tại để cái tôi nhìn thấy chính mình và xác nhận cảm quan của cái tôi về thế giới. Thơ là một hình thức nghệ thuật dùng từ, dùng chữ trong ngôn ngữ làm chất liệu, và sự chọn lọc từ cũng như tổ hợp của chúng được sắp xếp dưới một hình thức lôgic nhất định tạo nên hình ảnh hay gọi cảm âm thanh có tính thẩm mỹ cho người đọc, người nghe. Nói như thế có nghĩa là hình ảnh thơ chính là hệ quả của việc lựa chọn, sắp xếp từ ngữ. Những nhà thơ giỏi là những nghệ sĩ hoạt động nghệ thuật miệt mài không ngừng nghỉ. Họ trần trở suy tư, sắp xếp ngôn từ để có thể tạo nên những hình ảnh thơ độc đáo nhất, mới lạ nhất ra mắt công chúng. Đọc những vần thơ về biển đảo của Nguyễn Việt Chiến, Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh hẳn người đọc sẽ luôn ám ảnh về một vùng biển đầy “*bão giông*”, “*sóng gió*” nhưng vững vàng trước mọi thách thức của thời đại.

Nói đến hình ảnh thơ trong cảm thức về biển đảo thì điểm nổi bật, đáng được nói đến nhất là những hình ảnh ẩn dụ. Trong sáng tạo thơ ca, việc sử dụng biện pháp tu từ luôn đóng vai trò quan trọng. Nó không chỉ thể hiện được nội dung, chủ đề mà còn có vai trò lớn trong việc tạo dựng giá trị nghệ thuật bền vững cho mỗi tác phẩm, làm cho sức diễn đạt vừa trong sáng vừa súc tích. Theo cách hiểu phổ biến, ẩn dụ là phép thay thế tên gọi hoặc chuyển đặc điểm, thuộc

tính của sự vật, hiện tượng này sang sự vật, hiện tượng khác loại dựa trên cơ sở liên tưởng đồng nhất hóa chúng theo đặc điểm, thuộc tính nào đó cũng có ở chúng. Nói cách khác ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, Nguyễn Việt Chiến - ba cây bút với ba phong cách khác nhau, ba màu sắc riêng biệt nhưng trong thơ họ đều xuất hiện những hình ảnh ẩn dụ về biển độc đáo. Cả ba nhà thơ đã ghép những mảnh ghép để làm nên một bức tranh toàn cảnh về biển đảo trong thời đại mới.

Nguyễn Việt Chiến là cây bút sắc sảo về việc sử dụng những hình ảnh ẩn dụ. Với bài thơ bất hủ “*Tổ quốc nhìn từ biển*” ông đã cho thấy một khả năng liên tưởng đa chiều, đặc biệt là tìm được những mẫu vật ví hàm ẩn độc đáo:

*“Nếu Tổ quốc nhìn từ bao thương tích  
Những đau thương trận mạc đã qua rồi  
Bao dáng núi còn mang hình góa phụ  
Vọng phu buồn vẫn vỗ trẻ ru nôi”*

(*Tổ quốc nhìn từ biển* - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.7]

Tổ quốc nhìn từ biển trong con mắt của Nguyễn Việt Chiến thật đa chiều. Tổ quốc được nhìn từ “*bao quần đảo*”, “*từ bao thương tích*”, “*từ bao hiểm họa*”, “*từ bao mát mát*”, Tổ quốc trường thành hơn sau chiến tranh trên biển. Hình ảnh ẩn dụ “*hòn vọng phu*” khi nhìn Tổ quốc “*từ bao thương tích*” là một hình ảnh đắt giá. Hình tượng “*Vọng phu*” đã đi vào thơ ca như một biểu tượng tuyệt đẹp về lòng chung thủy của người phụ nữ Việt Nam. Hòn Vọng Phu ngày nay vẫn sừng sững trên núi, hay hướng ra biển ở các tỉnh Lạng Sơn, Nghệ An, Đắk Lắk, Thanh Hóa hay Bình Định chính là minh chứng cho tình cảm vợ chồng son sắt, thủy chung. Trong thơ Nguyễn Việt Chiến, “*Vọng Phu*” được nhà thơ sử dụng để liên tưởng tới những người vợ, người mẹ, người phụ nữ có chồng, con đã hi sinh ngoài biển đảo. Trường liên tưởng đã được mở rộng, mang tính khái quát cao:

*“Bao dáng núi còn mang hình góa phụ?  
Vọng phu buồn vẫn vỗ trẻ ru nôi”*. [12, tr.7]

Tổ quốc Việt Nam được làm nên từ chính sự hi sinh của những người lính và cao hơn nữa đó là sự hi sinh thầm lặng của những người mẹ, người vợ. Họ - những người mẹ già với mái đầu bạc, lam lũ, những người vợ với mái đầu xanh, cơ cực đa hi sinh người con, người chồng cho Tổ quốc. Và không biết tự bao giờ hình ảnh họ mỗi chiều đứng bên bờ biển ngóng về phương xa mỗi mòn chờ đợi đã tạc vào trời xanh một dáng đứng - Núi Vọng Phu. Tổ quốc được tạo ra từ những giọt nước mắt: *“Nước mắt mẹ không còn vì khóc những đứa con, lần lượt ra đi, đi mãi mãi, thời gian trôi qua vết thương trên thịt da, đã lành theo năm tháng nhưng vết thương lòng mẹ vẫn còn nặng mang”* (Người mẹ của tôi) và được tạo ra từ sự hi sinh tuổi thanh xuân, hi sinh hạnh phúc lứa đôi của những người vợ trẻ. Nguyễn Việt Chiến đã tạo nên một hình ảnh ẩn dụ đầy ám ảnh. Hình ảnh “Vọng Phu” hay chính hình ảnh vọng trong tâm hồn người?

Trong bài thơ *“Tổ quốc bên bờ biển cả”*, Nguyễn Việt Chiến đã khắc họa hình tượng người lính hải quân ngày đêm bám biển. Đi tuần đêm trên đảo chỉ còn người chiến sỹ với những ngọn sóng xô bờ. Trong tiếng sóng vỗ, là lời thì thầm của biển, là nỗi nhớ về người yêu canh cánh trong lòng. Nguyễn Việt Chiến đã lấy hình ảnh *“thủy triều”* làm ẩn dụ về hình bóng người con gái ở phía quê nhà. Những con sóng hiện lên như những người bạn, trò chuyện với người lính, kiểm chứng tình yêu của người lính trong xa cách, đợi chờ:

*“Đêm tuần đảo, chỉ còn anh với sóng  
Sóng hỏi anh, người ấy ở phương nào  
Trăng sẽ mọc nối hai đầu xa cách  
Thủy triều em đang ngập bến trăng sao”*

(*Tổ quốc bên bờ biển cả* - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.22]

Vẫn là chủ đề Tổ quốc trong cái nhìn từ biển nhưng nếu như ở bài thơ *“Tổ quốc nhìn từ biển”* Nguyễn Việt Chiến đã vẽ nên hình ảnh núi Vọng Phu ám ảnh trong lòng người thì *“Tổ quốc bên bờ biển cả”* lại là nỗi lòng, là sự trăn trở nhớ mong người thương của những người lính đảo. Vậy thì Tổ quốc được sinh ra từ sự hi sinh về mặt tinh thần của người chiến sỹ bên cạnh sự hi sinh về thể

xác. Nếu thủy triều là hiện tượng nước biển, nước sông... lên xuống trong một chu kỳ thời gian phụ thuộc biến chuyển thiên văn thì ở đây “*thủy triều em*” chính là hình tượng người con gái quê nhà. Thủy triều lên xuống cũng như nỗi nhớ về em lúc dâng cao lúc ngủ chìm trong tâm thức người lính. Có những khi đi tuần tra, nỗi nhớ người yêu da diết, mãnh liệt. Người lính chỉ còn biết nói chuyện với sóng, với gió. Và dường như sóng, gió và bóng đêm trở thành người bạn quá tri kỉ của lính biển khiến anh kể, tâm sự cho chúng nghe về người yêu của mình nơi xa. Rồi cũng có khi vì công việc, vì nhiệm vụ, người lính tạm quên đi hình ảnh người yêu trong khoảnh khắc cũng giống như khi “*thủy triều*” rút.

So với Nguyễn Việt Chiến, Trần Đăng Khoa dường như nhẹ nhàng hơn với những vần thơ trong sáng bình dị. Thần đồng thơ đã vẽ ra một tương lai tươi sáng hơn cho Tổ quốc:

*“Biển vẫn biển. Trời vẫn trời năm trước  
Nhưng từ nay mây gió đã khác rồi  
Gió thổi về mát xóm làng thành phố  
Và mây trắng bình yên bay trên Tổ quốc tôi”*

(*Ở một hòn đảo nhỏ* - Trần Đăng Khoa) [28, tr.45]

Viễn cảnh về một đất nước tương sáng được vẽ ra một cách nhẹ nhàng “*mây gió đã khác rồi*”, đất nước không còn gian lao, đất nước không còn nhọc nhằn nữa. Biển thay áo mới, biển thổi làn gió mới, phả hơi thở cuộc sống mới cho con người, cho những xóm làng những thành phố. Một hòn đảo nhỏ nhưng cuộc sống vô cùng yên bình, đó chính là viễn cảnh huy hoàng mà Trần Đăng Khoa nhìn thấy trong tương lai không xa.

Ngoài những hình ảnh ẩn dụ, thì luôn lặp đi lặp lại trong thơ viết về biển đảo của Trần Đăng Khoa, Hữu Thịnh, Nguyễn Việt Chiến còn có hình ảnh nhân hóa. Với các thi sĩ, biển cũng giống như con người. Biển đảo cũng biết đau thương, cũng biết vui, buồn. Biển chính là một cá thể có linh hồn với nhiều nét tính cách: khi hiền hòa, khi giận dữ, khi nhẹ nhàng, âm áp, khi lạnh lùng. Một sinh thể đa sắc thái:

*“Anh ra khơi  
Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng  
Phút chia tay anh dạo trên bến cảng  
Biển một bên và em một bên  
.....  
Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên  
Bão táp chưa ngưng trong những vành khăn trắng  
Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng  
Biển một bên và em một bên”*

*(Thơ tình người lính biển - Trần Đăng Khoa) [28, tr.32]*

Trần Đăng Khoa đã thổi hồn vào những vần thơ đầy hình ảnh. Trong con mắt của những người lính biển đang yêu thì cảnh sắc thiên nhiên đẹp vô cùng. Biển rồi mây như con người, treo những cánh buồm lên nền trời cao xanh vời vợi. Một khung cảnh thoáng đãng và bình yên đến kì lạ. Người lính dạo trên biển vắng nhớ về người thương nơi xa. Trên vai anh là cả hai gánh nặng một bên là biển, một bên là em. Anh đã dùng tuổi trẻ, nhiệt huyết và tình yêu quê hương đất nước của mình để bên biển và bên em.

Trần Đăng Khoa cũng nhận ra sự gian lao nhọc nhằn của đất nước: *“Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên”*. Đất nước cũng như vòng đời của mỗi con người: Sinh ra, lớn lên, trưởng thành, già đi... Đất nước nhìn từ biển được sinh ra từ sự hi sinh của tất cả mọi người- những người chiến sĩ, những bà mẹ già, những cô gái trẻ... và đất nước dần lớn lên, gian lao nhọc nhằn. Nhà thơ đã hình tượng hóa hình ảnh của đất nước khiến nó sống động hơn trong lòng độc giả.

Việc các nhà thơ sử dụng hình ảnh nhân hóa đã làm cho câu thơ sống động, giàu màu sắc, đường nét hơn. Thơ Trần Đăng Khoa nhẹ nhàng mà tình cảm, nồng đượm mà không gò bó. Mỗi vần thơ của ông như cuốn người đọc vào một thế giới mới lạ - thế giới của cảm xúc, của tâm hồn:

*“Đảo tự giấu mình trong màu nước xanh lam  
Cái giọt máu thiêng dưới ngâu ngâu bọt sóng*

*Tổ quốc ơi!*

*Tiếng chúng tôi kêu lên mà mắt chúng tôi nhìn xuống*

*Bóng chúng tôi trùm khắp đảo thuyền chài”*

*(Đồng đội chúng tôi trên đảo thuyền chài) [28, tr.21]*

Đối tượng trong thơ ông có những hành động cử chỉ của con người: “*Đảo tự giấu mình*” nhờ đó hình tượng đảo đẹp hơn, căng đầy sức sống và gần gũi hơn.

Nguyễn Việt Chiến với bài phát biểu trước các chiến sĩ trên đảo đã xây dựng nên một hình tượng “biển” và “sóng” để lại nhiều dư âm, ám ảnh trong lòng người. Ông đã đưa thơ đến gần hơn với người đọc, nhất là những người lính đang ngày đêm bảo vệ biên đảo của Tổ quốc. Với họ cuộc sống luôn giản dị, không cần trang sức.:

*“Anh ra biển mang tình em lên đảo*

*Ngày chia tay chỉ có sóng theo cùng*

*Sóng thương nhớ quặn lòng trong giông bão*

*Em trở về với đất mẹ thủy chung*

*Đất quặn đở ngàn năm trận mạc*

*Bao lớp người như sóng trùm lên*

*Trên dải đất ba ngàn cây số biển*

*Mong tháng ngày đất nước bình yên”*

*(Tổ quốc bên bờ biển cả - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.22]*

Tổ quốc lên tiếng gọi, người lính lắng nghe tiếng trái tim và lên đường ra đảo. Họ ra đi mang theo bóng hình của người em gái nhỏ, mang theo một mối tình đẹp vừa chớm nở. Ngày chia tay chỉ có sóng làm bạn với anh, sóng như con người, biết yêu thương, biết san sẻ..., sóng trong “*Tổ quốc bên bờ biển cả*” là thế! Còn con sóng trong “*muối*” lại “*phiền muộn*”. Hình ảnh sóng muôn hình muôn vẻ:

*“Trên bờ thương tích của anh*

*Bao lớp sóng phiền muộn*

*Của thời gian*

*Tràn qua*

*Nổi đau đọng thành muối  
Những hạt muối  
Xót xa cuồng nộ  
Sẽ một ngày  
Làm tắc huyết quản anh”*

(*Muối* - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.144]

Với các thi sĩ, lao động nghệ thuật là một quá trình lao động miệt mài trên những con chữ, quá trình ấy đòi hỏi người nghệ sĩ phải có một khả năng sáng tạo, trí tưởng tượng phong phú để tạo nên những tác phẩm có giá trị. Nguyễn Việt Chiến đã tưởng tượng vô cùng phong phú. Với ông, những hạt muối tinh khiết của biển là sự kết tinh của những con sóng “*phiên muộn*”. Trải qua thời gian, sóng tràn vào bãi bờ, “*nổi đau*” của sóng sẽ đọng thành muối. Những hạt muối thấm sâu, nuôi dưỡng ý thức và tình yêu quê hương đất nước trong lòng mỗi con người.

Viết về biển đảo quê hương, Hữu Thịnh cất lên tiếng thơ nhẹ nhàng, đầm thắm. Thơ ông giản dị, mộc mạc chân thành. Trong thơ ông không có những hình ảnh làm nhức nhối lòng người như thơ Nguyễn Việt Chiến. Thơ ông đưa con người vào một thế giới yên bình với ngôn từ mộc mạc:

*“Ai mang quê ra đảo  
Ló một tiếng gà trưa  
Bao nhiêu là súng pháo  
Ngây thơ như cày bừa  
Nước dòn trong bi đông  
Nằm mơ về mạch đá  
Cát sang màu rom rạ  
Đảo lui về thiếu niên”*

(*Tiếng gà trên đảo* - Hữu Thịnh) [70, tr.49]

Tiếng gà gáy đã mang hơi ấm của cuộc sống sưởi ấm cho cuộc sống hoang vu buồn tẻ trên đảo xa xôi: “*Ai mang quê ra đảo*”. Trên một hòn đảo nhỏ, cách



xa đất liền hàng nghìn kilomet, nơi cuộc sống nhọc nhằn, khắc nghiệt vô cùng, con người như lạc vào buổi hồng hoang mở nước vậy mà giờ đây trên đảo đã tràn trề sức sống. Có hơi thở ấm áp của con người, có không khí trong lành của một cuộc sống yên bình. Có tiếng gà gáy xé tan màn không khí yên tĩnh. Tất cả tạo nên một vùng “*quê*” đậm chất Việt Nam. Và rồi trong cái cuộc sống yên ả đó người ta đã hình tượng hóa tiếng súng, tiếng pháo. Coi nó nhẹ nhàng, nghĩ rằng nó “*ngây thơ*” như “*cày bừa*”. Cái nhìn hiện thực khắc nghiệt qua màu sắc lạc quan của con người làm cho bức tranh về biển thêm thi vị hơn: “*Cát sang màu rom rạ - Đảo lui về thiếu niên*”, cát vàng lại thêm đảo trẻ ra, đảo giàu sức sống hơn, mạnh mẽ hơn để cùng con người vượt qua khó khăn và thách thức. Mạch cảm xúc nhẹ nhàng lắng đọng đó xuyên suốt tập thơ “Thương lượng với thời gian” của ông. Chia tay tiếng gà trên đảo chúng ta lại thấy một Nha Trang đẹp, một Nha Trang có em:

*“ Nha Trang ngày em đến  
Mùa xuân cũng trở về  
Có gì không rõ rệt  
Như mưa phùn qua đi  
Bãi biển bước sang chiều  
Nắng về thưa trên lá  
Bờ mặc sóng dào lên  
Không nói gì thêm cả”*

(*Nha Trang ngày em đến* - Hữu Thịnh) [70, tr.91]

Biển Nha Trang đẹp, nước trong xanh, trời cao rộng, không khí thoáng đãng trong lành. Khung cảnh rất gợi tình. Và với Hữu Thịnh, Nha Trang còn thơ mộng và lãng mạn hơn khi ở đó có em, em đến... biển Nha Trang trong một buổi chiều. Biển như con người: “*bước sang chiều*” - sự trôi chảy của thời gian... Chiều về trên biển thật đẹp! Có ánh nắng của chiều muộn len qua từng kẽ lá, sóng xô vào bờ rồi lại đùa giỡn với nhau chạy ra xa xa, rồi lại xô vào bờ. Khung cảnh đó gợi cho con người một tình cảm, một tâm trạng thư thái. Và

quan trọng hơn nữa, hình ảnh em có mặt trên vùng đất Nha Trang này mới thật sự có ý nghĩa. Em mang tình yêu, nguồn sống, mang theo cả âm áp về nơi đây.

Như vậy, nhìn chung, trong cảm hứng thơ viết về biển đảo, ta thấy cả ba nhà thơ: Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, Nguyễn Việt Chiến đều sử dụng linh hoạt các hình ảnh thơ. Họ đều dùng các biện pháp nghệ thuật quen thuộc chỉ huy đội quân ngôn ngữ, sắp xếp, lựa chọn chúng để tạo nên những hình ảnh mang lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người.

Xét về một phương diện khác khi tìm hiểu về hình ảnh thơ, ta nhận thấy những hình ảnh lặp đi lặp lại khi viết về biển đảo của cả ba thi sĩ. Trong tập thơ *“Tổ quốc nhìn từ biển”* của Nguyễn Việt Chiến, *“Thương lượng với thời gian”* *“Thư mùa đông”*, *“Trường ca biển”* của Hữu Thỉnh, *“Trường Sa”* của Trần Đăng Khoa, hình ảnh xuyên suốt, bao trùm đó là hình ảnh “biển”, “những con sóng”, “những bờ cát trắng”, “những rặng dừa”, “những đám mây”,... Đây là những hình ảnh quen thuộc, nằm trong trường từ vựng nói về biển. Tuy nhiên điều đáng nói là trong mỗi bài thơ thì những hình ảnh này mang sắc thái, tình cảm khác nhau:

*“Nếu Tổ quốc hôm nay nhìn từ biển  
Mẹ Âu Cơ hẳn không thể yên lòng  
Sóng lớp lớp ðề lên thêm lục địa  
Trong hồn người có ngọn sóng nào không”*

*(Tổ quốc nhìn từ biển - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.6]*

Với Nguyễn Việt Chiến, hình ảnh những con sóng là hình ảnh của khó khăn, thách thức. Sóng dội vào bờ từng lớp, từng lớp cũng giống như đất nước ta đang phải hứng chịu những áp lực từ bên ngoài dội vào. Hiểu được điều đó, Nguyễn Việt Chiến đã dấy lên trong lòng người một câu hỏi: *“Trong hồn người có ngọn sóng nào không?”*, ông kêu gọi hành động, kêu gọi sự đoàn kết trong mỗi cá nhân con người để đứng lên giữ vững độc lập chủ quyền biển đảo. Sóng không chỉ biểu tượng cho khó khăn, gian lao, vất vả mà sóng còn chính là hiện thân của Tổ quốc: *“Tổ quốc là sóng mặn- Trên cồn cào biển Đông - Cát Hoàng*

sa ghi hận - Đá Hoàng sa tạc lòng” (*Tổ quốc là tiếng mẹ*) [12, tr.9]. Sóng như một mạch cảm xúc xuyên suốt thơ ông, sóng đa sắc thái, đa cung bậc nhưng sóng đều ám ảnh trong lòng ta: “*Anh đã hóa cánh chim muôn dặm sóng - Hướng về nơi đất mẹ đã mong chờ*”, “*Biển mùa này sóng dữ phía Hoàng Sa*”, “*máu ngư dân trên sóng lại chan hòa*”, “*tiếng trẻ thơ đến trường nơi sóng bão*” (*Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra*) [12, tr.12]... Chỉ thống kê ba bài thơ tiêu biểu nhất của Nguyễn Việt Chiến là “*Tổ quốc nhìn từ biển*”, “*Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra*” và “*Tổ quốc là tiếng mẹ*” chúng ta thấy hình ảnh sóng xuất hiện 14 lần. Nhưng tất cả đều là “*sóng mặn*”, “*sóng dữ*”, “*sóng bão*”. Sóng trong thơ ông mạnh mẽ, sóng thể hiện nhiều chiều khó khăn, gian khổ, sóng làm dữ dội lòng người.

Thơ Trần Đăng Khoa nhẹ nhàng hơn nên hình ảnh “sóng” cũng không mang dự cảm về tương lai đất nước nhiều. Sóng trong thơ Trần Đăng Khoa đơn giản chỉ là những con sóng vỗ quanh bờ cát trắng: “*Đảo Sơn Ca không có sơn ca - Ngày và đêm rùng rùng tiếng sóng*” (*Chim sơn ca trên đảo Sơn Ca*) [28, tr.18]”, “*Sóng trong sóng tôi thấy mình là sóng - Sóng chính là đồng đội của tôi*” (*Ở một hòn đảo nhỏ*) [28, tr.45]... Sóng trong thơ Trần Đăng Khoa là sóng, là lớp lớp những luồng nước lúc mạnh mẽ xô bờ, lúc nhẹ nhàng đuổi nhau tận trời xa.

Sóng trong “*Trường ca biển*” của Hữu Thịnh lại là đứa con của bão tố - khó khăn của người lính thời bình. Sóng gào thét ngày đêm, sóng dữ dội, sóng mạnh mẽ vô cùng:

“*Chúng tôi đặt anh cạnh mốc chủ quyền*  
*Cát và cát*  
*Ầm ào sóng biển*  
*Gió và gió*  
*Ngày ngày lại đến*  
*Xóa đi phần mộ của anh nằm*” [68]

Sóng với Hữu Thịnh là thử thách của người lính. Nhưng nếu đem so sánh với hình ảnh “sóng” trong thơ của Nguyễn Việt Chiến thì con sóng vẫn mạnh mẽ nhưng không mang dự cảm tương lai.

Bên cạnh hình ảnh con sóng thì “mây”, “cát”, “trời”, “chim”... cũng là những hình ảnh xuất hiện khá nhiều trong chùm thơ về biển đảo của cả ba tác giả. Mây, cát, trời... như những mảng màu phụ, như những nét chấm phá đề hoàn thiện và làm nổi bật bức tranh về biển. “*Tổ quốc là mây trắng - Trên ngút ngàn Trường Sơn*” (*Tổ quốc là tiếng mẹ*- Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.9], “*Người mở đất đã đi về phía biển - Nắng Trường sa còn đau đầu cát vàng*” (*Tổ quốc bên bờ biển cả*- Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.22], “*Những đám mây trắng ngời từ hải đảo - Bay nô náo về phía đất liền*” (*Những đám mây trắng ngời từ hải đảo* -Trần Đăng Khoa) [28, tr.20], “*Không phải lúc nào cũng bão - Bão tan. Trời lại biếc xanh*” (*Cây bão tấp đảo Nam Yết* - Trần Đăng Khoa) [28, tr.23] hay: “*Đảo nhỏ quá nói một câu là hết - Có gì đâu chỉ cát với chim thôi*” (*Trường ca biển* - Hữu Thịnh) [68]. “*Cát ở đây là lối đi - cát là chỗ ăn cơm, chiêu ngum nước - Cát là giường nằm gối đầu lên cát- cát theo lá thư đồng đội gửi về*” (*Trường ca biển* - Hữu Thịnh) [68]... Còn rất nhiều, rất nhiều câu thơ xuất hiện hình ảnh cát, chim, trời, mây... những hình ảnh này đều quen thuộc với mọi người và nằm trong một khối thống nhất với hình ảnh biển.

Tóm lại, hình ảnh thơ trong thi phẩm của ba cây bút sắc sảo Nguyễn Việt Chiến, Hữu thịnh, Trần Đăng Khoa là những hình ảnh quen thuộc, giàu màu sắc, được gọi nên từ các biện pháp nghệ thuật ẩn dụ, nhân hóa, so sánh. Các tác giả dùng những hình ảnh nằm trong cùng một trường từ vựng nhằm thể hiện nội dung logic, chặt chẽ. Ba cây bút với ba phong cách riêng, ba màu sắc riêng không nhầm lẫn nhưng đều mang chung trong mình một tình yêu quê hương đất nước, một nỗi trăn trở, suy tư về vấn đề chủ quyền biển đảo. Họ đã truyền tình yêu, truyền nỗi nhớ, truyền lửa và giữ lửa cho dân tộc Việt Nam bằng những vần thơ đầy ám ảnh, đầy suy ngẫm. Đọc thơ của cả ba tác giả, khi gấp cuốn thơ lại rồi mà những hình ảnh về Tổ quốc, về biển, về sóng... vẫn hiện ra trước mắt ta. Ta nghe thấy tiếng sóng khi thì vỗ rì rào, lúc thì gào thét vang dội bên tai làm cho ta phải suy ngẫm về trách nhiệm của mình với xóm làng, với quê hương, Tổ quốc.

### 3.2. Thể thơ

Thể thơ có vai trò vô cùng to lớn trong việc biểu đạt nội dung và giải bày tâm trạng. Các nhà thơ đã sử dụng nhuần nhuyễn các thể thơ hiện đại. Nguyễn Việt Chiến đã thể hiện tài năng của mình bằng rất nhiều thể thơ. Tuy nhiên, ông khá trung thành với thể thơ tám chữ. Trần Đăng Khoa lại ưa thích thể tự do và ông viết về biển đảo với cảm hứng tự do phóng khoáng như chính thể thơ vậy. Hữu Thịnh với những vần thơ năm chữ và thơ tự do cũng đã tự khẳng định mình trước công chúng yêu thơ.

Cả ba tác giả khi viết về cảm hứng biển đảo đã sử dụng rất thành công các thể thơ. Nguyễn Việt Chiến đã làm nao lòng người lính biển với âm điệu hào sảng, thôi thúc lòng người:

*“Nếu Tổ quốc đang bão giông từ biển  
Có một phần máu thịt ở Hoàng sa  
Ngàn năm trước con theo cha xuống biển  
Mẹ lên rừng thương nhớ mãi Trường Sa*

*Đất Tổ quốc khi chập chờn bóng giặc  
Các con nằm thao thức phía Trường Sơn  
Biển Tổ quốc chưa một ngày yên ả  
Biển cần lao như áo mẹ bạc sờn”*

*(Tổ quốc nhìn từ biển - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.5]*

Cách ngắt nhịp 3/5 của thể thơ tám chữ làm cho câu thơ mạnh mẽ hơn, lắng đọng hơn: *“Nếu Tổ quốc/ đang bão giông từ biển - Có một phần/ máu thịt ở Hoàng Sa”*. Thể thơ tám chữ không có quy luật nhất định, có nghĩa là vần điệu tự do hơn thể bảy, năm và bốn chữ. Thường thì trong câu ở cuối có tiếng trắc thì tiếng 3 trắc, tiếng 5 và 6 bằng; ở cuối có tiếng bằng thì tiếng 3 bằng, tiếng 5 và 6 trắc. Nhưng nhiều lúc cũng không như thế. Thơ tám chữ có khả năng diễn đạt tốt tính chất liên tục của mạch cảm xúc, của dòng suy nghĩ. Chính vì những tác dụng to lớn của thể tám chữ nên Nguyễn Việt Chiến đã làm

nên một bản hùng ca về biển khiến con dân nước Việt đau đáu nỗi niềm. Toàn bộ bài thơ là sự khẳng định chủ quyền của đất nước, nhà thơ gọi nhắc về truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ chia con lên rừng, xuống biển mà làm nên hình hài đất nước. Theo tác giả: *“Chúng ta là con dân của đất Việt, ông cha ta từ ngàn năm trước đã lên rừng, đã xuống biển để khai phá, dựng xây non nước này. Và, biển - đảo ấy là một phần gia tài nghèo khó mà ông cha ta tự ngàn xưa đã không tiếc máu xương, công sức để giữ gìn, để truyền đời lại cho cháu con hôm nay.”* Việc gọi lại truyền thuyết là sự gọi nhắc về cội nguồn dân tộc; nhắc nhở về sự toàn vẹn và chủ quyền thiêng liêng của đất nước, hơn nữa nhằm khơi dậy trong mỗi chúng ta niềm tự hào dân tộc ý thức đấu tranh... Thơ tám chữ thực chất là một thể thơ tự do, phá cách bắt nguồn từ phong trào thơ Mới. Với tám chữ trong một dòng, nhà thơ dễ dàng diễn tả cảm xúc, trình bày quan điểm, suy nghĩ của chính mình. Bài thơ tám chữ sẽ dàn trải cảm xúc, sẽ dứt khoát, mạnh mẽ. Chẳng hạn như *“Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra”* là một bài thơ không cầu kỳ trong cấu tứ và ngôn ngữ nhưng hàm xúc, tự nhiên như một chân lý, bài thơ cũng được viết theo thể tám chữ:

*“Các anh đứng như tượng đài quyết tử  
Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra  
Dòng máu Việt chảy trong hồn người Việt  
Đang bôn chôn thảo thức với Trường Sa.  
Khi hy sinh ở đảo đá Gạc Ma  
Anh đã lấy ngực mình làm lá chắn  
Để một lần Tổ quốc được sinh ra  
Máu các anh thấm vào lòng biển thẳm”*

*(Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.12]*

Bài thơ là một bản anh hùng ca, ca ngợi những cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đang ngày đêm canh giữ biển trời của Tổ quốc. Hình ảnh họ hiện lên như một tượng đài bất tử của tinh thần yêu nước của dân tộc. Chất anh hùng ca, tự sự hòa quyện nhuần nhuyễn với chất trữ tình tạo nên một sáng tạo nghệ thuật

độc đáo, để lại trong lòng người đọc bao suy nghĩ, day dứt, trăn trở về lương tâm và trách nhiệm. “*Tổ quốc ở Trường Sa*” đó, những ai không thờ ơ trước vận mệnh của dân tộc sẽ tìm thấy chỗ đứng của mình trong lòng Tổ quốc! Nguyễn Việt Chiến đã sử dụng thành công thể thơ trong việc diễn đạt nội dung.

Tương tự thể thơ tám chữ, thể bảy chữ hiện đại cũng được sử dụng:

*“Tháp thoáng làng xa, chiều xuống nhạt  
Trông ra bốn ngả, núi dăng đầy  
Phía sau nghe vọng câu chào thoảng  
Quay lại, em vừa lẩn giữa cây*

*Rừng thu tím biếc làn sương núi  
Bời bời lối cỏ, bóng em đâu?  
Tìm em lại gặp con chó đá  
Ngoác miệng làm duyên giữa bụi lau*

*Em biển đâu rồi, cô gái đảo  
Để tôi như nhện vương tơ chiều  
Làn tơ trong suốt như không ấy  
Mà dính lòng tôi hơn nhựa keo  
Tôi dạo tìm em thì gặp biển  
Đón tôi, sóng vỗ trắng chân rừng  
Ra nương lại lạc vào trong phố  
Tưởng dáng người xa... Hóa bóng thông!*

*Thiên nhiên ngàn tuổi thành con trẻ  
Cứ gheo trên người, cứ ú tim  
Nhu tình yêu ấy, luôn đùa ẩn  
Để suốt đời tôi lặn lội tìm...”*

(*Chiều Cát Bà*- Trần Đăng Khoa) [28, tr.30]

Thơ bảy chữ hiện đại là một phương tiện hữu hiệu thể hiện cảm xúc và tâm trạng. Bài thơ là nỗi niềm, tình cảm của nhân vật trữ tình đối với cô gái đảo. Nhân vật trữ tình yêu cô gái đảo và đi tìm cô trong nỗi khắc khoải, chờ mong, ngóng trông. Cách ngắt nhịp 4/3 làm cho câu thơ thêm mang nhiều tâm sự. Nhịp thơ chậm rãi như xoáy sâu vào nỗi nhớ của người con trai. Biền được nhắc đến và nó có vai trò như một nhân chứng cho tình yêu đó. Thơ bảy chữ không gò bó về niêm luật khiến cho tác giả tự do, thoải mái trong việc thể hiện nội dung, bày tỏ tâm trạng và thổi hồn vào thơ.

Đã từng có một học giả nổi tiếng nói rằng: *“Thơ là những gì làm bạn khóc, cười, đau khổ, cảm lạnh, làm cho các móng chân của bạn lấp lánh, làm bạn muốn làm mọi điều hoặc chỉ ngồi yên một chỗ, khiến bạn thấy rằng mình cô độc trong thế giới, rằng hạnh phúc, khổ đau của riêng mình đã được mãi mãi sẻ chia”*. Và để có được niềm vui, nỗi buồn, những giọt nước mắt Nguyễn Việt Chiến đã sử dụng thể thơ năm chữ với nhịp điệu nhanh ngắn:

*“Tổ quốc là sóng mặn  
Trên cồn cào biển Đông  
Cát Hoàng Sa ghi hận  
Đá Trường Sa tạc lòng  
Tổ quốc là tiếng trẻ  
Đánh vắn trên non cao  
Qua mưa ngàn, lũ quét  
Mắt đỏ hoe đồng dao”*

*(Tổ quốc là tiếng mẹ- Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.9]*

Nguyễn Việt Chiến đã mở ra một định nghĩa mới về Tổ quốc. Thông thường chúng ta vẫn hiểu Tổ quốc là đất nước, được bao đời trước xây dựng và để lại, trong quan hệ với những người dân có tình cảm gắn bó với nó. Nguyễn Việt Chiến trong cái nhìn từ chiều sâu của biển đã định nghĩa Tổ quốc chính là tiếng mẹ. Với thể thơ ngắn năm chữ, nhịp điệu nhanh, thì Tổ quốc là một thứ gì đó thiêng liêng trong lòng mỗi con người. Tổ quốc không ở đâu xa mà nó bắt



nguồn từ những gì nhỏ nhất bình dị nhất. Đó có thể là : “*tiếng mẹ, là mây trắng, là cây lúa, ngọn gió, sóng mặn, tiếng trẻ, câu hát..*”. Cách ngắt nhịp 2/3 của thể thơ năm chữ đã khắc sâu hơn định nghĩa về Tổ quốc trong lòng mỗi chúng ta.

Hữu Thỉnh cũng sử dụng thể thơ năm chữ để “*mang quê ra đảo*”:

*“Ai mang quê ra đảo  
Ló một tiếng gà trưa  
Bao nhiêu là súng pháo  
Ngây thơ như cày bừa*

*Nước dôn trong bi-đông  
Năm mơ về mạch đá  
Cát sang màu rom rạ  
Đảo lui về thiếu niên*

*Biển luôn ở cạnh mình  
Bao điều còn cửa khép  
Gió từ nơi xa khuất  
Lại rung nhành sim tươi*

*Bàng thiếu trẻ con chơi  
Cuối năm không nở rụng  
Biển thu bớt sóng về  
Để mênh mông hơn biển”*

(*Tiếng gà trên đảo* - Hữu Thỉnh) [70, tr.49]

Lời thơ nhẹ nhàng, đậm thắm cùng với nhịp thơ 3/2 của thể năm chữ Hữu Thỉnh đã vẽ nên một bức tranh đảo không còn hoang vu, không còn hoang vắng mà ấm áp tình người, ấm hơi thở cuộc sống. Đảo giờ đã có sự sống, đã trở thành quê hương bình dị của con người.

Điểm hội tụ của cả ba cây bút kì cựu trong mảng thơ viết về biển chính là việc sử dụng thể thơ tự do. Cả ba nhà thơ đều phóng khoáng thể hiện cảm xúc tình cảm và họ chọn riêng cho mình một thể loại rất phổ biến của thời hiện đại: đó chính là thể thơ tự do. Hình thức thơ tự do với sự phóng túng, linh hoạt đã giúp nhà thơ chuyển tải được nhiều sắc thái, cung bậc cảm xúc khi nghĩ về biển.

Trong cảm hứng biển đảo thì hầu hết các nhà thơ bên cạnh trình bày hiện thực biển đảo đất nước trong thời đại mới với những nguy cơ, khó khăn, thách thức phải đối mặt thì còn bộc lộ thái độ tình cảm của chính mình. Và để có thể truyền tải được điều đó họ đã sử dụng thể tự do:

*“Mưa gió quay cuồng  
suốt đêm trên biển  
Tổ quốc như con tàu  
vượt bão giữa trùng khơi  
Ai có thể ngủ yên ngày tháng ấy  
Trên con tàu  
quê hương tôi  
Người đội mưa trên đồng ngập nước  
Người trắng đêm cứu lúa, dựng nhà  
Người vượt lũ dầm mình trên sóng  
Người đội trời neo giữ đảo xa  
Thương Tổ quốc bên bờ biển cả  
Ngọt bão giông lại lũ xoáy mịt mờ  
Trẻ đến trường phải lội mưa, đội sách  
Hạt thóc lấm bùn thấm ướt những trang thơ  
Thương Tổ quốc bên bờ biển cả  
Mây Trường Sơn bay đến tận Trường Sa  
Mây vẫn ám trên mái nhà đất nước  
Dấu bão giông thấm giọt phía Hoàng Sa”*

(*Tổ quốc bên bờ biển cả* - Nguyễn Việt Chiên) [12, tr.22]

“*Tổ quốc bên bờ biển cả*” là tiếng lòng của một con người luôn thao thức, luôn trăn trở vì đất nước. Trong sự biến động của vấn đề Biển Đông thì bài thơ ra đời đã khiến trái tim của hàng triệu người con đất Việt phải nức nở. Tổ quốc chưa một ngày bình yên và khi Tổ quốc được đặt bên bờ biển cả thì lại càng đứng trước những khó khăn lớn: “*Người đội mưa trên đồng ngập nước. Người trắng đêm cứu lúa, dựng nhà. Người vượt lũ dầm mình trên sóng. Người đội trời neo giữ đảo xa*” [12, tr.22]. Đất nước chưa vững mạnh, con người còn lam lũ, nhọc nhằn. Từ trẻ nhỏ đến người già, ai cũng vất vả, ai cũng cơ cực. Tất cả đã được Nguyễn Việt Chiến gói gọn trong những dòng thơ tự do đầy phá cách. Như đã nói ở trên, thơ tự do phóng khoáng, không chịu sự gò bó và rất linh hoạt nên nó dễ dàng diễn tả nhiều cung bậc cảm xúc, nhiều sắc thái tình cảm. Nguyễn Việt Chiến đau cùng nỗi đau của dân tộc, lo cùng nỗi lo của đất nước. Mỗi vần thơ của ông như những mũi dao cứa vào tim con người, khiến họ mãi mang trong lòng ý thức về bổn phận và trách nhiệm với cuộc đời.

Trần Đăng Khoa viết “*Thơ tình của người lính biển*” hoàn toàn bằng cảm xúc của tâm hồn:

*“Anh ra khơi  
Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng  
Phút chia tay, anh dạo trên bến cảng  
Biển một bên và em một bên.*

*Biển ồn ào, em lại dịu êm  
Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ  
Anh như con tàu, lẳng sóng từ hai phía  
Biển một bên và em một bên.*

*Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn  
Tàu anh buông neo dưới chòm sao xa lắc  
Thăm thẳm nước trôi nhưng anh không cô độc  
Biển một bên và em một bên.*

*Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên.  
Bão thổi chưa ngừng trong những vành tang trắng  
Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng  
Biển một bên và em một bên.*

*Vòm trời kia có thể sẽ không em  
Không biển nữa. Chỉ còn anh với cỏ.  
Cho dù thế thì anh vẫn nhớ  
Biển một bên và em một bên.”*

(*Thơ tình người lính biển* - Trần Đăng Khoa) [28, tr.32]

Bài thơ được sáng tác năm 1981 khi Trần Đăng Khoa đang mặc áo lính trên quần đảo Trường Sa, đây là một trong những bài thơ hay viết về biển gắn với hình ảnh người chiến sĩ. Bài thơ đã được nhạc sĩ Hoàng Hiệp, phổ nhạc; và ngay khi được phát qua làn sóng điện Đài tiếng nói Việt Nam, bài thơ cất cánh trở thành một trong những bài hát được yêu thích nhất về đề tài biển đảo.

Với thể thơ tự to, với cái nhịp khoan thai, dịu dặt, bài thơ ngân lên như những con sóng lắc lư mạn thuyền đã giữ lại phút tĩnh tâm cân bằng trong tâm thế của người lính trước phút chia tay “*Anh dạo trên bến cảng*”. Nhịp ấy là “*Biển một bên và em một bên*”... Sự đối trọng này đã tạo ra độ ngân vang khi “*Anh như con tàu lẳng sóng từ hai phía*” với những dư chấn tâm trạng vừa thảng thốt vừa mộng mơ trước một không gian trữ tình “*Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng*”. Chỉ có những tâm hồn đa cảm mới tinh tế nhận ra sắc màu trong trẻo và tinh khiết ấy. Không gian được trải dài vô tận với chòm sao xa lắc và thăm thẳm nước trời, những định lượng được cảm nhận trực giác: Sự đơn độc là có thật nhưng anh không cô độc khi “*Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng*”. Câu thơ ngắt nhịp như sự dồn nén. Trong khung cảnh của buổi đêm, người lính đảo đứng gác với nỗi nhớ da diết về người thương. Dường như hình bóng người thương nơi quê nhà chính là động lực thôi thúc trách nhiệm, ý thức canh giữ, bảo vệ Tổ quốc yên bình của người lính. Người lính hóa thân

thành cột mốc kiên định cắm chắc vào lòng đất bởi: *Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên*. Ta chú ý đến “*Những cánh buồm trắng khi chia tay với người yêu trên bến cảng*” đến với một nhận thức khác trong sâu thẳm “*Gió chưa thổi ngưng trong những vành tang trắng*”. Có lẽ ám ảnh bắt đầu từ cát trắng trên đảo, những - ngọn - gió - cát bay lên trời và thổi vào tâm tưởng. Chính cái màu trắng này cũng bắt đầu cuộn lên từ những con sóng trắng. Nhà thơ nhiều lần nhắc đến vòm trời bởi chính đó là vòm nhà của mình và đồng đội. Ngược lên nhìn trời chính là thư thái tìm đến hi vọng. Trong bài thơ có nhiều giả định. Chính câu hỏi giả định này tạo ra từ những ngọn sóng vỗ bờ thao thiết, day dứt không yên. Giả định để khẳng định khi “*Không biển nữa. Chỉ mình anh với cỏ - Cho dù thế thì anh vẫn nhớ*”. Hi vọng là trữ lượng sức mạnh lớn của tinh thần. “*Thơ tình người lính biển*” là một tứ thơ hay viết về gặp gỡ và chia ly, chiến tranh và hòa bình, ngày và đêm, đất liền và biển. Tất cả đều được hòa điệu trong cái âm hưởng Biển một bên và em một bên... để nâng lên thành tình yêu và Tổ quốc. Mỗi khi cất lên lời ca được nhạc sĩ chấp cánh “*Thơ tình người lính biển*” đã thành một điệp khúc như những đợt sóng da diết mà hào hùng và kiêu hãnh của tuổi trẻ. Đó là ngọn sóng của thi ca bất diệt sống mãi với thời gian... Do đâu mà tác giả lại có được một tác phẩm đi cùng năm tháng như vậy? Chính là do sự thành thật trong tâm trạng. Thi sĩ viết thơ khi họ đã quên mình là một nhà thơ, họ sống thật với cảm xúc và cái cảm xúc đó bộc ra tự nhiên thoải mái như chính thể thơ tự do vậy.

Thơ viết theo thể tự do sẽ phóng khoáng còn trường ca thì sao? Trường ca thì lại càng có tác dụng quan trọng trong việc diễn tả cảm xúc, tâm trạng. Trường ca chính là một thể thơ dài, sự phát triển của thơ dài thể hiện xu hướng chung của thơ ca trong cố gắng vươn lên nhận thức tầm lớn lao của thực tế cách mạng. Thơ không thể chỉ tự bằng lòng đóng khung trong những bức tranh gọn hẹp, những cảm xúc ngắn gọn mà còn có khát vọng vươn dài nói rộng để khám phá và biểu hiện tâm sử thi của cuộc sống. Chính là trên những đề tài lớn, trên những vấn đề có ý nghĩa khái quát sâu rộng, thơ dài tỏ ra có nhiều hiệu quả

trong việc thể hiện cuộc sống cách mạng trong bước đi kỳ vĩ của nó, trong việc mở rộng tầm suy nghĩ, tầm nhận thức của thơ. Trường ca có khả năng phản ánh rộng lớn, nó là nơi gặp gỡ, dung hợp của các phương thức tự sự và trữ tình. Có thể tìm thấy ở trường ca các yếu tố của truyện, ký, thơ, kịch... và tuy thơ không làm nhiệm vụ của tiểu thuyết hay ký sự, nhưng nó vẫn không ngừng tăng cường bề rộng phản ánh. Thực tế đời sống phong phú và đa dạng cần được phản ánh một cách quy mô không chỉ bằng kịch hay tiểu thuyết mà còn bằng các tập trường ca. Hướng vào những sự kiện và vấn đề lớn của cuộc sống cách mạng, trường ca trường thiên về khai thác và biểu hiện mặt đẹp đẽ, cao cả, anh hùng. “*Trường ca biển*” của Hữu Thịnh đã trình bày những người lính như là những hiện thân sức sống mãnh liệt của con người Việt Nam trong nhận thức và xử lý vấn đề ranh giới. Người lính ở đây còn hiện lên như những sứ giả văn hoá trong những thử nghiệm tinh thần có tầm nhân loại, một kiểu nhà du hành vũ trụ dẫn thân vào tam giác quỷ giữa biển - đảo - con người để thám hiểm những chân lý của thời đại và thử nghiệm những rùng rợn khi cuộc đời mất đi mọi ranh giới, không còn ý nghĩa, không còn lẽ sống.

Trong “*Trường ca Biển*” người lính không chỉ hiện lên như những ngọn đuốc của cộng đồng cháy trên các lằn ranh khốc liệt và biến ảo, mà hiện lên như những chứng nhân và những thông điệp về số phận cá nhân trong bao cảnh ngộ. Mỗi Lời sóng là một khoảnh khắc mặc niệm và suy tưởng về thân phận cá nhân con người trong sự khủng hoảng ranh giới cuối thế kỷ. Những người vợ bơ vơ đau khổ trong cái ranh giới mỏng manh giữa chiến tranh và hoà bình, những người mẹ hoang mang trên ranh giới của cái chết và sự sống, cái còn và cái mất, những người di tản bỏ xác trên ranh giới của hai lá cờ, người lính trải nghiệm cô đơn và chiêm nghiệm những mất còn trong ranh giới của sống và chết, thực và mơ, quá khứ và tương lai. Những day dứt về số phận con người thật âm ỉ và sâu lắng, khác với cái suy tư trùng điệp và mạnh mẽ về sứ mệnh công dân trong các chương về chiến đấu của người lính trên đảo, nhưng vẫn liền mạch trong một dòng trải nghiệm. Nếu như người lính trên đảo phải chống

chọi lại khoảng trống, thì người vợ ở quê hương cũng bị khoảng trống xâm lấn bằng những bước chân nhẹ nhàng của gió, mây:

*“Ngày anh trống chỗ trong hàng  
Mây đem một mảnh ngõ ngang về quê  
Có chiều cỏ đặng trên đê  
Vào ra có chị đi về lẻ loi”* [68]

Toàn bộ trường ca là cuộc đối thoại giữ những người lính biển với sóng với cát với bão giông. Người lính trong trường ca nhọc nhằn, chịu đựng mọi gian khổ, vất vả, hi sinh:

*“Biển đã hút của anh bao mồ hôi  
Với thói quen của chiếc giấy thấm khổng lồ  
Và anh cũng hút biển  
Với lời khuyên của những chiếc rễ cây...”* [68]

Đọc “*Trường ca biển*” của Hữu Thịnh, ta thấy chứa chất những ngẫm nghĩ đáng giá, đáng quý về vùng biển thân yêu của tổ quốc, chứa chất những biến ảo về thi pháp mà tác giả muốn gửi vào đáy bằng toàn bộ dụng công khi vắt kiệt cảm xúc của mình. Với thể thơ dài, phóng túng, linh hoạt, Hữu Thịnh đã reo vào lòng người những suy ngẫm, những trăn trở về ý thức trách nhiệm, thấm thía hết những gì phải ứng xử khi hội nhập toàn cầu trong một thế giới mới đầy biến động, đầy bất an.

Như vậy, thể thơ có vai trò vô cùng quan trọng trong việc diễn đạt nội dung. Nếu coi một tác phẩm văn học là một con người thì nội dung chính là phẩm chất còn thể thơ chính là dáng vẻ bề ngoài. Cả ba nhà thơ đều sử dụng thể thơ tự do để sáng tạo nghệ thuật. Trong tâm thế cả nước đang hướng về biển Đông thì cảm hứng về biển đảo, mảng thơ viết về biển đảo ra đời như một hồi chuông thức tỉnh con người, gọi con người thoát ra khỏi ảo tưởng về quá khứ mà ý thức hơn, ám ảnh hơn về những biến động trong tương lai. Bằng việc sắc sảo trong việc sử dụng nhuần nhuyễn thể thơ, Nguyễn Việt Chiến, Hữu Thịnh và Trần Đăng Khoa đã góp vào kho tàng thơ văn của đất nước một mảng thơ mới, một vấn đề của thời đại mới.

### 3.3. Ngôn Ngữ

Các nhà hình thức luận Nga cho rằng: “*Thơ là ngôn ngữ tự lấy mình làm cứu cánh*”... hay “*Thơ là một phát ngôn nhắm vào cách phát biểu*” (R.Jacobson). Một bài thơ hay chính là nhờ vào tài năng sử dụng ngôn ngữ của tác giả. Ngôn ngữ chính là vấn đề được các tác giả quan tâm hàng đầu. Tự cổ chí kim, từ các nhà thơ xưa đến các nhà thơ hiện đại ai ai cũng lựa chọn, sắp xếp ngôn từ trong thơ của mình sao cho hay nhất, hấp dẫn nhất. Đỗ Phủ có một châm ngôn mà mọi người làm thơ đều tâm đắc: “*Ngữ bất kinh nhân, tử bất hưu*” (Lời thơ chưa làm cho người đọc kinh ngạc, thán phục, đến chết chưa thôi lao động sáng tạo). Hay đại thi hào Nguyễn Du trong đoạn trích “*Trao duyên*” có sử dụng cân nhắc về ngôn ngữ:

*“Cậy em em có chịu lời  
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa”*

(Truyện Kiều - Nguyễn Du)

“Cậy = nhờ”, “chịu = nhận”. Tại sao tác giả lại không viết: “Nhờ em em có nhận lời”. Chúng ta với mỗi một ngôn từ, tác giả đã phải suy tư trăm trở lăm để câu thơ của mình phát huy tác dụng tối đa nhất. Nói như thế để thấy rằng ngôn ngữ chính là một phương tiện nghệ thuật quan trọng trong việc biểu đạt nội dung. Trong mảng thơ viết về biển đảo, cả ba cây bút Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, Nguyễn Việt Chiến đã sử dụng ngôn ngữ hết sức linh hoạt.

Trước hết ngôn ngữ trong thơ các thi sĩ mang tính hàm súc. Hàm súc là súc tích, hàm chứa. Ngôn ngữ thơ phải thật cô đọng, ít lời mà nói được nhiều ý, ý ở ngoài lời, gợi nhiều liên tưởng. Thơ của họ không rườm rà, không cầu kì, ngắn gọn, cô đọng. Mỗi một từ ngữ đều dứt khoát, mạnh mẽ, không dè dặt:

*“Nghẹn ngào hai tiếng Trường Sa  
Máu Việt Nam chảy trên da thịt mình  
Sáu tư người lính hy sinh  
Vòng tròn bất tử mang hình Gạc Ma*



*Đau thương hai tiếng Hoàng Sa  
Máu Việt Nam đỏ thấm qua bao đời  
Các anh nằm lại cuối trời  
Bảy tư người lính xương vùi biển sâu  
Cầm lên hạt muối thương đau  
Mẹ Việt Nam tóc bạc màu héo hon  
Muối này thấm máu các con  
Thấm hồn tử sĩ trong hồn biển xa*

*Hoàng Sa vọng tới Trường Sa:  
Máu Việt Nam chảy trên da thịt mình”*

(*Máu Việt Nam chảy trên da thịt mình* - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.20]

Mỗi câu thơ, mỗi từ ngữ đều lắng đọng. Nguyễn Việt Chiến đã vừa tiếp tục làm công việc của các thi sĩ thuộc thế hệ chiến tranh trước đây, vừa đề cập kịp thời đến những vấn đề nóng bỏng của đất nước và của dân tộc hôm nay. Bằng chất giọng sử thi vốn có, Nguyễn Việt Chiến đã cầm lên một ngọn cờ trang trọng, trong rừng của thơ ca đang tung bay trên ngọn sóng biển Đông, vào thời khắc mà cả đất trời, biển, Tổ quốc đang cần đến tiếng lòng của tất cả chúng ta hơn bao giờ hết. “*Máu Việt Nam chảy trên da thịt mình*” đã nhẹ nhàng đi vào tâm thức của mỗi con người bằng những từ ngữ hàm súc, cô đọng. Ta nghe trong mỗi từ ngữ là một tiếng thở nao lòng. Mỗi từ ngữ ông dùng đều gợi nên hình ảnh sáu mươi tư người lính đã ngã xuống trên đảo Gạc Ma để cho em thơ được cắp sách tới trường. Từng từ, từng từ một như xoáy sâu vào hồn mỗi con người. Chia tay với “*Máu Việt Nam chảy trên da thịt mình*”, chúng ta thấy một “*Tổ quốc nhìn từ biển*”, một “*Tổ quốc là tiếng mẹ*”, “*Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra*”... Tất cả đều gợi tới một suy nghĩ, một ý thức trách nhiệm. Phải là một con người có tình yêu lớn đối với Tổ quốc thì Nguyễn Việt Chiến mới viết được những vần thơ hàm súc, cô đọng đến như vậy.

Trần Đăng Khoa với tập “*Trường Sa*” cũng đã để lại trong lòng độc giả một nỗi khắc khoải, một tình yêu và niềm cảm thông chân thành với người lính đảo:

*“Chúng tôi ngồi ôm súng đợi mưa rơi  
Lòng thắc thỏm niềm vui không nói hết  
Mưa đi! Mưa đi! Mưa cho mãnh liệt  
Mưa lèm nhèm, chúng tôi chẳng thích đâu  
Nhưng không có mưa rào thì cứ mưa ngâu  
Hay mưa bụi... mưa li ti... cũng được  
Mặt chúng tôi ngửa lên hứng nước  
Một giọt nhỏ thôi, cát cũng dụi đi nhiều  
Ôi hòn đảo Sinh Tồn, hòn đảo thân yêu  
Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt đảo  
Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương đầy gió bão  
Chúng tôi như hòn đá ngàn năm, trong đập nhịp tim người  
Như đá vững bền, như đá tốt tươi...”*

*(Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn - Trần Đăng Khoa) [28, tr.37]*

Hay:

*“Đá san hô kê lên thành sân khấu  
Vài tấm tôn chôn mấy cánh gà  
Em đừng trách bọn chúng anh tạm bợ  
Chẳng phong màn nào chịu nổi gió Trường Sa*

*Gió rát mặt, đảo luôn thay hình dạng  
Đá củ đậu bay như lũ chim hoang  
Cứ mặc nó! Nào hỏi các chiến hữu  
Ta bắt đầu thôi. Mây nước đã mở màn...”*

*(Lính đảo hát tình ca trên đảo - Trần Đăng Khoa) [28, tr.41]*

Trong mỗi bài thơ của Trần Đăng Khoa ta đều thấy một cảm xúc nhẹ nhàng. Người lính trong thơ ông bên cạnh sự hi sinh, gian khổ thì còn toát lên tinh thần lạc quan, yêu đời. Bản thân ông đã từng là người lính, ông am hiểu cuộc sống của lính, ông đã có những tháng ngày lạc quan hướng về tương lai như thế cho nên những vần thơ của ông tràn trề sự trẻ trung. Ông dùng những

từ ngữ giản dị, đời thường nhưng rất cô đọng. Đọc những vần thơ của ông, ta luôn thấy hình ảnh người lính hiện ra lạc quan, yêu đời. “*Chúng tôi ngồi ôm súng đợi mưa rơi/ Lòng thắc thỏm niềm vui không nói hết. Mưa đi! Mưa đi! Mưa cho mãi liệt*”. Từ ngữ nhẹ nhàng nhưng lắng đọng.

Cũng giống như hai nhà thơ trên, Hữu Thịnh cũng sử dụng ngôn ngữ thơ súc tích. Những bài thơ về biển ông viết, cao hơn nữa là trường ca về biển đều ám ảnh con người. Ngôn ngữ trong thơ ông cũng nhẹ nhàng nhưng thâm trầm. Từ ngữ ngắn gọn, lời ít ý nhiều:

*“Ai mang quê ra đảo  
Ló một tiếng gà trưa  
Bao nhiêu là súng pháo  
Ngây thơ như cày bừa”*

(Tiếng gà trên đảo - Hữu Thịnh) [70, tr.49]

Điều thứ hai phải nói đến đó là ngôn ngữ trong mảng thơ viết về biển đảo mang tính đa nghĩa. Như ở trên phần hình ảnh đã nói. Thơ của Trần Đăng Khoa, Hữu Thịnh, Nguyễn Việt Chiến sử dụng các hình ảnh ẩn dụ, từ những hình ảnh ẩn dụ đó tạo ra tính đa nghĩa cho ngôn từ. Tính đa nghĩa của thơ không chỉ do yếu tố chủ quan của người tiếp nhận theo nguyên lý: tác phẩm văn học = văn bản + người đọc. Tính đa nghĩa còn do đặc trưng của ngôn ngữ thơ. Quan điểm của nhà thơ càng kín đáo bao nhiêu càng có lợi cho tác phẩm bấy nhiêu. Đặc trưng của tư tưởng nghệ thuật là toát ra từ hình tượng, tình huống, chi tiết. Chúng kích thích, kêu gọi người đọc để họ tự rút ra một tư tưởng nào đó. Tính mơ hồ, đa nghĩa của ngôn ngữ thơ tạo điều kiện cho người đọc đồng sáng tạo. Ta bắt gặp những hình ảnh “*vọng phu*”, “*thủy triều*” trong thơ của các nhà thơ. Đó là những hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng cho người con gái. Đó có thể là những người vợ lính mòn mỏi chờ chồng, đó có thể là người yêu của lính. Nghệ thuật ẩn dụ làm cho ngôn từ thêm đa nghĩa.

Nói đến ngôn ngữ, không thể không nhắc tới tính hình tượng. Đọc các bài thơ viết về biển đảo của ba cây bút này chúng ta hình dung ra rất nhiều hình

tượng. Vậy tính hình tượng của ngôn ngữ là gì? Đó là khả năng tái hiện những hiện tượng cuộc sống một cách sinh động bằng những bức tranh gợi hình, gợi cảm. Ngôn ngữ có hình tượng là ngôn ngữ giàu hình ảnh, tạo hình, âm thanh, màu sắc, có khả năng gây ấn tượng mạnh mẽ vào trí tưởng tượng và cảm nhận của người đọc. Viết về biển đảo, chắc chắn những hình tượng chúng ta bắt gặp trong thơ của các nhà thơ chính là bức tranh toàn diện về biển. Đó là hình tượng những “con sóng”, hình tượng những “đoàn thuyền”, hình tượng “người lính”...

Thơ Nguyễn Việt Chiến ngôn ngữ luôn gợi hình tượng. Cái hay toát lên từ câu tứ, từ âm hưởng thơ, từ cái thông điệp rất đĩnh đạc nhưng cũng đầy hào sảng mà bài thơ chuyển tải đến người đọc. Hình tượng Tổ quốc được soi rọi, được nhìn trong cái nhìn từ biển: “*Nếu Tổ quốc đang bão giông từ biển...*”, “*Nếu Tổ quốc hôm nay nhìn từ biển...*”, “*Nếu Tổ quốc nhìn từ bao quần đảo...*”, “*Nếu Tổ quốc nhìn từ bao thương tích...*”, “*Nếu Tổ quốc nhìn từ bao hiểm họa...*”, “*Nếu Tổ quốc neo mình đầu sóng cả...*”, “*Nếu Tổ quốc nhìn từ bao mát mát...*”. Hình ảnh Tổ quốc được Nguyễn Việt Chiến đặt trong điểm nhìn “từ biển”, khiến cảm nhận về Tổ quốc của ông khác với các nhà thơ khác khi viết về đề tài này. Nhưng cái độc đáo hơn là ở chỗ nhà thơ gợi nhắc chúng ta về một truyền thuyết đáng yêu của buổi bình minh Tổ quốc, khi Lạc Long Quân và Âu Cơ với trăm người con, theo mẹ lên rừng, theo cha xuống biển, vẽ nên hình hài đất nước cho cháu con muôn đời:

*“Ngàn năm trước con theo cha xuống biển*

*Mẹ lên rừng thương nhớ mãi Trường Sa”*

*(Tổ quốc nhìn từ biển - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.5]*

Dòng máu Rồng Tiên đã cho ta Tổ quốc, cho ta tiếng nói, để tiếng nói đầu tiên mà con dân nước Việt cất lên là tiếng nói đánh giặc bảo vệ cõi bờ Tổ quốc thân yêu. Nguyễn Việt Chiến đã hình tượng hóa Tổ quốc bằng truyền thuyết, với điểm nhìn xuyên suốt “từ biển”, và những “bão giông”, những “hiểm họa”, những “mát mát” từ đó hiện hiện trong những chiều kích khác nhau. Ta bắt gặp ở đây sự giao cảm, sự đồng điệu của Nguyễn Việt Chiến với Trần Đăng Khoa:

*Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên*

*Bão thổi chưa ngừng trong những vành khăn trắng*

*(Thơ tình của người lính biển)* [28, tr.32]

Câu tứ của bài thơ làm nền cho cảm xúc thăng hoa, âm hưởng thơ trầm hùng, bi tráng. Hình ảnh Tổ quốc chưa một ngày bình yên hiện lên trong tâm hồn Nguyễn Việt Chiến và của cả chúng ta với một ý thức đầy đủ và rõ ràng rằng:

*“Đất Tổ quốc khi chập chờn bóng giặc*

*Các con nằm thao thức phía Trường Sơn*

*Biển Tổ quốc chưa một ngày yên ả*

*Biển cần lao như áo mẹ bạc sờn*

*Nếu Tổ quốc hôm nay nhìn từ biển*

*Mẹ Âu Cơ hẳn không thể yên lòng*

*Sóng lớp lớp dề lên thêm lục địa*

*Trong hồn người có ngọn sóng nào không”*

*(Tổ quốc nhìn từ biển - Nguyễn Việt Chiến)* [12, tr.5]

Trong điệp nhìn “từ biển”, Tổ quốc là biển và biển cũng là Tổ quốc. Thanh Thảo, trong trường ca “*Những người đi tới biển*” cũng đã viết:

*Tổ quốc kiên trì nhòai ra phía biển*

*ôm những quần đảo trong vòng tay thương mến*

*mắt đôi nhìn hút cánh hải âu bay* [66]

Tổ quốc vì thế mà rộng dài trong cả không gian lẫn thời gian, rộng dài trong tình yêu vô biên của con dân nước Việt đối với Tổ quốc. Nguyễn Việt Chiến đã nói hộ chúng ta về tình yêu Tổ quốc. Ông cảm nhận được những giông bão rình rập, những mất mát đau thương, những hiểm họa khôn lường đến với Tổ quốc từ phía biển và ông thể hiện tình yêu Tổ quốc bằng một thứ tình cảm máu thịt:

*“Nếu Tổ quốc đang bão giông từ biển*

*Có một phần máu thịt ở Hoàng Sa”*

Và:

*“Đêm trần trọc nổi mưa nguồn chớp bể  
Thương Lý Sơn đảo khuất giữa mây mù  
Thương Côn Cỏ gói đầu lên sóng dữ  
Thương Hòn Mê bão tố phía âm u”*

Hay:

*“Thương đất nước trên ba ngàn hòn đảo  
Suốt ngàn năm bóng giặc vẫn chập chờn  
Máu đã đổ ở Trường Sa ngày ấy  
Bạn tôi nằm dưới sóng mận vùi thân”*

*(Tổ quốc nhìn từ biển - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.5]*

Tổ quốc dưới góc nhìn “từ biển” trong bài thơ của Nguyễn Việt Chiến vừa trải qua ngàn năm đau thương, mất mát với bao nhiêu hiểm họa, nhưng cũng từ ngàn năm ấy, Tổ quốc đã bất khuất ngẩng cao đầu chiến thắng quân thù:

*“Nếu Tổ quốc nhìn từ bao hiểm họa  
Đã mười lần giặc đến tận biển Đông  
Những ngọn sóng hoá Bạch Đằng cảm tử  
Lũ Thoát Hoan bạc tóc khiếp trống đồng”*

*(Tổ quốc nhìn từ biển - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.7]*

Nguyễn Việt Chiến đã thay chúng ta nói lên niềm tự hào, kiêu hãnh chính đáng về một Tổ quốc anh hùng. Nhưng cũng chính ông nói hộ chúng ta về tinh thần trách nhiệm công dân cao cả đối với Tổ quốc. Ngôn ngữ trong mỗi lời thơ của ông luôn gợi hình tượng. Xuyên suốt toàn bộ chùm thơ của ông, hình tượng Tổ quốc, hình tượng sóng với những dự cảm về tương lai, hình tượng biển trong không gian đa chiều, trong thời gian vô tận... để lại một ấn tượng khó phai nhòa. Âm ảnh trong mỗi đọc giả khi đọc thơ ông là bởi vì ngôn từ quá đa sắc thái, giàu hình tượng. Nguyễn Việt Chiến như một vị tướng chỉ huy đội quân ngôn ngữ mà dưới sự chỉ đạo của ông ngôn ngữ như những người lính ngoan ngoan chấp hành kỉ luật, ngay ngắn trong hàng ngũ và tạo nên hình tượng hấp dẫn. Cả một chùm thơ về biển của ông nặng trĩu suy tư, chiêm nghiệm, ngôn ngữ ám ảnh lòng người.

Không chỉ có ngôn ngữ thơ Nguyễn Việt Chiến mà ngôn ngữ thơ của Hữu Thịnh và Trần Đăng Khoa cũng rất giàu hình tượng. Lời thơ của hai nhà thơ này nhẹ nhàng, ngôn từ gợi hình gợi cảm. Chúng ta thấy một “*Ra khơi*” của Trần Đăng Khoa đầy màu sắc:

*“Vành trăng non vừa lặn  
Vòm đêm lung linh sao sáng  
Sương buông  
Sương buông  
Mờ muôn dặm biển  
Đêm nay tàu ta lại ra khơi  
Cho dải đất liền tím sẫm  
Bình yên  
Bình yên  
Năm dưới sao trời”*

(*Ra khơi* - Trần Đăng Khoa) [28, tr.17]

“*Ra khơi*” là bài ca mang hơi thở của cuộc sống. Cảnh đoàn tàu ra khơi xa trong đêm với vành trăng non vừa chơi trò trốn tìm với đám mây và rồi trốn luôn để nhường chỗ cho những vì sao lung linh thật lãng mạn. Ra đi trong một cảnh đẹp như thế các anh - những người lính hấn sẽ rất thoải mái, tâm trạng phấn khởi, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc nếu đó là sự ra khơi để đánh bắt thì sẽ mang về thành quả to lớn. Xét riêng về mặt ngôn ngữ Trần Đăng Khoa sử dụng những từ như “*Vành trăng non*”, “*Vòm đêm*”, “*sương buông*”, “*dải đất liền tím sẫm*”... Từ ngữ hay, giàu hình tượng, gợi cảm. Khi đọc lên chúng ta như thấy và cảm nhận được khí thế của người ra khơi

Hay :

*“Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên  
Bão táp chưa ngưng trong những vành khăn trắng  
Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng  
Biển một bên và em một bên*

*Vòm trời kia có thể sẽ không em  
Không biển nữa. Chỉ mình anh với cỏ  
Cho dù thế thì anh vẫn nhớ  
Biển một bên và em một bên”*

*(Thơ tình người lính biển - Trần Đăng Khoa) [28, tr.32]*

Rồi là:

*“ Chúng tôi ngồi ôm súng đợi mưa rơi  
Lòng thắc thỏm niềm vui không nói hết  
Mưa đi! Mưa đi! Mưa cho mãi liệt  
Mưa lèm nhèm chúng tôi chẳng thích đâu  
Nhưng không có mưa rào thì cứ mưa ngâu  
Hay mưa bụi.. mưa li ti.. cũng được  
Mặt chúng tôi ngửa lên hứng nước  
Một hạt nhỏ thôi cát cũng dụi đi nhiều...”*

*Ôi đảo Sinh Tồn hòn đảo thân yêu  
Dẫu chẳng có mưa chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt đảo  
Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương gió bão  
Chúng tôi như hòn đá ngàn năm  
Đập trong trái tim người  
Như đá vững bền như đá tốt tươi”*

*(Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn - Trần Đăng Khoa) [28, tr.37]*

Qua việc khảo sát thơ của Trần Đăng Khoa viết về cảm hứng biển đảo chúng ta thấy số lượng bài thơ viết về vấn đề này không nhiều nhưng ngôn từ trong các bài thơ được gọt dũa được sắp xếp một cách có dụng ý. Mỗi từ ngữ được sử dụng đều có sự trăn trở suy tư. Thơ Hữu Thịnh cũng thế, cũng nhẹ nhàng, cũng đậm thắm, sâu lắng. Ngôn từ được ông sử dụng rất tinh tế. Khép lại trang thơ của ông mà lòng người vẫn còn vương vấn.



Ngoài ngôn ngữ mang tính hàm súc, hình tượng thì ngôn ngữ trong mảng thơ viết về biển đảo của cả ba tác giả còn bình dị gần gũi, đời thường và mang tính mới lạ. Họ - những nhà thơ thường sử dụng ngôn từ rất quen thuộc. Những từ ngữ nằm trong cùng một trường về biển đảo được lặp đi lặp lại. Những từ ngữ được sử dụng quen thuộc và nó gần gũi với cuộc sống của thời hiện đại:

*“Nếu Tổ quốc đang bão giông từ biển  
Có một phần máu thịt ở Hoàng Sa  
Ngàn năm trước con theo cha xuống biển  
Mẹ lên rừng thương nhớ mãi Trường Sa”*

(*Tổ quốc nhìn từ biển* - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.5]

Từ ngữ bình dị xuất hiện rất nhiều :

*“Chiều biển lặng ta nhìn xa ngút ngát  
Thử thả sợi dây dài đo dạ biển xem sao  
Lòng biển cũng nông thôi. Khi môi chạm cá  
Chỉ bụng dạ thế gian là chẳng biết thế nào”*

(*Trên bông tàu, câu cá* - Trần Đăng Khoa) [28, tr.47]

Nhìn chung về mặt ngôn ngữ, các nhà thơ đã có ý thức sử dụng ngôn từ như một phương tiện biểu đạt quan trọng bậc nhất. Ngôn từ trong cảm hứng viết về biển đảo đều hàm súc, cô đọng, “ý tại ngôn ngoại”, lời ít ý nhiều, đều giàu tính hình tượng và vô cùng quen thuộc bình dị. Ngôn ngữ là vỏ ngoài để tạo nên một chỉnh thể thơ hay. Ngôn ngữ càng chất lọc, lựa chọn kĩ càng thì nhà thơ càng tài giỏi. Nguyễn Việt Chiến, Trần Đăng Khoa và Hữu Thịnh đều là những cây bút sắc sảo, những cây bút của thế kỉ XXI dám khai phá vùng đất “biển đảo”, vùng đất mà ít người cầm bút khai phá.

### **3.4. Giọng điệu**

Giọng điệu là thái độ, tình cảm, lập trường, tư tưởng của nhà văn, là cách nói riêng của mỗi người nghệ sĩ trước hiện thực để truyền cảm xúc cho người đọc, tạo nên phong cách riêng của mỗi nhà văn.

Trong mảng đề tài viết về biển đảo, giọng điệu bao trùm là giọng điệu ngợi ca. Trước hết đó là sự ngợi ca vẻ đẹp của biển đảo Việt Nam. Biển đảo

Việt Nam đẹp và qua con mắt của các nhà thơ thì lại càng đẹp hơn gấp nhiều lần. Nguyễn Việt Chiến trong bài phát biểu và đọc “Hịch tướng sĩ” trên biển Đông đã miêu tả hình tượng những con sóng, những dải cát, những ghềnh đá. Nó đẹp trong con mắt trữ tình của nhà thơ:

*“Sóng lớp lớp ò ò lên thềm lục địa  
Trong hồn người có ngọn sóng nào không?”*

...

*“Đêm trần trọc nổi mưa nguồn chớp bể  
Thương Lý Sơn đào khuất giữa mây mù  
Thương Côn Cỏ gói đầu lên sóng dữ  
Thương Hòn Mê bão tố phía âm u”*

*(Tổ quốc nhìn từ biển - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.6]*

Biển là một khoảng không gian bao la rộng lớn. Đứng trước biển người ta thường cảm thấy mình nhỏ bé vô cùng. Nguyễn Việt Chiến đến với biển, ông thấy từng lớp sóng xô vào ghềnh đá, hết đợt sóng này nối tiếp đợt sóng kia tạo nên một không gian chuyển động. Sóng xô đá làm bọt tung trắng xóa. Sóng, gió, cát, cánh chim... là những yếu tố tô điểm thêm cho vẻ đẹp của biển. Nếu ví biển là con người thì con người đó cần trang sức để mình đẹp hơn và cát, gió, sóng, cánh chim... chính là thứ trang sức đẹp và vô giá khiến biển đẹp hơn.

Biển với Trần Đăng Khoa đẹp vì biển có cuộc sống của con người. Biển giống như một người mẹ, nhẹ nhàng đón những con thuyền ra khơi mang theo niềm tin và hi vọng về một chuyến đi đầy thành công:

*“ Anh ra khơi  
Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng  
Phút chia tay anh dạo trên bến cảng  
Biển một bên và em một bên ”*

...

*Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn  
Tàu anh buông neo dưới chùm sao xa lắc*

*Thăm thăm nước trời nhưng anh không cô độc  
Biển một bên và em một bên”*

*(Thơ tình người lính biển - Trần Đăng Khoa) [28, tr.32]*

Còn với Hữu Thịnh, biển, đảo giống như quê của mình vậy, nhẹ nhàng gần gũi:

*“Ai mang quê ra đảo  
Ló một tiếng gà trưa  
Bao nhiêu là pháo súng  
Ngây thơ như cày bừa”*

*(Tiếng gà trên đảo- Hữu Thịnh) [70, tr.49]*

Không chỉ là cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp của biển mà đó còn là sự ngợi ca những người lính trên đảo:

*“Người nghe biển động phía Trường Sa  
Ngực trần chắn đạn lính đảo ta  
Những hồn lính trận chưa yên ngủ  
Mộ gió cồn cào với Gạc Ma”*

*(Nghe hịch tướng sĩ trên biển Đông - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.25]*

Đó là hình tượng người lính anh dũng ngã xuống để cho Tổ quốc được sinh ra một lần nữa. Ông ca ngợi họ, ông vinh danh họ:

*“Các anh đứng như tượng đài quyết tử  
Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra  
Dòng máu Việt chảy trong hồn người Việt  
Đang bôn chôn thảo thức với Trường Sa  
Khi hy sinh ở đảo đá Gạc Ma  
Anh đã lấy ngực mình làm lá chắn  
Để một lần Tổ quốc được sinh ra  
Máu các anh thấm vào lòng biển thẳm”*

*(Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.12]*

Trong “*Trường ca biển*”, tác giả ca ngợi những người lính ngày đêm bám biển, hi sinh tuổi trẻ, hi sinh thân mình để đối đầu với những con sóng, để đối đầu với kẻ thù xâm lược:

*“Tôi đang ở Trường Sa  
Trong đội hình Song Tử Đông, Song Tử Tây, An Bang, Nam Yết  
Kết bạn với vô cùng  
Đảo rập rờn chìm nổi những quả cân  
Cân đời lính và hiểm nguy đời lính”*

*(Trường ca biển - Hữu Thịnh) [68]*

Những người lính trong chiến trận đã khổ, những người lính trong thời bình cũng khổ không kém. Dù ở bất kì thời đại nào, họ cũng là người hi sinh cho dân tộc, cho đất nước. Hiểu được điều này, các nhà thơ đã không tiếc lời ca ngợi họ. Đó như là một lời động viên, một lời an ủi họ:

*“Chúng tôi là lính đảo thời bình  
Phải gồng mình cả khi yên tĩnh nhất  
Để chống lại cái khoảng trống kia  
Cái khoảng trống chực len vào đồng đội  
Chực len vào giữa bạn và tôi  
Cái khoảng trống lạnh tanh vô nghĩa  
Có ngay trong chính bản thân mình”*

*(Trường ca biển - Hữu Thịnh) [68]*

Bên cạnh giọng điệu ca ngợi sự hi sinh anh dũng của người lính là ca ngợi tình yêu và sự lạc quan của họ. Ai ra đi mà không vương vãn một bóng hình? Ai ra đi mà không mang theo tình cảm của người em gái nhỏ nơi hậu phương. Nói cách khác người lính cũng có tình yêu, người lính cũng có cảm chân thành dành cho người thương. Các nhà thơ khi xây dựng hình tượng người lính đã ngợi ca tình yêu của họ:

*“Anh xa em  
Trăng cũng lẻ  
Mặt trời cũng lẻ  
Biển vẫn cây mình dài rộng thế  
Vắng cánh buồm một chút đã cô đơn”*

*(Thơ viết ở biển - Hữu Thịnh) [68, tr.35]*

Với Trần Đăng Khoa tình yêu người lính luôn là nỗi khắc khoải:

*"Anh ra khơi*

*Mây treo ngang trời những cánh bướm trắng*

*Phút chia tay anh dạo trên bến cảng*

*Biển một bên và em một bên*

*Biển ồn ào, em lại dịu êm*

*Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ"*

*(Thơ tình người lính biển - Trần Đăng Khoa) [28, tr.32]*

Tình yêu đi kèm tinh thần lạc quan, có tình yêu làm động lực, người lính luôn lạc quan trong cuộc sống. Chính sự lạc quan trong chiến tranh đã giúp họ vượt lên chính nỗi sợ hãi của bản thân:

*"Sân khấu lô nhô mấy chàng đầu trọc*

*Người xem ngón ngang cũng rất lính trọc đầu*

*Nước ngọt hiếm không lẽ dành gọi tóc*

*Lính trẻ lính già đều trọc tếu như nhau"*

*(Lính Đảo hát tình ca trên đảo - Trần Đăng Khoa) [28, tr.41]*

Hay:

*"Ôi ước gì được thấy mưa rơi*

*Mặt chúng tôi ngửa lên như đất*

*Những màu mây sẽ thôi không héo quắt*

*Đá san hô sẽ nảy cỏ xanh lên*

*Đảo xa khơi sẽ hoá đất liền*

*Chúng tôi không cạo đầu để tóc lên như cỏ*

*Rồi khao nhau*

*Bữa tiệc linh đình bày toàn nước ngọt"*

*(Đợi mưa trên đảo sinh tồn - Trần Đăng Khoa) [28, tr.41]*

Không chỉ có giọng điệu ngợi ca mà đó còn là giọng điệu tự hào, giọng điệu đau xót khi đất nước và biển đảo đang trong nguy cơ bị rình rập. Giọng thơ, ngôn ngữ thơ theo sát tâm trạng, theo sát diễn biến tình hình biển đảo. Nguyễn Việt

Chiến đấu thoải với những người lính biển, ông truyền sức mạnh chiến đấu cho họ, ông thổi bùng lên trong họ tình yêu quê hương đất nước, con người:

*“Đất Tổ quốc khi chập chờn bóng giặc  
Các con nằm thao thức phía Trường Sơn  
Biển Tổ quốc chưa một ngày yên ả  
Biển cần lao như áo mẹ bạc sờn”*

(*Tổ quốc nhìn từ biển* - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.5]

Các nhà thơ đau xót trước cảnh biển ngày càng bị lấn chiếm. Hoàng Sa, Trường Sa là nỗi đau nhức nhối trong lòng người. Nhắc tới Hoàng Sa, Trường Sa là nhắc tới một phần máu thịt của Tổ quốc Việt Nam, nhắc tới “vòng tròn bất tử” và những trận chiến bảo vệ chủ quyền biển đảo. Từng hòn đảo và mỗi vùng biển thiêng liêng của cha ông tự bao đời vẫn được các thế hệ con cháu ngày đêm canh giữ. Trên mặt trận văn hóa của mình, những nhà thơ và không ít những người lính đã gửi gắm tình yêu và quyết tâm gìn giữ biển đảo quê hương qua những vần thơ, con chữ. Mỗi bài thơ là một cung điệu nói lên tấm lòng của những người con đất Việt với nơi đầu sóng ngọn gió, là tuyến đầu Tổ quốc hôm nay:

*“ Tôi đang ở Trường Sa  
Trong đội hình Song Tử Đông, Song Tử Tây, An Bang, Nam Yết*

*Kết bạn với vô cùng  
Đảo rập rờn chìm nổi những quả cân  
Cân đời lính và hiểm nguy đời lính”*

(*Trường ca biển* - Hữu Thịnh) [68]

Hay:

*“Nghẹn ngào hai tiếng Trường Sa  
Máu Việt Nam chảy trên da thịt mình*

*Sáu tư người lính hy sinh  
Vòng tròn bất tử mang hình Gạc Ma  
Đau thương hai tiếng Hoàng Sa  
Máu Việt Nam đổ thấm qua bao đời  
Các anh nằm lại cuối trời  
Bảy tư người lính xương vùi biển sâu”*

(*Máu Việt Nam chảy trên da thịt mình* - Nguyễn Việt Chiến) [12, tr.20]

Giọng thơ ngân vang trong từng câu chữ. Giọng thơ khiến cho chúng ta dễ dàng tiếp nhận được vấn đề mà tác giả muốn nêu, tình cảm mà tác giả gửi gắm. Như vậy đi suốt chiều dài của mảng thơ viết về biển đảo, ta cảm nhận được một cái giọng ngợi ca, một cái giọng đồng cảm xót xa vang lên trong từng con chữ. Các tác giả đã đưa chúng ta vào thế giới của biển, thế giới của những người lính đảo, thế giới của không gian mênh mông vô tận. Và cuối cùng các tác giả đã nhắc nhở chúng ta về bài học giữ nước của cha ông để chúng ta có hành động kịp thời với Tổ quốc.

### ***Tiểu kết***

Nghệ thuật chính là công cụ là phương tiện để biểu đạt nội dung. Bất kể một nhà văn nhà thơ nào khi sáng tác tác phẩm của mình đều định hướng trong việc sử dụng nghệ thuật. Hiểu được điều này Nguyễn Việt Chiến, Trần Đăng Khoa và Hữu Thịnh trong mảng thơ viết về biển đảo đã có ý thức lựa chọn nghệ thuật một cách tinh tế nhất.

Trong thơ của cả ba nhà thơ đều lấy hình ảnh thơ, ngôn ngữ thơ, thể thơ và giọng điệu làm phương tiện truyền tải nội dung. Cả ba cây bút đều hướng tới việc chọn những hình ảnh mang tính chất ẩn dụ, những hình ảnh nhân hóa, những hình ảnh gần gũi quen thuộc, thuộc cùng trường từ vựng về biển đảo để xây dựng tác phẩm. Mục đích viết thơ của các tác giả là để diễn đạt cảm xúc, tâm trạng và lòng mong mỏi của mình vào cuộc đời và con người trong việc giữ gìn và bảo vệ biển đảo nên họ chọn chung cho mình thể thơ tự do hiện đại. Thể thơ

này phóng khoáng như chính tâm hồn của các nhà thơ. Viết về biển đảo các tác giả thể hiện giọng điệu ca ngợi là chính, bên cạnh giọng điệu ca ngợi còn là giọng đau xót, xót xa trước thế lực ngoại xâm đang lăm le nhòm ngó.

Nhìn chung các tác giả đã rất thành công trong việc sử dụng nghệ thuật để có thể đạt được mục đích của mình. Họ - những nhà thơ, những người nghệ sĩ lao động chân chính đã đưa con người ta vào một thế giới của ý thức và trách nhiệm, khơi gợi ở chúng ta tinh thần và hào khí “Đông A”, giúp chúng ta ôn lại lịch sử và hướng tới bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hội nhập toàn cầu hiện nay. Họ và thơ văn của họ, đặc biệt là mảng thơ viết về biển đảo sẽ sống mãi với thời gian.



## KẾT LUẬN

Luận văn tập trung nghiên cứu về cảm hứng biển đảo trong thơ Việt Nam từ 1986 đến nay qua sáng tác của một số gương mặt tiêu biểu như Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, Nguyễn Việt Chiến.

Từ việc phân tích cơ sở hình thành dòng cảm hứng biển đảo trong văn học Việt Nam chúng tôi tiến hành tìm hiểu, khái quát những nét chính về sự thể hiện chủ đề biển đảo trong thơ ca hiện đại và trong sáng tác của một số nhà thơ tiêu biểu.

Tìm hiểu chủ đề biển đảo trong văn học Việt Nam qua các thời kì (Văn học dân gian, văn học trung đại, văn học hiện đại) chúng tôi nhận thấy: cảm hứng biển đảo đã hình thành từ xa xưa trong văn học Việt Nam, nó đã trở thành nguồn cảm hứng quen thuộc và ấn tượng đối với người cầm bút. Biển đảo quê hương đã trở thành đề tài thiêng liêng, nóng bỏng, mang tính thời sự, gắn liền với số mệnh dân tộc.

Trong sự phát triển của văn học Việt Nam, những sáng tác về đề tài biển đảo ngày càng tăng về cả số lượng và chất lượng, đặc biệt là trong thời kì văn học hiện đại, trong các sáng tác thơ ca. Sáng tác của các nhà thơ về biển đảo mỗi người ở mỗi tác phẩm đều có cách thể hiện riêng, phản ánh một khía cạnh nào đó (vẻ đẹp thiên nhiên biển đảo, sự anh dũng, hi sinh, cuộc sống gian nan của những người lính biển, tình yêu của người lính đảo, tố cáo, căm thù tội ác quân giặc giày xéo, xâm phạm chủ quyền biển đảo Việt Nam...) nhưng hầu hết đều chung ở giọng điệu sử thi hào hùng, ngợi ca, khẳng định; thể hiện tình yêu, niềm tự hào về biển đảo quê hương, về đất nước, con người Việt Nam.

Tìm hiểu về các dạng cảm hứng biển đảo trong thơ Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, Nguyễn Việt Chiến, chúng tôi đi sâu khảo sát, phân tích phương diện nội dung trong các sáng tác về đề tài biển đảo của Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, Nguyễn Việt Chiến theo ba mạch cảm hứng chính: ngợi ca vẻ đẹp thiên nhiên biển đảo; Biển đảo- thể hiện ý thức kiên định và sâu sắc về chủ quyền

lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc; Lòng yêu nước và tự hào về truyền thống đấu tranh của dân tộc.

Cùng viết về biển đảo quê hương, chúng ta bắt gặp sự đồng điệu trong hồn thơ cũng như cách cảm, cách nghĩ của ba tác giả: Biển đảo trong con mắt Trần Đăng Khoa, Hữu Thịnh, Nguyễn Việt Chiến đều mang vẻ đẹp với nhiều cung bậc: lúc hiền hòa, thơ mộng, khi hùng vĩ, ồn ào, lúc dữ dội đầy bão tố... Yêu biển đảo, tha thiết khi nói về biển đảo, ba nhà thơ còn khẳng định, thể hiện ý thức kiên định và sâu sắc về chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của tổ quốc, nỗi xót xa, đau đớn và căm hờn khi chủ quyền biển đảo bị xâm phạm; khắc họa cuộc sống, những câu chuyện rất đời thường của những người lính biển - những người con đất Việt bình dị mà anh hùng. Và trên hết, qua những trang thơ chân thật, thấm thía, đầy xúc động của mình Trần Đăng Khoa, Hữu Thịnh, Nguyễn Việt Chiến đã bộc lộ lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc. Đó chính là vấn đề trọng tâm- sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong cảm hứng về biển đảo của ba nhà thơ. Tuy nhiên, sự thể hiện các dạng cảm hứng biển đảo trong sáng tác của họ có độ đậm nhạt khác nhau, thể hiện sở trường và phong cách riêng của từng người.

Nghiên cứu, phân tích về nghệ thuật thể hiện cảm hứng biển đảo trong thơ Trần Đăng Khoa, Hữu Thịnh, Nguyễn Việt Chiến qua các yếu tố: hình ảnh, thể thơ, ngôn ngữ, giọng điệu nghệ thuật.

Hình ảnh thơ trong thi phẩm của ba cây bút Trần Đăng Khoa, Hữu Thịnh, Nguyễn Việt Chiến là những hình ảnh quen thuộc, giàu màu sắc, được gọi nên từ các biện pháp nghệ thuật ẩn dụ, nhân hóa, so sánh. Các tác giả thường dùng những hình ảnh nằm trong cùng một trường từ vựng về biển nhằm thể hiện nội dung logic, chặt chẽ. Tuy vậy với mỗi nhà thơ, trong mỗi bài thơ thì những hình ảnh này mang sắc thái, tình cảm khác nhau. Về thể thơ: điểm hội tụ của cả ba cây bút tiêu biểu trong mảng thơ viết về biển chính là việc sử dụng thể thơ tự do. Hình thức thơ tự do với sự phóng túng, linh hoạt đã giúp nhà thơ chuyển tải được nhiều sắc thái, cung bậc cảm xúc khi nghĩ về biển. Về ngôn

ngữ: ngôn ngữ thơ Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, Nguyễn Việt Chiến vừa mang tính hàm súc vừa bình dị gần gũi đậm chất đời thường. Về giọng điệu: dù ở mỗi nhà thơ có những giọng điệu riêng nhưng chủ đạo vẫn là giọng điệu sử thi hào hùng, ngợi ca, khẳng định; thể hiện tình yêu, niềm tự hào về biển đảo quê hương, về đất nước, con người Việt Nam.

Từ những kết quả nghiên cứu kể trên đã cho thấy rằng: trong sự phát triển của văn học, sự thay đổi của thời đại, đã xuất hiện cảm hứng biển đảo trong văn học Việt Nam nói chung và trong thơ ca Việt Nam hiện đại nói riêng. Cảm hứng này đã chi phối và làm nên những tác phẩm tiêu biểu, xuất sắc của đời thơ Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, Nguyễn Việt Chiến. Cảm hứng biển đảo, những sáng tác về đề tài biển đảo có ý nghĩa vô cùng to lớn, thiêng liêng đã thôi thúc và đánh thức ý thức, trách nhiệm bảo vệ chủ quyền ranh giới tổ quốc, và hơn cả là tình yêu, lòng tự hào đối với quê hương, đất nước của mỗi con dân đất Việt. Đóng góp và vai trò của thơ ca biển đảo trong đời sống thơ ca hiện đại Việt Nam cũng như trong tình hình thời sự của đất nước hiện nay là đáng trân trọng, đánh ghi nhận và ngợi ca. Chúng ta có thể tự hào mà khẳng định rằng: Bằng những con chữ mỏng manh, đầy giông gió nhưng trĩu nặng tình người, tình đời, tình yêu quê hương đất nước, các nhà thơ của chúng ta đã cùng với cha ông cắm thêm những cột mốc chủ quyền bằng văn chương cho vùng lãnh hải thiêng liêng, bất khả xâm phạm trên biển và trong lòng mỗi người Việt Nam!

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu tiếng Việt

1. Aistote (Lê Đăng Bảng dịch) (2007), *Nghệ thuật thơ ca*, NXB Lao động - Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.
2. Vũ Tuấn Anh (1998), *Nửa thế kỉ thơ Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội.
3. Lại Nguyên Ân (1999), *150 thuật ngữ văn học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
4. Bùi Văn Bồng (2015), *Biển đảo và tình yêu người lính*, NXB Thông tin và Truyền thông.
5. Nguyễn Phan Cảnh (2006), *Ngôn ngữ thơ*, NXB Văn học.
6. Hoàng Cầm, Văn Cao, Trần Dần, Lê Đạt (1956), “Những người trên cửa biển” (trường ca), *Cửa biển* (tập thơ), NXB Văn nghệ, Hà Nội, tháng 10/1956.
7. Huy Cận (1958), “Đoàn thuyền đánh cá”, *Trời mỗi ngày lại sáng*, NXB Văn học
8. Huy Cận (2011), *Ta viết bài thơ gọi biển về* (tập thơ), NXB Kim Đồng.
9. Huy Cận (2012), *Thơ Huy Cận*, NXB Hội Nhà Văn
10. Nam Cường, Nguyễn Huy, Thanh Hùng (2013), *Hải chiến Trường Sa những con người bất tử*, NXB Văn hóa thông tin.
11. Nguyễn Việt Chiến (2007), *Thơ Việt Nam - Tìm tòi và cách tân*, NXB Hội nhà văn.
12. Nguyễn Việt Chiến (2015), tập thơ và trường ca *Tổ quốc nhìn từ biển*, Nxb Phụ nữ.
13. Nguyễn Việt Chiến (2015), tuyển thơ tình *Hoa hồng không vỡ*, Nxb Phụ nữ.
14. Xuân Diệu (1962), *Biển* trích trong tập thơ *Cầm tay*, Nxb Văn học.
15. Soạn giả Gia Dũng (2015), *Biển gọi- một ngàn năm thơ biển Việt Nam*, NXB Văn học.
16. Soạn giả Gia Dũng (2015), *Thơ Gần lắm Trường Sa*, NXB Văn học.

17. Nguyễn Khoa Điềm (2003), “Tháng tư, Trường Sa”, *Thơ Nguyễn Khoa Điềm*, tuyển tập 40 năm do tác giả chọn (2012), NXB Văn học.
18. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (2007), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
19. Tế Hanh (1960), *Tiếng sóng* (tập thơ), NXB Văn học.
20. Đỗ Đức Hiểu (1992), *Thi pháp thơ*, NXB Văn học.
21. Hội Nhà văn Đà Nẵng (2015), *Những con mắt biển*, NXB Đà Nẵng.
22. Bùi Thị Thu Huệ, (2014), *Thơ Việt Nam hiện đại viết về biển đảo (Khảo sát qua một số tác giả tiêu biểu)*, Luận văn Thạc sĩ, NXB Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn.
23. Tố Hữu (1938), “Như những con tàu”, *Từ ấy* (tập thơ), NXB Văn học.
24. Iu.m. Lotman, *Cấu trúc văn bản nghệ thuật*, Trần Ngọc Vương, Trịnh Bá Đĩnh, Nguyễn Thu Thủy (dịch), NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2004.
25. Hoài Khánh (2012), *Thơ Đất biển lên trời*, NXB Kim Đồng.
26. Trần Đăng Khoa (1985), *Bên cửa sổ máy bay* (tập thơ), NXB Tác phẩm mới
27. Trần Đăng Khoa (2014), *Góc sân và khoảng trời*, NXB Văn học.
28. Trần Đăng Khoa (2014), tuyển tập *Trường Sa*, Nxb Văn học.
29. Trần Đăng Khoa (2015), *Đảo Chìm Trường Sa*, NXB Văn học.
30. Trần Đăng Khoa (2017), *Hầu chuyện Thượng đế*, NXB Văn học.
31. Mã Giang Lân (2000), *Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại*, NXB Giáo dục.
32. Phong Lê (2013), *Phác thảo văn học Việt Nam hiện đại (thế kỉ XX)*, NXB Tri thức.
33. Mai Quốc Liên (2011), *Tiểu luận và phê bình Văn học*, NXB Văn học.
34. Nguyễn Việt Long (2012), *Lẽ phải- luật quốc tế và chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, NXB Trẻ.
35. Nguyễn Văn Long (2010), *Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại tập II*, NXB Đại học sư phạm.
36. Trịnh Công Lộc (2011), “Mộ gió”, *Mộ gió* (thơ), NXB Hội Nhà văn.

37. Phương Lưu (2004), *Lí luận văn học*, NXB Giáo dục.
38. Nguyễn Phan Quế Mai (2015), *Tổ quốc gọi tên mình*, NXB Phụ nữ.
39. Nguyễn Xuân Nam (1997), *Thơ, tìm hiểu và thưởng thức* - NXB Tác phẩm mới.
40. Đoàn Ngọc (2013), *Thơ Ngược sóng*, NXB Thời Đại.
41. Nguyễn Ngọc (2012), *Có một con đường mòn trên biển Đông*, NXB Trẻ
42. Nguyễn Thị Ngọc, (2014) *Đặc điểm thơ viết về biển đảo Việt Nam từ năm 1986 đến nay*, Luận Văn Thạc sĩ , NXB trường Đại học Vinh.
43. Phan Ngọc (1991), “Thơ là gì?”, *Văn học* (1).
44. Nhiều tác giả (2000), *Tuyển tập thơ Việt Nam (Giai đoạn đầu 1975-2000)*, NXB Hội nhà văn.
45. Nhiều tác giả (2012), *Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam*.
46. Nhiều tác giả (2014), *Trong gió Trường Sa*, NXB Kim Đồng.
47. Nhiều tác giả, (2014), *SGK Địa lý 12*, NXB Giáo dục.
48. Nhiều tác giả (2015), *Biển đảo Tổ quốc tôi* (hợp tuyển thơ văn viết về biển đảo Việt Nam), Nxb Văn học.
49. Vũ Quần Phương (1983), “Trước biển”, *Những điều cuối cùng* (tập thơ), NXB Văn học.
50. Nguyễn Hữu Quý (2013), *Hạ thủy những giấc mơ* (trường ca), NXB Lao động.
51. Đỗ Quyên (2010), *Tuyển tập trường ca*, NXB Giáo dục.
52. Xuân Quỳnh (1963), “Thuyền và biển”, *Tơ tằm - Chồi biếc* (tập thơ), NXB Văn học.
53. Xuân Quỳnh (1967), “Sóng”, tập thơ *Hoa dọc chiến hào*, NXB Văn học.
54. Xuân Quỳnh, (2012), *Thơ*. NXB Văn học.
55. Nguyễn A Say, (2012), *Hình tượng biển trong trường ca Thu Bồn*, Thanh Thảo, Hữu Thịnh, Luận văn Thạc sĩ, NXB Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
56. Trần Đình Sử (1995), *Những thế giới nghệ thuật thơ*, NXB Giáo dục.

57. Trần Đình Sử (1999), *Dẫn luận thi pháp học*, NXB Giáo dục Hà Nội.
58. Hà Công Tài (1996), “Đặc trưng hình thể của ngôn từ thơ ca”, *Văn học* (3).
59. Nguyễn Anh Tài, Nguyễn Đình Chiến, Nguyễn Nhã (2012), *Toàn cảnh biển đảo Việt Nam*, NXB Thanh niên.
60. Đặng Tiến (2006), *Vũ trụ thơ*, NXB Talawas.
61. Trần Nam Tiến (2012), *Hỏi và đáp*, NXB Trẻ.
62. Trần Ngọc Toàn (2012), *Biển Đông yêu dấu*, NXB Trẻ.
63. Tuyển thơ Trần Đăng Khoa (2015), NXB Văn học.
64. Nguyễn Bá Thành (1996), *Tư duy thơ và tư duy thơ hiện đại Việt Nam*, NXB Văn học.
65. Nguyễn Bá Thành (2012), *Giáo trình tư duy thơ hiện đại Việt nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
66. Thanh Thảo, (2004), trường ca “*Những người đi tới biển*”, NXB Quân đội nhân dân.
67. Hữu Thịnh (1985), *Từ chiến hào tới thành phố*, NXB Văn học.
68. Hữu Thịnh (1994), *Thư mùa đông* (tập thơ), NXB Hội nhà văn Hà Nội.
69. Hữu Thịnh (1994), Trường ca *Biển*, Nxb Quân đội nhân dân.
70. Hữu Thịnh (2005), Tập thơ *Thương lượng với thời gian*, Nxb Hội nhà văn
71. Thơ Trần Đăng Khoa (2005), NXB Kim Đồng.
72. Nguyễn Thu Trang, (2012), *Bảo vệ chủ quyền biển đảo trên báo in hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ, NXB Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.
73. Hoàng Trinh (1992), *Từ kí hiệu học đến thi pháp học*, NXB Khoa học xã hội.
74. Trần Công Trực (2012), *Dấu ấn Việt Nam trên biển Đông*, NXB Trẻ.
75. Viện ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, T128.
76. Lưu Quang Vũ (1993), “Viết cho em từ cửa biển”, *Bày ong đêm trong đêm sâu* (thơ), NXB Hội nhà văn.
77. Tô Thùy Yên (1974), “Trường Sa Hành”, *Thơ tuyển* (tập thơ, 1995), Minnesata, Hoa Kỳ.

## Tài liệu Website

78. Văn Anh (tổng hợp), (3/2014), “Những bài thơ hay nhất về Trường Sa”, <http://soha.vn/van-hoa/nhung-bai-tho-hay-nhat-ve-truong-sa-20140314000559499.htm>
79. Hải Bằng (1965), “Cồn cỏ”, [http://vannghecuocsong.com/vi/news/Du-Lich/Tho-Quang-Binh-Thoi-tuyen-lua-Tho-Hai-Bang-1480/]
80. Hòa Bình, (6/2014), “Thơ biển đảo- Tiếng lòng yêu nước”, Báo *Người lao động*, <http://nld.com.vn/van-hoa-van-nghe/tho-bien-dao-tieng-long-yeu-nuoc-20140615214745204.htm>
81. Nguyễn Viết Chính, (4/2015), “Tổng hợp thơ về tình yêu quê hương, biển đảo và con người Việt Nam”, <http://tiin.vn/chuyen-muc/song/tinh-yeu-bien-dao-trong-nhung-van-tho-lay-dong-cong-dong-mang.html>
82. Phạm Học, (9/2015), “Đề tài biển đảo dưới góc nhìn của các văn nghệ sĩ”, <http://baoquangninh.com.vn/van-hoa/201509/de-tai-bien-dao-duoi-goc-nhin-cua-cac-van-nghe-si-2282521/>
83. [https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/Bi%E1%BB%83n\\_%C4%91em\\_l%E1%BA%A1i\\_cho\\_ta\\_nh%E1%BB%AFng\\_g%C3%AC%3F](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/Bi%E1%BB%83n_%C4%91em_l%E1%BA%A1i_cho_ta_nh%E1%BB%AFng_g%C3%AC%3F)
84. [https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7\\_quy%E1%BB%81n](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_quy%E1%BB%81n)
85. Đào Thanh Huyền, (07/2008), “Trần Đăng Khoa lão đảo về miền thi ca”, <http://web.hanu.vn/vnh/mod/forum/discuss.php?d=2159>
86. Nguyễn Thụy Kha, (4/2013), “Đọc “Trường ca biển” của Hữu Thịnh”, Báo *Lao động*, <http://laodong.com.vn/lao-dong-cuoi-tuan/doc-truong-ca-bien-cua-huu-thinh-113279.bld>
87. Thu Linh, Lương Chi, (5/2014), “Đề tài biển đảo trong Văn học: Không chỉ giờ mới “nóng”, <http://vov.vn/van-hoa/van-hoc/de-tai-bien-dao-trong-van-hoc-khong-chi-gio-moi-nong-326687.vov>
88. Trần Luân (03/2015), “Biển đảo trong thơ và thơ về biển đảo”, <http://www.baobinhphuoc.com.vn/Content/Print/33003900380032003300>



89. Ngô Minh (2011), “Nghe trẻ hát ở Trường Sa”, <http://ngominhblog.wordpress.com/2015/02/07/8922/>
90. Ngọc Phương Nam, “Ngọc cho đời- Trần Đăng Khoa trong tôi”, <https://khatkhaoxanh.wordpress.com/ngoc-cho-doi/>
91. Khuất Bình Nguyên, (10/2016), “Trần Đăng Khoa suốt đời vác cây thánh giá thơ”, <https://www.vanhoanghean.com.vn/van-hoa-va-doi-song27/cuoc-song-quanh-ta46/tran-dang-khoa-suot-doi-vac-cay-thanh-gia-tuoi-tho>
92. Mai Nhân, (11/2016), “Đề tài biển đảo trong dòng chảy văn học nghệ thuật”, <http://vov.vn/van-hoa/van-hoc/de-tai-bien-dao-trong-van-hoc-khong-chi-gio-moi-nong-326687.vov>
93. Nguyễn Thành Phong (2013), “Trường Sa làng mình”, <http://nhandan.com.vn/tetgiapngo/item/22141402-truong-sa-lang-minh.html>, tháng 4 - 2013
94. Nguyễn Ngọc Phú (2011), “Tổ quốc ba nghìn cây số biển”, <http://vanhocquenha.vn/vi-vn/113/50/cam-nhan-ve-bai-tho-to-quoc-toi-ba-nghin-cay-so-bien/125777.html>, đêm 2/10/2011
95. Nguyễn Hữu Quý, (7/2014), “Thơ viết về biển đảo cần một độ sâu hơn”, <http://vanhaiphong.com/sang-tac-tre/1293-th-v-bin-o-cn-mt--sau-hn--nguy-n-hu-quy.html>
96. Thất Sơn, (3/2015), “Ngày thơ Việt Nam hướng về biển đảo Tổ quốc”, <http://giaitri.vnexpress.net/tin-tuc/sach/lang-van/ngay-tho-viet-nam-huong-ve-bien-dao-to-quoc-3151856.html>
97. Xuân Thiêm (1965), “Cô gái Bạch Long Vĩ”, <http://www.maxreading.com/sach-hay/ca-nha-tho-viet-nam-the-ky-20/xuan-thiem-7860.html>
98. Lý Hoài Thu, (01/2016), “Biển và những biến hình kí hiệu trong thơ”, *Tạp chí Văn nghệ quân đội*, <http://vannghequandoi.com.vn/Binh-luan-van-nghe/bien-va-nhung-bien-hinh-ki-hieu-trong-tho-8435.html>

99. “Trang thơ: Hướng về biển Đông”, Tạp chí sông Hương, số 304, năm 2014, <http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c308/n15884/Trang-tho-Huong-ve-bien-dong.html>
100. Nguyễn Phong Vân, (14/5/2014), “Tình yêu biển đảo qua các vần thơ lay động cộng đồng mạng”, <http://tiin.vn/chuyen-muc/song/tinh-yeu-bien-dao-trong-nhung-van-tho-lay-dong-cong-dong-mang.html>
101. Đỗ Ngọc Yên (2017), “Đề tài biển đảo trong thơ ca Việt Nam”, <http://vanhocquenha.vn/vi-vn/113/49/de-tai-bien-dao-trong-tho-ca-viet-nam-/124101.html>